

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
VĂN PHÒNG**

\*

Số 3469-CV/VPTW/nb

*V/v gửi bản điện tử Kiến trúc tổng thể  
công nghệ thông tin và truyền thông*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

*Kính gửi: - Các cơ quan đảng ở Trung ương,  
- Các tỉnh ủy, thành ủy,*

Thường trực Ban Bí thư đã ký Quyết định số 189-QĐ/TW, ngày 19/4/2019 ban hành Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0. Văn phòng Trung ương Đảng xin gửi đến các cơ quan bản điện tử Quyết định và Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0 có chứng thực chữ ký số.

Thông báo các đồng chí biết và thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Trung tâm CNTT-Cơ yếu,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Trần Việt Hùng**

**QUYẾT ĐỊNH**

**ban hành Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin  
và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0**

- 
- Căn cứ Điều lệ Đảng;
  - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XII;
  - Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khoá XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
  - Căn cứ Quyết định số 260-QĐ/TW, ngày 01/10/2014 của Ban Bí thư về việc ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2015 - 2020;
  - Xét đề nghị tại Tờ trình số 66-TTr/VPTW/nb, ngày 18/4/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng,

**BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0 (văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Các cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Giao Văn phòng Trung ương Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ và cơ quan đảng thực hiện Kiến trúc này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các cơ quan đảng ở Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Quân uỷ Trung ương,
- Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính,  
Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an,
- Ban Cơ yếu Chính phủ,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Trần Quốc Vượng

**KIẾN TRÚC TỔNG THỂ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG THỐNG NHẤT TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG  
PHIÊN BẢN 1.0**

*(Kèm theo Quyết định số 189-QĐ/TW, ngày 19/4/2019  
của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

-----

**I. TẦM NHÌN KIẾN TRÚC**

**1.1. Mục đích**

**a) Mục đích chung**

Xây dựng Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng (viết tắt là Kiến trúc CNTT-TT) nhằm định hướng thống nhất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; nâng cao hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; góp phần đổi mới lề lối, phương thức làm việc, nâng cao chất lượng công tác của cán bộ đảng viên và thúc đẩy cải cách hành chính trong Đảng.

**b) Mục đích cụ thể**

- Tạo một mô hình thống nhất, làm căn cứ để các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương đầu tư, xây dựng và khai thác các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động nghiệp vụ, quản lý và điều hành.

- Làm căn cứ để lập kế hoạch, chương trình, dự án và thiết lập yêu cầu chức năng, kỹ thuật của các hệ thống thông tin.

- Tăng cường kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, nâng cao khả năng tận dụng năng lực hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu sẵn có thay vì xây dựng mới. Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, vững chắc an toàn, an ninh thông tin phục vụ hoạt động của các cơ quan đảng

- Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; bảo đảm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hạn chế trùng lắp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của các cơ quan đảng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng trong trao đổi thông tin, khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu,... nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thông tin, góp phần đổi mới lề lối, phương thức làm việc, nâng cao chất lượng công tác, cải cách hành chính trong Đảng.

## 1.2. Phạm vi áp dụng

### a) Về đối tượng

Các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương, tới cấp xã, phường, thị trấn.

### b) Về thời gian

Giai đoạn từ nay đến năm 2025.

## 1.3. Nguyên tắc xây dựng kiến trúc

Nguyên tắc xây dựng Kiến trúc CNTT-TT là nguyên tắc thực hiện trong xây dựng, triển khai, duy trì và nâng cấp kiến trúc, bao gồm các nội dung sau:

Bảng I-1: Các nguyên tắc xây dựng kiến trúc

Mã	Tên	Khẳng định	Ý nghĩa
<b>I</b>	<b>Các nguyên tắc về nghiệp vụ</b>		
NV01	Tính liên kết với chiến lược.	Nghiệp vụ trong các cơ quan đảng có tính liên kết với tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược.	Chỉ ra được mối liên hệ hữu cơ, gắn bó giữa nghiệp vụ với tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của tổ chức.
NV02	Đáp ứng nhu cầu.	Nghiệp vụ trong các cơ quan đảng đáp ứng được nhu cầu sử dụng của cán bộ, đảng viên và của lãnh đạo các cơ quan đảng.	Tối đa hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và công tác tham mưu của các cơ quan đảng.
NV03	Chuẩn hóa nghiệp vụ.	Nghiệp vụ được đơn giản hóa và chuẩn hóa.	Nghiệp vụ được chuẩn hóa, thuận lợi cho việc tin học hóa hoạt động chuyên môn.
<b>II</b>	<b>Các nguyên tắc về dữ liệu</b>		
DL01	Dữ liệu là tài sản.	Dữ liệu là một tài sản có giá trị cho các cơ quan đảng và được quản lý phù hợp.	Đây là một trong ba nguyên tắc chặt chẽ có liên quan về dữ liệu: dữ liệu là một tài sản; dữ liệu được chia sẻ; và dữ liệu có thể dễ dàng tiếp cận. Kéo theo đó là một nhiệm vụ giáo dục để đảm bảo rằng tất cả các tổ chức đều hiểu được mối quan hệ giữa giá trị của dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, và tiếp cận dữ liệu. Người quản lý phải có quyền quản lý các dữ

			liệu mà họ chịu trách nhiệm.
DL02	Dữ liệu được chia sẻ.	Người dùng có quyền truy cập vào các dữ liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình theo quyền hạn và trách nhiệm.	Sử dụng hiệu quả dữ liệu của tổ chức, khắc phục được tình trạng cát cứ dữ liệu; do đó dữ liệu sẽ được chia sẻ giữa các chức năng và giữa các tổ chức
DL03	Dữ liệu được phép truy cập.	Cho phép người dùng truy cập dữ liệu để thực hiện các chức năng/nhiệm vụ của họ theo thẩm quyền và trách nhiệm.	Sử dụng hiệu quả dữ liệu của tổ chức, khắc phục được tình trạng cát cứ dữ liệu; do đó dữ liệu sẽ được chia sẻ giữa các chức năng và giữa các tổ chức.
<b>III</b>	<b>Các nguyên tắc về ứng dụng</b>		
UD01	Trung lập về công nghệ.	Ứng dụng của các cơ quan đảng không phụ thuộc vào công nghệ cụ thể của các tổ chức, doanh nghiệp.	Ứng dụng không phụ thuộc vào công nghệ cụ thể của các tổ chức, doanh nghiệp, bảo đảm sự phát triển lâu dài, bền vững của ứng dụng.
UD02	Tiếp cận kiến trúc hướng dịch vụ.	Ứng dụng của các cơ quan đảng tiếp cận theo kiến trúc hướng dịch vụ.	Linh hoạt trong triển khai, mở rộng; giảm chi phí phát triển, bảo trì và tăng hiệu quả đầu tư.
<b>IV</b>	<b>Các nguyên tắc về công nghệ</b>		
CN01	Đáp ứng các yêu cầu của ứng dụng.	Công nghệ phải đáp ứng với yêu cầu của ứng dụng.	Bảo đảm cho việc phát triển ứng dụng đúng với yêu cầu nghiệp vụ và các yêu cầu của người sử dụng.
CN02	Phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan đảng.	Công nghệ phải phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan đảng.	Bảo đảm cho việc phát triển ứng dụng phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan đảng về môi trường, tính chất công việc cũng như yêu cầu bảo mật dữ liệu cao.
CN03	Tương thích với các công nghệ phổ biến; ưu tiên các công nghệ mới.	Công nghệ phải tương thích với các công nghệ phổ biến; ưu tiên các công nghệ mới.	Bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các công nghệ phổ biến, đang được sử dụng có hiệu quả với ứng dụng các công nghệ mới.
<b>V</b>	<b>Các nguyên tắc về An toàn thông tin</b>		
AT01	Bảo đảm an toàn trong tất	An toàn thông tin các cơ quan đảng được bảo đảm	An toàn thông tin được bảo đảm trên mọi góc độ; tạo niềm

	cả các giai đoạn phát triển kiến trúc.	trong tất cả các giai đoạn phát triển kiến trúc.	tin cho người sử dụng và đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ bí mật của các cơ quan đảng.
AT02	Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thông tin.	An toàn thông tin của các cơ quan đảng được thực hiện theo đúng các quy định về bảo mật và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn thông tin.	Thông tin, dữ liệu của các cơ quan đảng được bảo đảm an toàn, bảo mật theo đúng các quy định về bảo mật của Đảng (sử dụng 2 mạng), pháp luật của nhà nước và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia TCVN) và tiêu chuẩn quốc tế (ISO) về an toàn thông tin (ATTT).
AT03	Không cản trở ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT).	Việc bảo đảm an toàn thông tin không làm cản trở triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan đảng.	Công tác triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan đảng không bị cản trở vì những lý do không thuyết phục về bảo đảm ATTT.

#### 1.4. Chỉ tiêu định hướng kiến trúc

Trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, Quyết định số 260-QĐ/TW ngày 01/10/2014 của Ban Bí thư phê duyệt Chương trình ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2015 - 2020 (gọi là Chương trình 260) và tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát nhu cầu của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương, chỉ tiêu định hướng cụ thể như sau:

**Đến hết năm 2019**, trên cơ sở kế thừa các kết quả đã đạt được từ các Đề án, Chương trình trước, tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng dữ liệu nền tảng của hệ thống: Đó là cơ sở dữ liệu (CSDL) người dùng các hệ thống thông tin (HTTT) của Đảng, trên cơ sở kế thừa từ CSDL cán bộ, công chức đã có, làm cơ sở cho thiết kế mới hoặc nâng cấp các hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung sử dụng cơ chế xác thực một lần (SSO: Single Sign One).

- Xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu cốt lõi, gồm: CSDL Văn kiện Đảng; CSDL Đảng viên; CSDL cán bộ công chức các cơ quan đảng; CSDL các danh mục hệ thống như danh mục các cơ quan trong hệ thống Đảng, Mục lục hồ sơ

kho lưu trữ;... để xây dựng các hệ thống Mã thông tin, làm cơ sở cho thiết kế mới hoặc nâng cấp các hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung dữ liệu.

- Thiết kế các cơ sở dữ liệu dùng chung, gồm: CSDL Văn bản quy phạm pháp luật; Các dữ liệu cơ bản về: Cán bộ công chức các cơ quan đảng, Cán bộ diện Bộ Chính trị (BCT), Ban Bí thư (BBT) quản lý; Dữ liệu cơ bản về đơn thư khiếu nại tố cáo; CSDL về các tổ chức Đảng; CSDL văn bản và hồ sơ công việc của các cơ quan đảng; CSDL Đề tài nghiên cứu khoa học của cơ quan Đảng; CSDL các quy định về: quản lý cán bộ công chức, tài chính, tài sản, ứng dụng CNTT của các cơ quan đảng.

- Hoàn thành xây dựng Cổng thông tin điện tử (TTĐT) nội bộ của Đảng trên mạng diện rộng, Cổng TTĐT của Đảng trên Internet, làm cơ sở cho việc tích hợp các hệ thống thông tin chuyên ngành và các ứng dụng dùng chung.

- Hoàn thành nâng cấp HTTT điều hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan đảng trên WAN, chuyển sang giao diện Web, tích hợp cơ chế SSO, tích hợp chữ ký số và giải pháp bảo mật, tích hợp các CSDL Văn kiện Đảng, Mục lục hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, hình thành các kho dữ liệu của các cơ quan đảng.

- Thiết kế chi tiết hoặc điều chỉnh thiết kế của các hệ thống thông tin chuyên ngành, dựa trên các cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ chế SSO phù hợp với Kiến trúc CNTT-TT.

- Triển khai xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đảng, làm cơ sở cho việc liên thông, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin dùng chung.

- Xây dựng quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu trong các cơ quan đảng.

- Hoàn thành việc triển khai chữ ký số cho các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đồng bộ, thống nhất.

### **Đến hết năm 2020:**

- Hoàn thành xây dựng các Trung tâm tích hợp dữ liệu của các tỉnh ủy, thành ủy; kết nối với Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng ở Trung ương.

- Hoàn thành cả 8 HTTT chuyên ngành dùng chung theo mô hình 2 cấp với các chức năng cơ bản, cùng với các CSDL dùng chung và các danh mục dùng

chung: Danh mục các đơn vị sử dụng các HTTT của Đảng đã triển khai thiết kế, xây dựng trong năm 2019.

- Hoàn thành hệ thống Email công vụ trên Internet dùng chung cho các cơ quan đảng.

- Hoàn thành xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng.

- Hoàn thành xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đảng.

- Hoàn thiện hệ thống giám sát ATTT tại Trung ương, triển khai các giải pháp bảo đảm ATTT cho các cơ quan đảng đồng bộ, thống nhất trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

Trên cơ sở hoàn thành các nhiệm vụ nêu trên vào năm 2020, cũng là thực hiện thành công Chương trình 260 giai đoạn 2015 - 2020.

**Đến hết năm 2025:** Hoàn thành nhiệm vụ triển khai Kiến trúc CNTT-TT, gồm:

- Hoàn thành 100% các HTTT chuyên ngành dùng chung với đầy đủ các chức năng theo mô hình 2 cấp, phù hợp với Kiến trúc CNTT-TT.

- Hệ thống đào tạo trực tuyến của các cơ quan đảng.

- Hệ thống giám sát ATTT mạng của các cơ quan đảng.

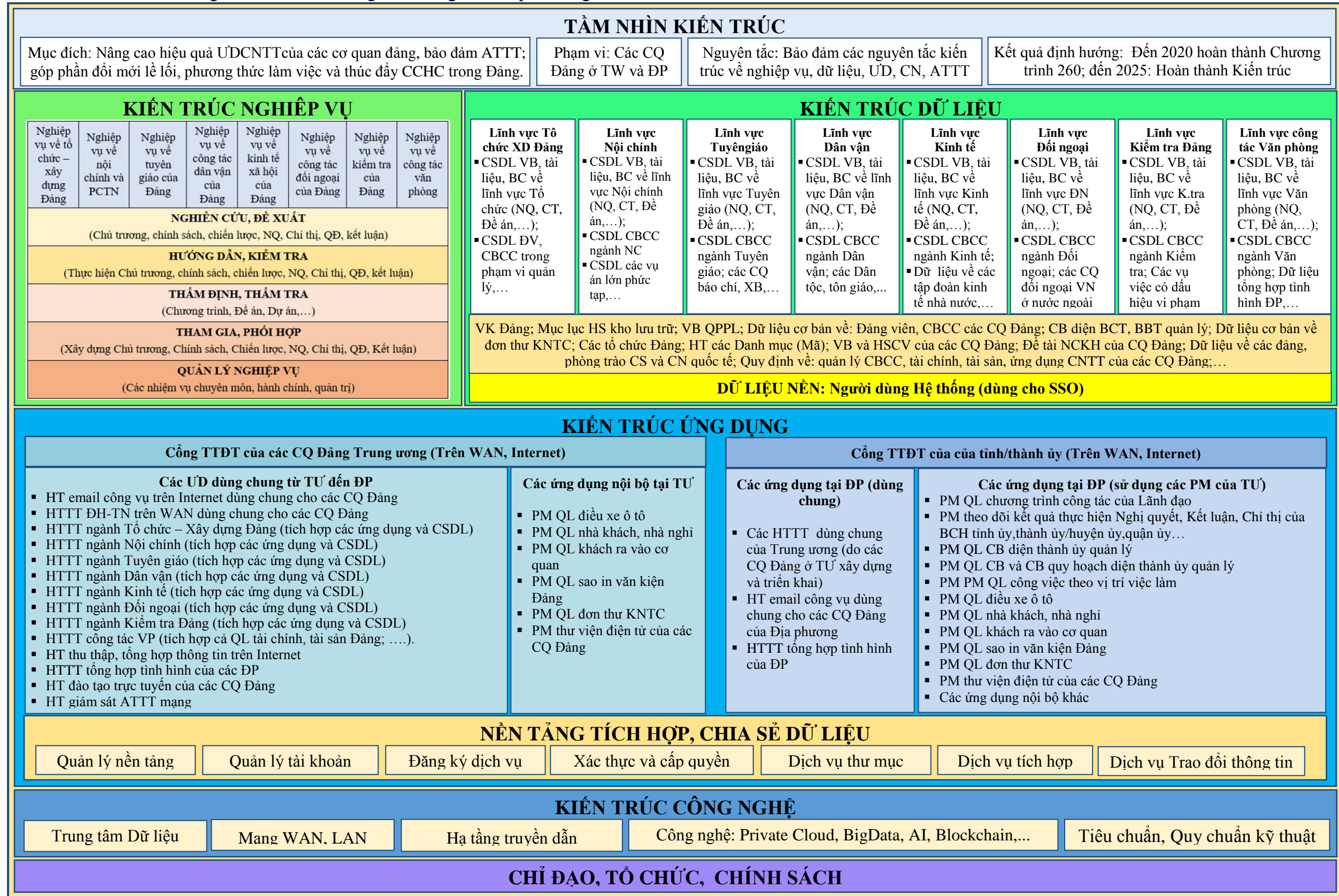
- Quy định về thẩm định kỹ thuật các dự án CNTT của các cơ quan đảng, bảo đảm tuân thủ Kiến trúc CNTT-TT.



## II. KIẾN TRÚC TỔNG THỂ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THỐNG NHẤT TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

Kiến trúc CNTT-TT bao gồm các kiến trúc thành phần: Kiến trúc nghiệp vụ, Kiến trúc dữ liệu, Kiến trúc ứng dụng, Kiến trúc công nghệ, Kiến trúc an toàn thông tin.

Mô hình Kiến trúc tổng thể CNTT-TT thống nhất trong các cơ quan đảng như sau:



**Các HTTT, CSDL bên ngoài**

(Chú thích: Các từ viết tắt được hiểu như sau: UDCNTT-ứng dụng công nghệ thông tin; CQ-Cơ quan; TW-Trung ương; ĐP-Địa phương; UD-Ứng dụng; CN-Công nghệ; PCTN-Phòng chống tham nhũng; VB-Văn bản; BC-Báo cáo; CCHC-Cải cách hành chính; NQ-Nghị quyết; CT-Chỉ thị; VK-Văn kiện; CBCC-Cán bộ công chức; ĐV-Đảng viên; CS và CN-Cộng sản và công nhân; HTTT-Hệ thống thông tin; ĐH-TN-Điều hành tác nghiệp; PM QL-Phần mềm quản lý; KNTC-Khiếu nại tố cáo).

### **III. KIẾN TRÚC NGHIỆP VỤ**

#### **3.1. Hệ thống tổ chức Đảng và mối quan hệ lãnh đạo, phối hợp của các cơ quan đảng trong Hệ thống chính trị**

Theo quy định Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành năm 2011, Quy định 29/QĐ-TW ban hành năm 2016 về thi hành Điều lệ Đảng và Quy định 04-QĐi/TW ngày 15/7/2018 của Ban Bí thư về cơ cấu tổ chức các cơ quan đảng ở địa phương, các cơ quan lãnh đạo và tổ chức bộ máy của Đảng như sau:

- Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

- Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương gồm: Đại hội đại biểu toàn quốc; Ban Chấp hành Trung ương; Bộ Chính trị; Ban Bí thư. Các cơ quan tham mưu, tổ chức trực thuộc gồm: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban kiểm tra (UBKT) Trung ương; Đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Các đảng bộ khác trực thuộc Trung ương: Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ khối Doanh nghiệp Trung ương; Đảng bộ Quân đội; Đảng bộ Công an Trung ương; Ban cán sự (BCS) Đảng Chính phủ, BCS Đảng Viện Kiểm sát nhân dân (KSND) tối cáo, BCS Đảng Toà án Nhân dân tối cáo; Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBTW MTTQVN), Đảng đoàn tại các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

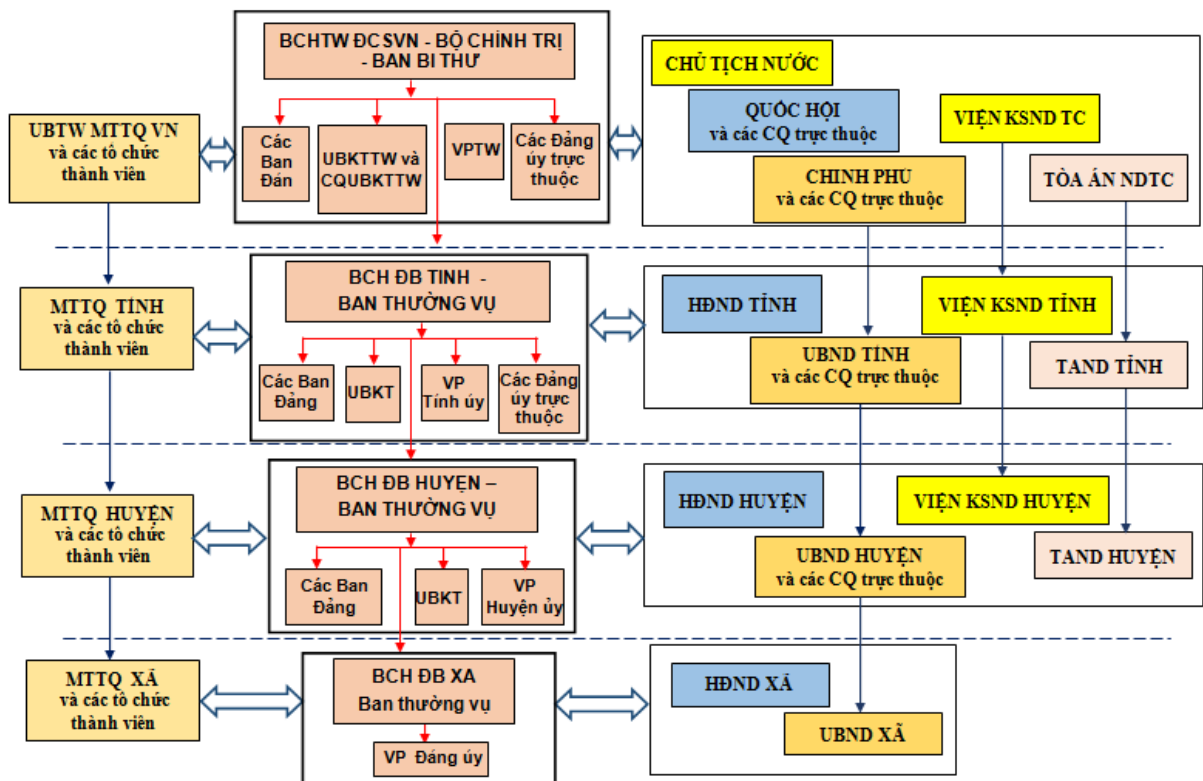
- Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương gồm: Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện; Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tỉnh ủy, thành ủy); Cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy); Ban Thường vụ; Thường trực cấp ủy.

Các cơ quan tham mưu, tổ chức trực thuộc cấp tỉnh gồm: Ban Tổ chức Tỉnh/Thành ủy, Ban Dân vận Tỉnh/Thành ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh/Thành ủy, Ban Nội chính Tỉnh/Thành ủy, Văn phòng Tỉnh/Thành ủy, UBKT Tỉnh ủy/Thành ủy; Đảng bộ cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Đảng bộ cấp trên trực tiếp của cơ sở (trương đương cấp huyện) trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Một số tổ chức cơ sở Đảng có vị trí quan trọng, đông đảng viên, nhiều tổ chức Đảng trực thuộc, được giao một số quyền của cấp trên cơ sở; Các đảng bộ, chi bộ cơ sở có vị trí quan trọng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh.

Các cơ quan tham mưu, tổ chức trực thuộc cấp huyện gồm: Ban Tổ chức Huyện/Quận ủy, Ban Dân vận Huyện/Quận ủy, Ban Tuyên giáo Huyện/Quận ủy, Văn phòng Huyện/Quận ủy, UBKT Huyện ủy/Quận ủy; Các đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn; Các đảng bộ cơ sở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang trực thuộc huyện ủy, quận ủy, thị ủy và tương đương.

Cơ quan tham mưu ở cấp xã gồm: Văn phòng Đảng ủy, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Tổ chức.

- Tổ chức cơ sở Đảng (Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) gồm: Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên; Đảng ủy, chi ủy.



Hình III-1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Đảng và mối quan hệ lãnh đạo, phối hợp của các cơ quan đảng trong hệ thống chính trị

### 3.2. Các lĩnh vực nghiệp vụ chính của các cơ quan đảng

Căn cứ quy định hiện hành các cơ quan đảng có 8 lĩnh vực nghiệp vụ lớn, gồm:

1) Lĩnh vực Tổ chức – Xây dựng Đảng: Tham mưu về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; đồng thời, là cơ quan chuyên môn – nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương.

2) Lĩnh vực Nội chính: Tham mưu về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực nội chính và phòng, chống tham nhũng (an ninh, quốc phòng, kiểm sát, thanh tra, xét xử; phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp).

3) Lĩnh vực Tuyên giáo: Tham mưu trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; về chủ trương, quan điểm và chính sách của Đảng trong lĩnh vực tuyên truyền, lý luận chính trị, lịch sử Đảng, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, thông tin, đối ngoại, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia đình, trẻ em; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của Đảng.

4) Lĩnh vực Dân vận: Tham mưu về chủ trương chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận của Đảng (Công tác mặt trận, các đoàn thể nhân dân; công tác dân tộc; công tác tôn giáo; công tác vận động các giai cấp, các tầng lớp nhân dân và người Việt Nam ở nước ngoài).

5) Lĩnh vực Kinh tế: Tham mưu trong việc định hướng xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; hoạch định đường lối, chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội.

6) Lĩnh vực Đối ngoại: Tham mưu về lĩnh vực đối ngoại (Quan hệ với các chính đảng, phong trào nhân dân trên thế giới, dự báo tình hình quốc tế, hoạt động ngoại giao của Đảng); chỉ đạo, hướng dẫn công tác đối ngoại nhân dân và quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trong hệ thống đảng, đoàn thể, tổ chức nhân dân.

7) Lĩnh vực công tác văn phòng: Tham mưu tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo của Đảng, phối hợp, điều hoà hoạt động của các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng; tham mưu về nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, trực tiếp quản lý tài chính, tài sản của các cơ quan đảng Trung ương và bảo đảm hậu cần phục vụ hoạt động của Trung ương Đảng; thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo.

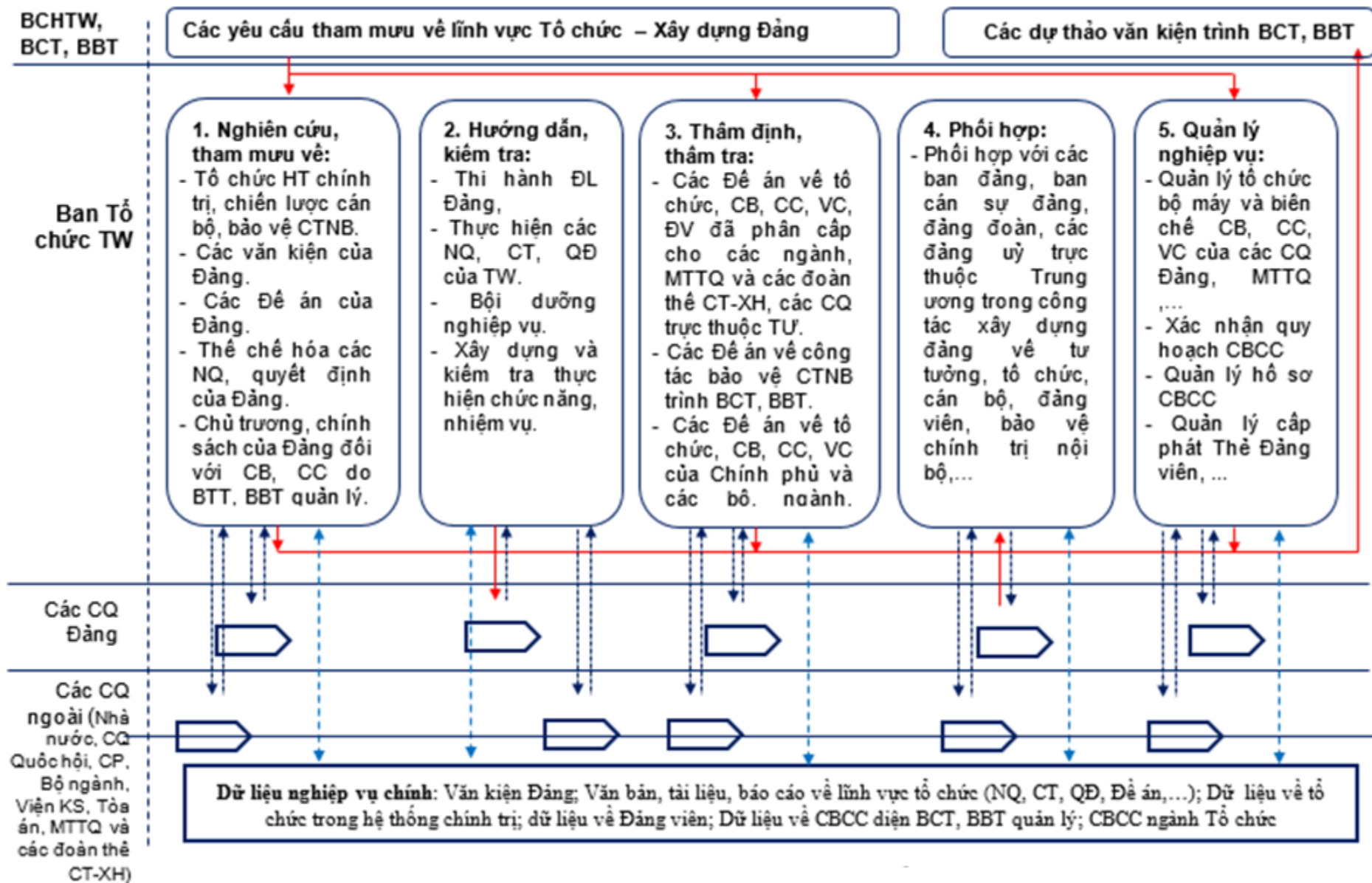
8) Lĩnh vực Kiểm tra Đảng: Tham mưu về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Trên cơ sở phân tích chức năng nhiệm vụ của các cơ quan đảng làm công tác tham mưu ở Trung ương, có thể tổng hợp thành 8 lĩnh vực nghiệp vụ chuyên ngành và 5 nhóm nhiệm vụ chung như mô tả trong bảng sau:

Bảng III-1: Kiến trúc nghiệp vụ của các cơ quan đảng ở Trung ương

Nghiệp vụ về tổ chức – xây dựng Đảng	Nghiệp vụ về nội chính và phòng chống tham nhũng	Nghiệp vụ về tuyên giáo của Đảng	Nghiệp vụ về công tác dân vận của Đảng	Nghiệp vụ về kinh tế xã hội của Đảng	Nghiệp vụ về công tác đối ngoại của Đảng	Nghiệp vụ về kiểm tra của Đảng	Nghiệp vụ về công tác văn phòng
<b>NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT</b> (Chủ trương, chính sách, chiến lược, NQ, Chỉ thị, QĐ, kết luận)							
<b>HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA</b> (Thực hiện Chủ trương, chính sách, chiến lược, NQ, Chỉ thị, QĐ, kết luận)							
<b>THẨM ĐỊNH, THẨM TRA</b> (Chương trình, Đề án, Dự án,...)							
<b>THAM GIA, PHỐI HỢP</b> (Xây dựng Chủ trương, Chính sách, Chiến lược, NQ, Chỉ thị, QĐ, Kết luận)							
<b>QUẢN LÝ NGHIỆP VỤ</b> (Các nhiệm vụ chuyên môn, hành chính, quản trị)							

Sơ đồ sau minh họa kiến trúc nghiệp vụ lĩnh vực Tổ chức – Xây dựng Đảng:



Hình III-2: Sơ đồ quan hệ nghiệp vụ của lĩnh vực Tổ chức – Xây dựng Đảng

Tổng hợp kết quả phân tích nghiệp vụ và các dữ liệu phục vụ cho các lĩnh vực hoạt động của các nghiệp vụ được nêu trong bảng sau.

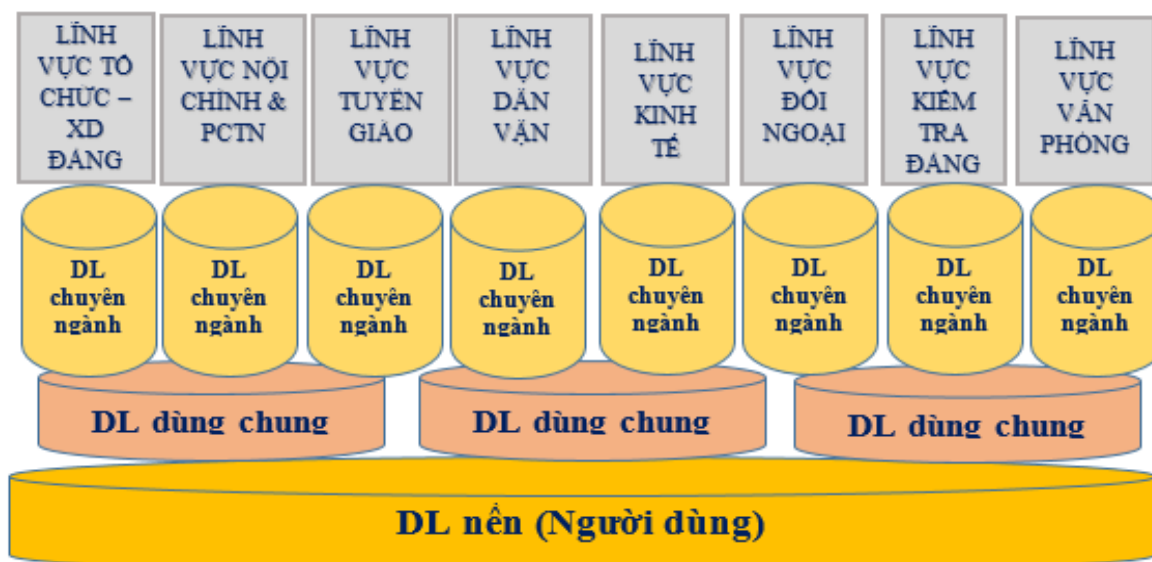
Bảng III-2: Thông tin, dữ liệu phục vụ cho các lĩnh vực nghiệp vụ của các cơ quan đảng ở Trung ương

Nghiệp vụ tổ chức – xây dựng Đảng	Nghiệp vụ nội chính và PCTN	Nghiệp vụ tuyên giáo	Nghiệp vụ về công tác dân vận	Nghiệp vụ về kinh tế	Nghiệp vụ về công tác đối ngoại	Nghiệp vụ về kiểm tra Đảng	Nghiệp vụ về công tác Văn phòng
Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực tổ chức (NQ, CT, QĐ, Đề án,...); Dữ liệu về tổ chức trong hệ thống chính trị; dữ liệu về Đảng viên; Dữ liệu về CBCC diện BCT, BBT quản lý	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Nội chính (NQ, CT, QĐ, Đề án,...); Dữ liệu về tổ chức và hoạt động của các CQ nội chính; Dữ liệu về các vụ việc, vụ án phức tạp; Đơn thư khiếu nại tố cáo; Dữ liệu về Đảng viên; Dữ liệu về CBCC diện BCT, BBT quản lý	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Tuyên giáo; Dữ liệu các CQ báo chí, XB, văn hóa, văn nghệ, CS đào tạo – bồi dưỡng chính trị, Hội nhà báo, VH-NT, KHKT; Dữ liệu về chương trình LLCT; Dữ liệu về Đề tài NCKH của CQ Đảng; Dữ liệu về CB lãnh đạo các CQ báo chí	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Dân vận; Dữ liệu HT CQ Dân vận các cấp; Dữ liệu về đội ngũ cán bộ dân vận; Dữ liệu về các dân tộc, tôn giáo; Thông tin, dữ liệu về dân chủ ở cơ sở.	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, đề án, dự án và các thông tin, dữ liệu, báo cáo về lĩnh vực Kinh tế; Thông tin, dữ liệu về các CB thuộc khối kinh tế - xã hội diện BCT, BBT quản lý; Thông tin, dữ liệu về các Đề án, dự án KT-XH lớn. Thông tin, dữ liệu về các TĐ kinh tế và Tcty NN, các NHTM và các tổ chức tài chính.	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Đối ngoại; Dữ liệu về các chính đảng, tổ chức trên TG mà Đảng ta có quan hệ; Các CQ đại diện VN ở nước ngoài; Dữ liệu về ĐV ở nước ngoài; Dữ liệu về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và NN; Dữ liệu về MTTQ và các đoàn thể CT-XH, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ở TƯ.	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Kiểm tra Đảng; Dữ liệu về Tổ chức Đảng các cấp; Dữ liệu về Đảng viên; Dữ liệu về đội ngũ cán bộ Kiểm tra Đảng; Dữ liệu về các vụ việc; Thông tin về Đơn thư khiếu nại, tố cáo	Văn kiện Đảng; Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực công tác Văn phòng; Dữ liệu HT Văn phòng các cấp; Dữ liệu về tài chính, tài sản; Dữ liệu về lưu trữ của Đảng; Dữ liệu về ứng dụng CNTT của Đảng; Dữ liệu về đơn thư; Dữ liệu về nhân sự chủ chốt cấp ủy trực thuộc TW; Dữ liệu về kinh tế - xã hội, AN-QP, XD Đảng của các địa phương.

## IV. KIẾN TRÚC DỮ LIỆU

### 4.1. Kiến trúc dữ liệu mức ngữ cảnh

Mô hình kiến trúc dữ liệu mức ngữ cảnh như minh họa ở hình sau:



Hình IV-1: Mô hình Kiến trúc mức ngữ cảnh

Trong kiến trúc này, dữ liệu được tổ chức theo ba mức:

- Mức dữ liệu nền tảng và dùng chung toàn bộ: đây là mức quản lý những dữ liệu được dùng chung cho cả 8 lĩnh vực trong các cơ quan đảng. Dựa vào việc phân tích nghiệp vụ cụ thể của cả tám lĩnh vực đó, các dữ liệu nền tảng này có thể bao gồm: Người dùng Hệ thống, Danh mục tổ chức Đảng. Ngoài ra, các dữ liệu dùng chung toàn bộ sẽ bao gồm: Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); Quy định về quản lý cán bộ công chức (CBCC); Quy định về tài chính, tài sản của Đảng; Ứng dụng CNTT của các cơ quan đảng; Hồ sơ lưu trữ của Đảng;

- Mức dữ liệu dùng chung theo nhóm lĩnh vực: dự kiến các dữ liệu này sẽ được chia thành hai nhóm lĩnh vực. Cụ thể, (i) Văn kiện Đảng; (ii) nhóm dữ liệu phục vụ cho các lĩnh vực Tổ chức-Nội chính-Dân vận và Tuyên giáo; và (iii) nhóm dữ liệu dùng chung cho các lĩnh vực Kinh tế-Đối ngoại-Kiểm tra-Văn phòng. Các dữ liệu dự kiến sẽ dùng chung cho mỗi nhóm lĩnh vực này sẽ được phân tích kỹ hơn ở mục kiến trúc logic.

- Mức dữ liệu cho từng lĩnh vực chuyên ngành: đây là dữ liệu có tính đặc thù và phù hợp với các nghiệp vụ của từng lĩnh vực; mức độ chi tiết của những dữ liệu này phải phù hợp với những yêu cầu cụ thể của từng nghiệp vụ trong mỗi lĩnh vực trong các cơ quan đảng.



## **4.2. Kiến trúc dữ liệu tương lai mức khái niệm**

Kiến trúc dữ liệu mức khái niệm được minh họa cụ thể trong hình sau đây:

Lĩnh vực Tổ chức –XD Đảng	Lĩnh vực Nội chính	Lĩnh vực Tuyên giáo	Lĩnh vực Dân vận	Lĩnh vực Kinh tế	Lĩnh vực Đối ngoại	Lĩnh vực Kiểm tra Đảng	Lĩnh vực công tác Văn phòng
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực tổ chức (NQ, CT, QĐ, Đề án,...);</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ ngành Tổ chức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Nội chính (NQ, CT, QĐ, Đề án,...);</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ ngành Nội chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Tuyên giáo;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ ngành Tuyên giáo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Dân vận;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ dân vận;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, đề án, dự án và các thông tin, dữ liệu, báo cáo về lĩnh vực Kinh tế;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ Ban Kinh tế TW.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Đối ngoại;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ Ban Đối ngoại TW</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực Kiểm tra Đảng;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ ngành Kiểm tra Đảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, tài liệu, báo cáo về lĩnh vực công tác Văn phòng;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ Văn phòng Trung ương Đảng.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu về các tổ chức trong hệ thống chính trị;</li> <li>- Dữ liệu về CB, Đảng viên;</li> <li>- Dữ liệu về CBCC điện BCT, BBT quản lý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu về tổ chức và hoạt động của các CQ nội chính;</li> <li>- Dữ liệu về các vụ việc, vụ án phức tạp;</li> <li>- Đơn thư khiếu nại tố cáo;</li> <li>- Dữ liệu về Đảng viên;</li> <li>- Dữ liệu về CBCC điện BCT, BBT quản lý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu các CQ báo chí, XB, văn hóa, văn nghệ, CS ĐT – BD chính trị, Hội nhà báo, VH-NT, KHKT;</li> <li>- Dữ liệu về chương trình LLCT;</li> <li>- Dữ liệu về CB lãnh đạo các CQ báo chí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu HT CQ Dân vận các cấp;</li> <li>- Dữ liệu về các dân tộc, tôn giáo;</li> <li>- Thông tin, dữ liệu về dân chủ ở cơ sở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin, dữ liệu về các CB thuộc khối kinh tế - xã hội điện BCT, BBT quản lý;</li> <li>- Thông tin, dữ liệu về các Đề án, dự án KT-XH lớn.</li> <li>- Thông tin, dữ liệu về các TĐ kinh tế và Tcty NN, các NHTM và các tổ chức tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu về MTTQ và các đoàn thể CT-XH, Các đoàn thể và tổ chức nhân dân ở TU;</li> <li>- Dữ liệu về Các CQ đại diện VN ở nước ngoài;</li> <li>- Dữ liệu về ĐV ở nước ngoài.</li> <li>- Dữ liệu về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và NN.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu về Đảng viên;</li> <li>- Dữ liệu về đội ngũ cán bộ Kiểm tra Đảng;</li> <li>- Dữ liệu về các vụ việc có dấu hiệu vi phạm;</li> <li>- Thông tin về Đơn thư khiếu nại, tố cáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu về tài chính, tài sản;</li> <li>- Dữ liệu về đơn thư khiếu nại tố cáo;</li> <li>- Dữ liệu tổng hợp KT-XH, ANQP, XD Đảng của các ĐP.</li> <li>- Dữ liệu về nhân sự chủ chốt cấp ủy trực thuộc TW;</li> <li>- Dữ liệu HT Văn phòng các cấp;</li> <li>- Dữ liệu về ứng dụng CNTT của Đảng;</li> </ul>
<p>Văn kiện Đảng; Mục lục Hồ sơ kho lưu trữ của Đảng; VB QPPL; Dữ liệu cơ bản về: Đảng viên, CBCC các cơ quan đảng; Cán bộ điện BCT, BBT quản lý; Các tổ chức Đảng; Hệ thống các Danh mục (Mã); Dữ liệu về VB và hồ sơ công việc của các cơ quan đảng; Dữ liệu về Đề tài NCKH của CQ Đảng; Dữ liệu cơ bản về đơn thư khiếu nại, tố cáo; Dữ liệu về tổ chức, phòng trào CS và CN thế giới; Quy định về: Quản lý CBCC, tài chính, tài sản, ứng dụng CNTT của các cơ quan đảng;...</p>							
<p><b>DỮ LIỆU NỀN: Người dùng Hệ thống (dùng cho SSO)</b></p>							

Hình IV-2: Kiến trúc dữ liệu tương lai mức khái niệm

Trong kiến trúc dữ liệu mức khái niệm, dữ liệu trong các cơ quan đảng sẽ được phân thành ba mức: (i) dữ liệu nền; (ii) dữ liệu dùng chung; và (iii) dữ liệu nghiệp vụ chuyên biệt cho từng lĩnh vực trong các cơ quan đảng:

**(i) Dữ liệu nền:** là nội dung dữ liệu được dùng chung cho toàn bộ các ứng dụng và là những dữ liệu quan trọng để hình thành các hệ thống thông tin cũng như các ứng dụng trong cả 08 lĩnh vực trong các cơ quan đảng.

Dữ liệu ở mức này dự kiến chỉ bao gồm: Dữ liệu người dùng hệ thống chứa những thuộc tính cơ bản của người dùng để phục vụ cho xây dựng và triển khai các ứng dụng, HTTT chuyên ngành theo tư tưởng hình thành dịch vụ đăng nhập một lần cho tất cả các ứng dụng trong các cơ quan đảng.

**(ii) Dữ liệu dùng chung:** là dữ liệu mà các ứng dụng và các hệ thống thông tin chuyên ngành của 08 lĩnh vực hoạt động trong các cơ quan đảng đều có thể sử dụng chung.

Trong số các dữ liệu dùng chung này, đến năm 2020 trước hết sẽ định hình 04 cơ sở dữ liệu trọng điểm theo đúng lộ trình của Chương trình 260. Cụ thể bao gồm:

- CSDL về các Văn kiện Đảng đã được công bố, phục vụ cho các nghiệp vụ chuyên ngành.

- CSDL Mục lục Hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, phục vụ cho việc lưu trữ, tra cứu lại toàn bộ dữ liệu dữ liệu điện tử của Đảng xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

- CSDL Cán bộ, Đảng viên: Đây là CSDL bao gồm cả những dữ liệu chung về Đảng viên mà tất cả 08 lĩnh vực đều có thể dùng chung. Các dữ liệu Đảng viên chuyên biệt liên quan đến ba lĩnh vực Tổ chức – Nội chính – Kiểm tra sẽ được quản lý cục bộ trong mỗi lĩnh vực tương ứng (bao gồm cả dữ liệu thuộc diện BBT, BCT quản lý). Tương tự, đối với dữ liệu về cán bộ công chức trong các cơ quan đảng, dữ liệu chung về cán bộ công chức sẽ được dùng chung trong toàn bộ các cơ quan của Đảng. Tuy nhiên, việc quản lý khai thác sẽ tùy thuộc vào vai trò của mỗi lĩnh vực chuyên ngành.

- CSDL chuyên đề, như Xin ý kiến văn kiện Đại hội Đảng; Triển khai, tổng kết các nghị quyết lớn của Đảng; Cơ sở dữ liệu thông tin tổng hợp của các

địa phương; ... Việc chia sẻ, dùng chung các dữ liệu chuyên đề này sẽ được xác lập thông qua chức năng nhiệm vụ và vai trò của từng đơn vị, tác nhân tham gia vào hệ thống thông tin chuyên đề.

Ngoài 05 CSDL trọng điểm theo Chương trình 260, dữ liệu dùng chung ở mức này còn bao gồm:

- Dữ liệu về các tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị Việt Nam, phục vụ cho việc xác định các đối tượng tương ứng với các chức năng nghiệp vụ trong 08 lĩnh vực của các cơ quan đảng.

- Dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật.

- Dữ liệu đơn thư khiếu nại, tố cáo: là nội dung dữ liệu được dùng chung cho các lĩnh vực Văn phòng, Kiểm tra, Nội chính. Ngoài ra, dữ liệu chuyên biệt cũng sẽ được quản lý nội tại trong mỗi lĩnh vực đó.

- Dữ liệu về kết quả Đề tài nghiên cứu khoa học của các cơ quan đảng.

- Dữ liệu về quy định quản lý cán bộ trong các cơ quan đảng.

- Dữ liệu về các quy định tài chính, tài sản trong các cơ quan đảng.

- Dữ liệu về các quy định liên quan đến các ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng.

- Dữ liệu về VB và hồ sơ công việc của các cơ quan đảng;

**(iii) Dữ liệu chuyên ngành:** là dữ liệu gắn với các hoạt động nội tại trong 08 lĩnh vực của các cơ quan đảng.

Trong các dữ liệu chuyên ngành này, mỗi lĩnh vực có các dữ liệu tập hợp các văn bản, tài liệu, báo cáo liên quan đến lĩnh vực đó. Ngoài ra, mỗi lĩnh vực có dữ liệu chuyên biệt về toàn bộ đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực đó.

Toàn bộ các dữ liệu chuyên ngành còn lại đều được xác định dựa vào khảo sát và quá trình phân tích nghiệp vụ cụ thể.

### **4.3. Danh mục thành phần dữ liệu**

Các thành phần dữ liệu và các nghiệp vụ trong các cơ quan đảng được tổng hợp lại trong Bảng IV-1 thể hiện danh mục thành phần dữ liệu (Data Component Catalog) sau đây:

Bảng IV-1: Danh mục thành phần dữ liệu chính trong kiến trúc dữ liệu các cơ quan đảng

STT	Mã	Danh mục dữ liệu	Tại Trung ương								Tại cấp Tỉnh						Tại cấp Huyện					Tại cấp Xã
			Tổ chức	Nội chính	Tuyên giáo	Dân vận	Kinh tế	Đối ngoại	Kiểm tra	Văn phòng	Tổ chức	Nội chính	Tuyên giáo	Dân vận	Kiểm tra	Văn phòng	Tổ chức	Tuyên giáo	Dân vận	Kiểm tra	Văn phòng	Văn phòng
1	DCC01	CSDL người dùng	P	P	P	P	P	P	P	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
2	DCC02	CSDL Mục lục Hồ sơ kho lưu trữ điện tử	P	P	P	P	P	P	P	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
3	DCC03	CSDL Cán bộ, Đảng viên	C	K	K	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	K
4	DCC04	CSDL thông tin tổng hợp về KTXH, ANQP, XD Đảng của các địa phương	K	K	K	K	K	K	K	C	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
5	DCC05	CSDL Xin ý kiến văn kiện Đại hội Đảng	P	P	P	P	P	P	P	C	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
6	DCC06	CSDL thông tin về triển khai, tổng kết các nghị quyết lớn của Đảng	P	P	P	P	P	P	P	C	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
7	DCC07	Danh mục các tổ chức Đảng	C	K	K	K	K	K	K	P	P	K	K	K	K	P	P	K	K	K	K	K
8	DCC08	Dữ liệu về VB và hồ sơ công việc của các cơ quan đảng	P	P	P	P	P	P	P	C	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
9	DCC9	Dữ liệu về Đề tài NCKH của CQ Đảng	K	K	C	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K
10	DCC10	Dữ liệu cơ bản về đơn thư khiếu nại, tố cáo	P	P	K	K	K	K	C	P	P	P	K	K	P	P	P	K	K	P	P	K
11	DCC11	Dữ liệu về các quy định trong các cơ quan đảng (quản lý CBCC; tài chính/tài sản; ứng dụng CNTT;...)	P	P	P	P	P	P	P	C	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K
12	DCC12	Dữ liệu chuyên ngành Tổ chức	C		K						P		K				P	K				
13	DCC13	Dữ liệu chuyên ngành Nội chính		C							P		P				P					P
14	DCC14	Dữ liệu chuyên ngành Tuyên giáo			C								P					P				
15	DCC15	Dữ liệu chuyên ngành Dân vận				C								P					P			
16	DCC16	Dữ liệu chuyên ngành Kinh tế					C									P						
17	DCC17	Dữ liệu chuyên ngành Đối ngoại						C		P						P					P	P
18	DCC18	Dữ liệu chuyên ngành Kiểm tra							C						P					P		
19	DCC19	Dữ liệu chuyên ngành Văn phòng	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P

C: Chủ trì triển khai xây dựng, quản lý

P: Phối hợp quản lý, khai thác

K: Khai thác, sử dụng

Các loại dữ liệu trong Danh mục thành phần dữ liệu chính trong kiến trúc dữ liệu các cơ quan đảng nêu trên, cùng với các nghiệp vụ đã nêu trong Chương III- Kiến trúc nghiệp vụ sẽ là nền tảng để hình thành các ứng dụng trong các cơ quan đảng trong tương lai.

Các thành phần dữ liệu có thể kế thừa (đã có hoặc có nhưng chưa đầy đủ) và các thành phần dữ liệu phải xây dựng mới (chưa có).

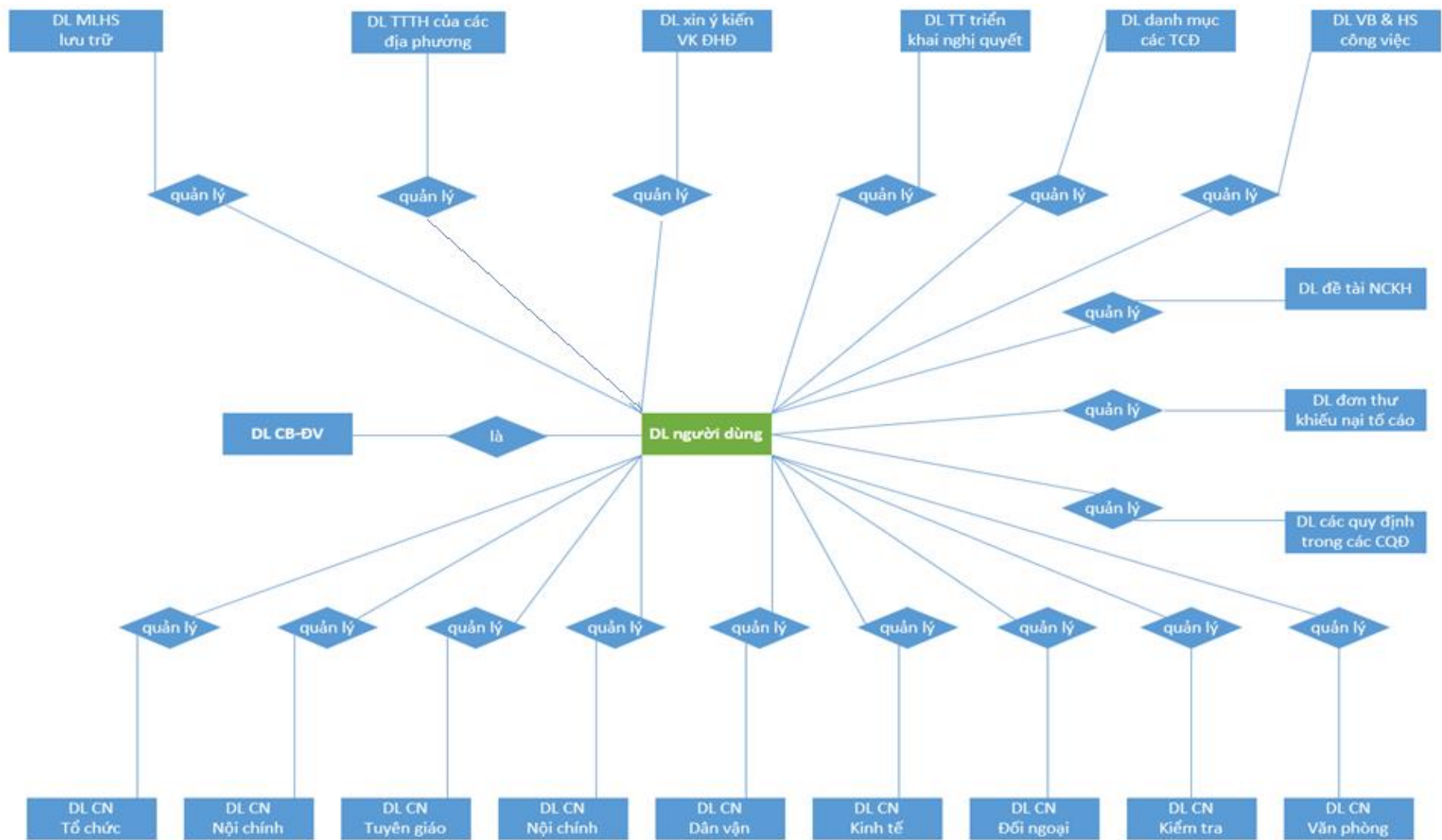
Bảng IV-2: Hiện trạng các thành phần dữ liệu của các cơ quan đảng

STT	Mã	Danh mục dữ liệu	Hiện trạng
1	DCC01	CSDL người dùng	Chưa có
2	DCC02	CSDL Mục lục Hồ sơ kho lưu trữ điện tử	Chưa đầy đủ
3	DCC03	CSDL Cán bộ, Đảng viên	Đã có
4	DCC04	CSDL thông tin tổng hợp của các địa phương	Chưa có
5	DCC05	CSDL Xin ý kiến văn kiện Đại hội Đảng	Chưa có
6	DCC06	CSDL thông tin về triển khai, tổng kết các nghị quyết lớn của Đảng	Chưa có
7	DCC07	Danh mục các tổ chức Đảng	Chưa có
8	DCC08	Dữ liệu về VB và hồ sơ công việc của các cơ quan đảng	Đã có
9	DCC09	Dữ liệu về Đề tài NCKH của CQ Đảng	Đã có
10	DCC10	Dữ liệu cơ bản về đơn thư khiếu nại, tố cáo	Đã có
11	DCC11	Dữ liệu về các quy định trong các cơ quan đảng (quản lý CBCC; tài chính/tài sản; ứng dụng CNTT;...)	Chưa đầy đủ
12	DCC12	Dữ liệu chuyên ngành Tổ chức	Chưa đầy đủ
13	DCC13	Dữ liệu chuyên ngành Nội chính	Chưa đầy đủ
14	DCC14	Dữ liệu chuyên ngành Tuyên giáo	Chưa đầy đủ
15	DCC15	Dữ liệu chuyên ngành Dân vận	Chưa đầy đủ
16	DCC16	Dữ liệu chuyên ngành Kinh tế	Chưa đầy đủ
17	DCC17	Dữ liệu chuyên ngành Đối ngoại	Chưa đầy đủ
18	DCC18	Dữ liệu chuyên ngành Kiểm tra	Chưa đầy đủ
19	DCC19	Dữ liệu chuyên ngành Văn phòng	Chưa đầy đủ

Các thành phần dữ liệu đã có hoặc có nhưng chưa đầy đủ sẽ được sử dụng lại trong kiến trúc dữ liệu tương lai; còn các thành phần dữ liệu chưa có cần phải xây dựng mới.

#### 4.4. Lược đồ mức khái niệm các thành phần dữ liệu

Các quan hệ tương hỗ giữa các thành phần dữ liệu trong các cơ quan đảng được minh họa như trong lược đồ ở hình dưới đây:



Hình IV-3: Lược đồ quan hệ mức khái niệm các thành phần dữ liệu trong các cơ quan đảng

(*Chú thích:* Các từ viết tắt được hiểu như sau: DL- dữ liệu; MLHS-Mục lục hồ sơ; TTTH-thông tin tổng hợp; VK ĐHĐ-Văn kiện Đại hội Đảng; TCD-Tổ chức Đảng; VB-HS-Văn bản-Hồ sơ; NCKH-nghiên cứu khoa học; CB-ĐV-Cán bộ, Đảng viên; CQĐ-Cơ quan Đảng; CN-Chuyên ngành).

Lược đồ này thể hiện ở mức khái quát các quan hệ cơ bản giữa các thành phần dữ liệu trong các cơ quan đảng. Các quan hệ cụ thể hơn gắn với nghiệp vụ đã được thể hiện trong ma trận danh mục thành phần dữ liệu trong bảng IV-1. Trong lược đồ này, người dùng có thể là cán bộ- đảng viên, cũng có thể là người dùng thông thường, thậm chí là công dân. Đối với quan hệ “quản lý” thể hiện tương quan giữa CSDL người dùng và các CSDL khác, tùy thuộc vào vai trò của người dùng mà sẽ được cấp quyền tương ứng với các chức năng sử dụng, khai thác, thu thập, cập nhật, quản trị dữ liệu.

Khi triển khai các hệ thống thông tin cụ thể tại các cơ quan đảng, cần phải có sự phân tích, thiết kế chi tiết, tường minh hơn các lược đồ cơ sở dữ liệu tương ứng với các hệ thống đó.



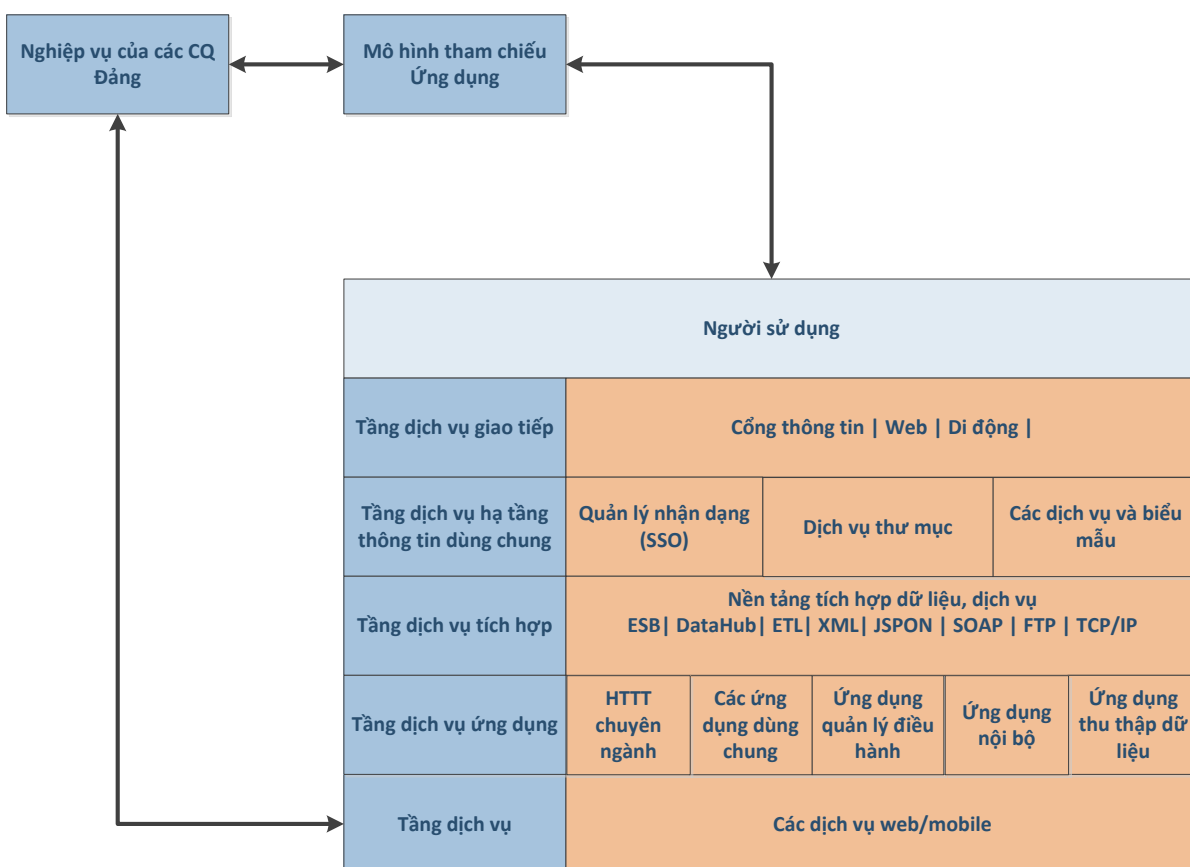
## V. KIẾN TRÚC ỨNG DỤNG

### 5.1. Kiến trúc ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng

#### 5.1.1. Mô hình tham chiếu ứng dụng của cơ quan Đảng

Mô hình tham chiếu ứng dụng thể hiện các lớp ứng dụng trong việc xây dựng ứng dụng trong Kiến trúc CNTT-TT.

Mô hình tham chiếu ứng dụng của các cơ quan đảng được thể hiện ở mô hình sau:



Hình V-1: Mô hình tham chiếu ứng dụng của các cơ quan đảng

Bảng V-1: Mô tả các thành phần mô hình tham chiếu ứng dụng của các cơ quan đảng

Các tầng dịch vụ	Mô tả
Tầng dịch vụ giao tiếp.	Đây là lớp trên cùng trong kiến trúc ứng dụng của các cơ quan đảng. Người sử dụng có thể truy cập các ứng dụng của các cơ quan đảng thông qua cổng thông tin, web, di động. Như vậy, công nghệ phát triển ứng dụng phải cho phép ứng dụng có thể truy cập được qua web, di động và kết hợp với cổng thông tin.
Tầng dịch vụ hạ tầng thông tin dùng chung.	<p>Đây là các dịch vụ dùng chung mà bất kỳ ứng dụng nào của các cơ quan đảng đều phải kết nối đến:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dịch vụ SSO: Đăng nhập một lần.</li> <li>2. Dịch vụ thư mục: Quản lý thư mục tài khoản người sử dụng.</li> <li>3. Các dịch vụ và các biểu mẫu điện tử cho phép sử dụng các dịch vụ dùng chung khác như an toàn thông tin trong trao đổi dữ liệu, dịch vụ quản lý quy trình, các biểu mẫu dùng chung trong thu thập dữ liệu.</li> </ol>
Tầng dịch vụ tích hợp.	Đây là tầng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các HTTT, CSDL của các cơ quan đảng.
Tầng dịch vụ ứng dụng.	<p>Cập nhật thông tin, xử lý các hoạt động nghiệp vụ. Chia sẻ thông tin cho bên ngoài và bên trong.</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ứng dụng dùng chung cho toàn bộ hệ thống cơ quan đảng.</li> <li>- 08 HTTT chuyên ngành theo 8 lĩnh vực.</li> <li>- Ứng dụng quản lý điều hành.</li> <li>- Các ứng dụng nội bộ cho từng đơn vị.</li> <li>- Các ứng dụng thu thập dữ liệu từ bên ngoài, mạng xã hội cũng như các hệ thống thông tin khác.</li> </ul>
Tầng dịch vụ.	Cung cấp các dịch vụ thông tin cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp hoặc nội bộ của cơ quan đảng. Cung cấp các dịch vụ ra bên ngoài thông qua web services và công nghệ mobile.

### 5.1.2. Danh mục các ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng

Bảng sau là danh mục các ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng được đưa vào kiến trúc:

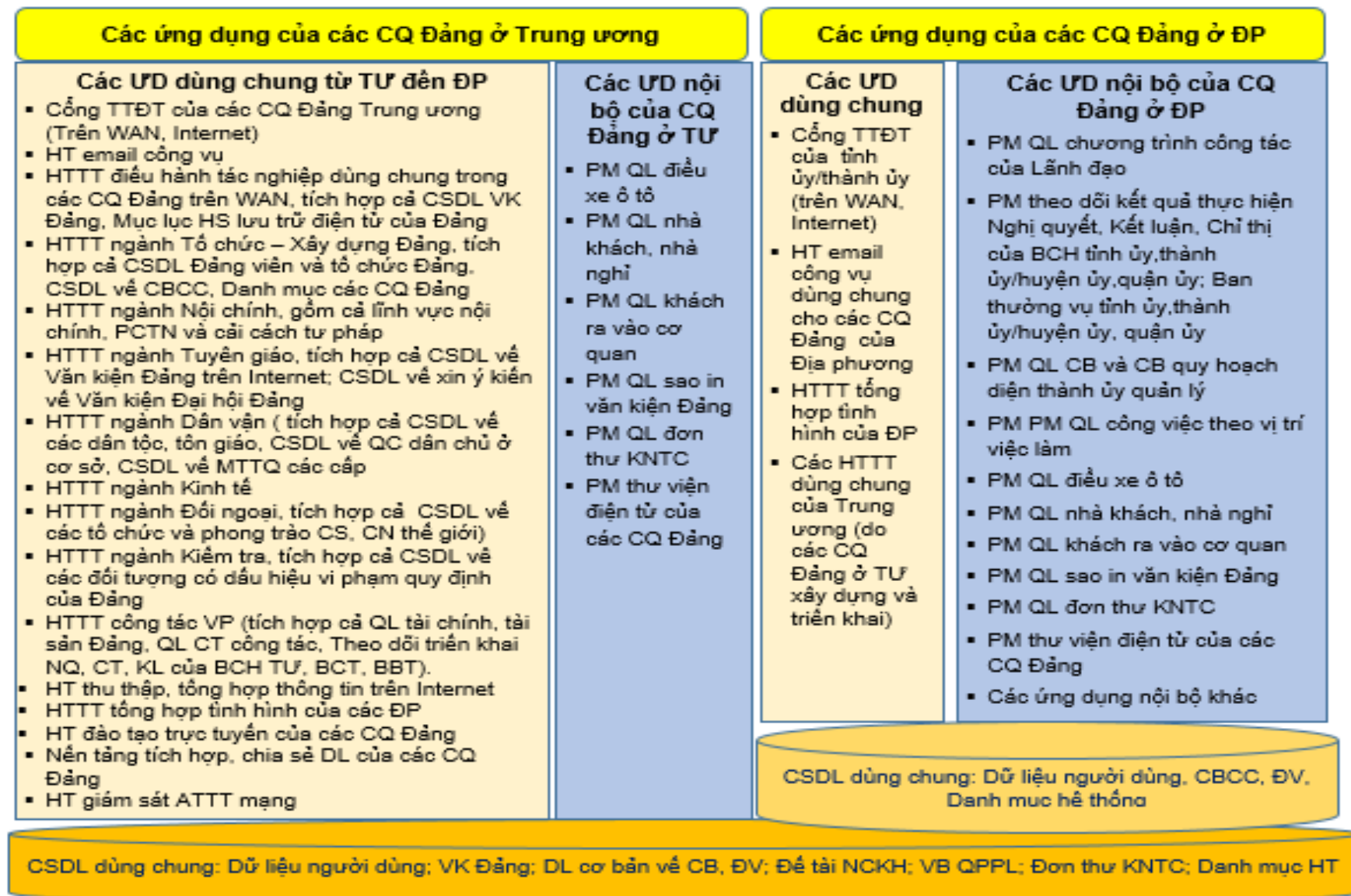
Bảng V-2: Danh mục các ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng được đưa vào Kiến trúc

STT	Tên dự án	Chương trình 260		Đề xuất mới	Thời gian hoàn thành			
		2015	2020		2019	2020	2022	2025
<b>A</b>	<b>CÁC CƠ QUAN ĐẢNG Ở TRUNG ƯƠNG</b>							
<b>I</b>	<b>Các HTTT, ứng dụng dùng chung</b>							
1.	Cổng TTĐT nội bộ của Đảng trên WAN.	x	x		x			
2.	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet.		x			x		
3.	HT Email công vụ dùng chung cho các cơ quan đảng trên Internet.			x		x		
4.	Hoàn thiện HTTT điều hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan đảng trên WAN (chuyển sang giao diện Web, tích hợp chữ ký số và giải pháp bảo mật), tích hợp cả CSDL Văn kiện Đảng, Mục lục hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, hình thành các kho dữ liệu của các cơ quan đảng.	X	x		x			
5.	HTTT ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng (tích hợp cả CSDL Đảng viên và tổ chức Đảng, CSDL về CBCC, Danh mục các cơ quan đảng).		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
6.	HTTT ngành Tuyên giáo (tích hợp cả CSDL về Văn kiện Đảng trên Internet; CSDL về xin ý kiến về Văn kiện Đại hội Đảng).		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
7.	HTTT ngành Nội chính (bao gồm cả lĩnh vực nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp).		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
8.	HTTT ngành Dân vận (tích hợp cả CSDL về các dân tộc, tôn giáo, CSDL về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, CSDL về MTTQ các cấp).		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
9.	HTTT ngành Kiểm tra Đảng (tích hợp cả CSDL về các đối tượng		x			Sử dụng các		x

	có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng).					chức năng cơ bản		
10.	HTTT ngành Kinh tế.		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
11.	HTTT ngành Đối ngoại (tích hợp cả CSDL về các đảng, phong trào CS & CN quốc tế).		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
12.	HTTT công tác Văn phòng, tích hợp cả: + PM quản lý tài chính, tài sản của Đảng. + PM quản lý Chương trình công tác của Lãnh đạo. + PM theo dõi triển khai Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.		x			Sử dụng các chức năng cơ bản		x
13.	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình KT-XH, ANQP, XD Đảng của các địa phương.		x			x		
14.	HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet.			x		x		
15.	HT đào tạo trực tuyến của các cơ quan đảng.			x			x	
16.	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đảng.			x	x			
17.	Xây dựng HT giám sát ATTT mạng của các cơ quan đảng.			x		x		
<b>II</b>	<b>Các ứng dụng nội bộ</b>							
18.	PM QL và điều hành xe ô tô.		x			x		
19.	PM QL nhà khách, nhà nghỉ.		x			x		
20.	PM QL khách ra vào cơ quan.		x			x		
21.	PM QL sao in văn kiện Đảng.			x		x		
22.	PM QL quản lý tư liệu, thư viện (Thư viện điện tử).		x		x			
23.	PM quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo dùng chung.			x	x			

<b>B</b>	<b>CÁC CƠ QUAN ĐẢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>							
<b>I</b>	<b>Các HTTT, ứng dụng dùng chung</b>							
1.	Cổng TTĐT nội bộ của tỉnh ủy/thành ủy (trên WAN).		x		x			
2.	Cổng TTĐT của tỉnh ủy/thành ủy trên Internet.			x		x		
3.	HT email công vụ dùng chung cho các cơ quan đảng của địa phương.			x		x		
4.	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình KT-XH, ANQP, XD Đảng của địa phương.		x		x			
5.	Các HTTT dùng chung của Trung ương (do các cơ quan đảng ở Trung ương xây dựng và triển khai).			x		x		
<b>II</b>	<b>Các HTTT, ứng dụng nội bộ</b>							
6.	PM QL chương trình công tác của Lãnh đạo.	x			x			
7.	PM theo dõi kết quả thực hiện Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Tỉnh ủy, Thành ủy/Huyện ủy, Quận ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy/Huyện ủy, Quận ủy.		x			x		
8.	PM QL CB diện thành ủy quản lý.					x		
9.	PM QL công việc theo vị trí việc làm.					x		
10.	PM QL đơn thư KNTC.	x			x			
11.	PM thư viện điện tử của các cơ quan đảng.						x	
12.	PM QL điều xe ô tô.					x		
13.	PM QL nhà khách, nhà nghỉ.					x		
14.	PM QL khách ra vào cơ quan.					x		
15.	PM QL sao in văn kiện Đảng.					x		
16.	Các ứng dụng nội bộ khác.					x		

Kiến trúc ứng dụng tương lai như sau:



Hình V-2: Kiến trúc ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng

Bảng V-3: Danh mục ứng dụng và mối quan hệ giữa các ứng dụng và các cơ quan có liên quan

S T T	Mã	Danh mục phần mềm	Tại Trung ương							Tại cấp tỉnh						Tại cấp huyện					Cấp xã	
			Tổ chức	Nội chính	Tuyên giáo	Dân vận	Kinh tế	Đối ngoại	Kiểm tra	Văn phòng	Tổ chức	Nội chính	Tuyên giáo	Dân vận	Kiểm tra	Văn phòng	Tổ chức	Tuyên giáo	Dân vận	Kiểm tra	Văn phòng	VP
1	SVP01	Cổng TTĐT của Đảng trên WAN	P	P	C	P	P	P	P	P	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
2	STG01	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet	P	P	P	P	P	P	P	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
3	STG02	HT thư điện tử công vụ của Đảng	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
4	SVP02	HTTT điều hành tác nghiệp	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
5	STC01	HTTT ngành Tổ chức Đảng – Xây dựng Đảng	C		K						P		K				P	K				
6	SNC01	HTTT ngành Nội chính		C						P		P				P					P	
7	STG03	HTTT ngành Tuyên giáo			C																	
8	SDV01	HTTT ngành Dân vận				C								P						P		
9	SKE01	HTTT ngành Kinh tế					C															
10	SDN01	HTTT ngành Đối ngoại						C		P					P					P	P	
11	SKT01	HTTT ngành Kiểm tra Đảng							C					P					P			
12	SVP03	HTTT công tác VP (tích hợp cả CT công tác của LD, theo dõi triển khai NQ,...; QL tài chính, tài sản của Đảng)	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
13	SVP04	HTTT tổng hợp tình hình KTXH, ANQP, XD Đảng của các ĐP	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
14	SVP05	HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
15	SVP06	HT đào tạo trực tuyến của Đảng	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P						
16	SVP07	Nền tảng tích hợp, chia sẻ DL của các cơ quan đảng	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P	K	K	K	K	P	P
17	SVP08	HT giám sát ATTT mạng	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	P				P		
18	SVP09	PM QL điều xe ô tô	K	K	K	K	K	K	K	C						C				P		
19	SVP10	PM QL nhà khách, nhà nghỉ	K	K	K	K	K	K	K	C						C				P		
20	SVP11	PM QL khách ra vào cơ quan	K	K	K	K	K	K	K	C						C				P		
21	SVP12	PM QL sao in văn kiện Đảng								C						C					C	
22	SVP13	PM QL đơn thư KNTC	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	C					C	
23	STG04	PM TV điện tử của các cơ quan đảng	K	K	C	K	K	K	K	K	K	K	C	K	K	K	K	K	K	C	K	C

C: Chủ trì triển khai xây dựng

P: Phối hợp quản lý, khai thác

K: Khai thác, Kết nối

### 5.1.3. Mô tả các ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng ở Trung ương

Phân nhóm các ứng dụng của các cơ quan đảng như sau:

Bảng V-4: Mô tả các ứng dụng tương lai của các cơ quan đảng

STT	Mã UD	Tên ứng dụng	Mục đích	Chức năng chính	CQ chủ trì
<b>I</b>		<b>Các HTTT, ứng dụng dùng chung</b>			
1.	SVP01	Cổng thông tin điện tử của Đảng trên WAN	Cung cấp thông tin và tích hợp ứng dụng của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương trên mạng TSLCD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích hợp các Trang/Cổng TTĐT của các Ban Đảng ở Trung ương</li> <li>- Cung cấp thông tin của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương</li> <li>- Tích hợp ứng dụng của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương</li> </ul>	VPTW
2.	STG01	Cổng thông tin điện tử của Đảng trên Internet	Cung cấp thông tin và tích hợp ứng dụng của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích hợp các Trang/Cổng TTĐT của các Ban Đảng ở Trung ương</li> <li>- Cung cấp thông tin của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương</li> <li>- Tích hợp ứng dụng của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương</li> </ul>	Ban Tuyên giáo TW.
3.	STG02	HT email công vụ trên Internet dùng chung cho các cơ quan đảng	Cung cấp dịch vụ thư điện tử cho CBCC của các cơ quan đảng	Gửi nhận thư điện tử	Ban Tuyên giáo TW.
4.	SVP02	Hoàn thiện HTTT điều	Quản lý VB đi, đến và	- Truyền, nhận VB giữa các cơ quan đảng.	VPTW



		hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan đảng trên WAN (chuyển sang giao diện Web, tích hợp chữ ký số và giải pháp bảo mật), tích hợp cả CSDL Văn kiện Đảng, Mục lục hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, hình thành các kho dữ liệu của các cơ quan đảng.	truyền, nhận VB giữa các cơ quan đảng từ TW đến ĐP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý VB đi, đến CQ Đảng.</li> <li>- Tra cứu VB</li> <li>- Gửi nhận email</li> <li>- CSDL Văn kiện Đảng,</li> <li>- Mục lục hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, hình thành các kho dữ liệu của các cơ quan đảng.</li> </ul>	
5.	STC01	HTTT ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng (tích hợp cả CSDL Đảng viên và tổ chức Đảng, CSDL về CBCC, Danh mục các cơ quan đảng)	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Tổ chức Đảng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ (HT tổ chức Đảng: QL ĐV; CBCC; QL CB và CB quy hoạch diện BCT, BBT quản lý)</li> </ul>	Ban Tổ chức TW
6.	SNC01	HTTT ngành Nội chính (bao gồm cả lĩnh vực nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp)	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Nội chính (bao gồm cả lĩnh vực nội chính, phòng chống tham nhũng và cải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ</li> </ul>	Ban Nội chính TW

			cách tư pháp)	(CBCC ngành nội chính; Vụ án, vụ việc lớn, phức tạp; Đơn thư khiếu nại tố cáo ...)	
7.	STG03	HTTT ngành Tuyên giáo (tích hợp cả CSDL về Văn kiện Đảng trên Internet; CSDL về xin ý kiến về Văn kiện Đại hội Đảng)	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Tuyên giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ (CBCC ngành Tuyên giáo; Đề tài, đề án NCKH; về Văn kiện Đảng trên Internet; CSDL về xin ý kiến về Văn kiện Đại hội Đảng)</li> </ul>	Ban Tuyên giáo TW
8.	SDV01	HTTT ngành Dân vận ( tích hợp cả CSDL về các dân tộc, tôn giáo, CSDL về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, CSDL về MTTQ các cấp)	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Dân vận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ (CBCC ngành DV; Các dân tộc, tôn giáo; Dân vận ở cơ sở, MTTQ các cấp...)</li> </ul>	Ban Dân vận TW
9.	SKE01	HTTT ngành Kinh tế	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ</li> </ul>	Ban Kinh tế TW

				(CBCC ngành Kinh tế; Các đề án KT-XH lớn; Dữ liệu về KT-XH, các TĐ, TCT NN, các NH, tổ chức tài chính lớn...)	
10.	SDN01	HTTT ngành Đổi ngoại (tích hợp cả CSDL về các đảng, phong trào CS & CN quốc tế)	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Đổi ngoại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ (CBCC ngành Đổi ngoại; Dữ liệu về tổ chức, phong trào cộng sản và công nhân TG; Dữ liệu về các hoạt động đổi ngoại của Lãnh đạo Đảng, NN;...)</li> </ul>	Ban Đối ngoại TW
11.	SKT01	HTTT ngành Kiểm tra Đảng (tích hợp cả CSDL về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng)	Tin học hóa các nghiệp vụ ngành Kiểm tra Đảng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ (CBCC ngành Kiểm tra Đảng; Dữ liệu về các vụ việc có dấu hiệu vi phạm; về Đơn thư khiếu nại, tố cáo;...)</li> </ul>	CQ UBKT TW
12.	SVP03	HTTT công tác Văn phòng, tích hợp cả: + PM quản lý Chương trình công tác của	Tin học hóa các nghiệp vụ công tác Văn phòng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra.</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ Thẩm định, thẩm tra.</li> </ul>	Văn phòng TW

		Lãnh đạo + PM theo dõi triển khai Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. + PM quản lý tài chính, tài sản của Đảng		- Quản lý nghiệp vụ phối hợp xử lý công việc. - Quản lý nghiệp vụ (QL Chương trình công tác; theo dõi triển khai Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; QL tài chính, tài sản Đảng;...)	
13.	SVP04	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình của các ĐP	Tổng hợp tình hình của các ĐP phục vụ công tác tham mưu tổng hợp của các cơ quan đảng	- Tổng hợp công tác xây dựng Đảng và hoạt động của các cấp ủy của ĐP - Tổng hợp tình hình thực hiện các NQ, KL, CT, QĐ của Trung ương, BCT, BBT của ĐP. - Tổng hợp số liệu về KT-XH của các ĐP - Tổng hợp tình hình an ninh, quốc phòng ĐP.	Văn phòng TW
14.	SVP05	Xây dựng hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet hỗ trợ công tác tham mưu, thẩm định các đề án	Hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin dùng chung cho cả các cơ quan đảng ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy. Cho phép người dùng tự thiết lập các chủ đề, phạm vi thông tin cần quan tâm.	Hệ thống tự động thu thập, tổng hợp thông tin theo chủ đề, từ khóa và đưa ra thông tin, báo cáo thống kê, toàn văn tin, bài nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ cán bộ, chuyên viên làm công tác tham mưu, thẩm định các đề án trình BCH Trung ương, BCT, BBT cùng như cung cấp thông tin online về thông tin, vấn đề xuất hiện trên Internet	Văn phòng TW
15.	SVP06	HT đào tạo	Phục vụ các	Tổ chức lớp học, quản lý	Văn phòng

		trực tuyến của các cơ quan đảng	khóa bồi dưỡng nghiệp vụ của các cơ quan đảng	học liệu, quản lý học viên, quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả kiến thức của người học.	TW
16.	SVP07	Nền tảng tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng	Tích hợp dữ liệu trong hệ thống các cơ quan đảng từ Trung ương tới cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	Cung cấp các dịch vụ tích hợp, liên thông dữ liệu	Văn phòng TW
17.	SVP08	HT giám sát ATTT mạng	Giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng trên HT mạng của các cơ quan đảng	- Giám sát truy cập mạng - Cảnh báo an toàn, an ninh mạng - Phân tích, cảnh báo và quản lý các sự kiện ATTT mạng	Văn phòng TW
<b>II</b>		<b>Các ứng dụng nội bộ</b>			
18.	SVP09	PM QL điều xe ô tô	Quản lý điều xe ô tô của các cơ quan đảng	- Quản lý xe ô tô - Quản lý điều xe ô tô - Thống kê hoạt động của các xe ô tô	Văn phòng TW
19.	SVP10	PM QL nhà khách, nhà nghỉ	Quản lý khách nghỉ tại các nhà khách do VPTW quản lý	- Quản lý các nhà khách - Quản lý khách nghỉ tại các nhà khách - Thống kê hoạt động của các nhà khách	Văn phòng TW
20.	SVP11	PM QL khách ra vào cơ quan	Quản lý khách đến công tác tại các cơ quan đảng	- Quản lý khách đến công tác - Thống kê tình hình đến công tác tại CQ	Văn phòng TW
21.	SVP12	PM QL sao in văn kiện Đảng	QL sao in văn kiện Đảng	- Quản lý số lượng bản sao in theo từng văn kiện Đảng. - Quản lý người thực	Văn phòng TW

				hiện sao in văn kiện Đảng. - Thống kê sao in văn kiện Đảng.	
22.	SVP13	PM QL đơn thư KNTC	Quản lý đơn thư KNTC của các tổ chức, cá nhân gửi đến các cơ quan đảng	- Quản lý đơn thư KNTC - Theo dõi kết quả xử lý đơn thư KNTC của các CQ liên quan	Văn phòng TW
23.	STG04	PM QL tư liệu, thư viện (Thư viện điện tử)			

## 5.2. Danh sách nâng cấp, xây dựng mới các ứng dụng của các cơ quan đảng ở Trung ương

Danh sách nâng cấp, xây dựng mới các ứng dụng của các cơ quan đảng ở Trung ương như sau:

Bảng V-5: Đề xuất nâng cấp, xây dựng mới các ứng dụng

STT	Mã UD	Tên ứng dụng	Hiện trạng ứng dụng	Nâng cấp, xây dựng mới
1.	SVP01	Cổng TTĐT nội bộ của Đảng trên WAN	Đã có trên WAN do VPTW quản lý. Tuy nhiên hiện chưa đáp ứng yêu cầu tích hợp ứng dụng.	Nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu tích hợp ứng dụng của các CQ Đảng và thiết lập cơ chế SSO cho người dùng.
2.	STG01	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet	Đã Báo điện tử của Đảng trên trên Internet do Ban Tuyên giáo quản lý. Tuy nhiên chưa phải là Cổng TTĐT nên chưa đáp ứng yêu cầu tích hợp ứng dụng.	Nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu tích hợp ứng dụng của các CQ Đảng và thiết lập cơ chế SSO cho người dùng.
3.	STG02	HT Email công vụ trên Internet dùng chung cho các CQ Đảng	HT thư điện tử công vụ của Đảng hiện chưa có. Các CQ Đảng ở Trung ương sử dụng HT Email riêng cho mỗi cơ quan.	Xây dựng mới và do VPTW quản lý chung.
4.	SVP02	HTTT điều	HTTT điều hành tác nghiệp	Cần hoàn thiện việc

		hành tác nghiệp	hiện là HT duy nhất chạy trên WAN dùng chung cho tất cả các CQ Đảng từ Trung ương đến ĐP. Hiện đang nâng cấp, chuyển sang giao diện Web, nhưng qua kết quả khảo sát cho thấy hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu người dùng.	nâng cấp, chuyển sang giao diện Web, tích hợp chữ ký số và giải pháp bảo mật, tích hợp cả CSDL Văn kiện Đảng, Mục lục hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, hình thành các kho dữ liệu của các cơ quan đảng.
5.	STC01	HTTT ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng	Hiện mới chỉ có một số ứng dụng quản lý dữ liệu: CSDL Đảng viên, PM CBCC mà chưa có HTTT chuyên ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng dùng chung từ Trung ương đến địa phương phù hợp với Kiến trúc.	Xây dựng mới, tích hợp cả CSDL Đảng viên và tổ chức Đảng, CSDL về CBCC, Danh mục các cơ quan đảng
6.	SNC01	HTTT ngành Nội chính	Hiện chưa có HTTT ngành Nội chính mà mới đang nghiên cứu xây dựng các quy trình nghiệp vụ và đề xuất xây dựng 03/10 phân hệ quản lý chuyên ngành	Xây dựng mới, bao gồm cả lĩnh vực nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp, theo kiến trúc đã phân tích; ưu tiên triển khai các phân hệ cần thiết trước, bảo đảm tính khả thi cao.
7.	STG03	HTTT ngành Tuyên giáo	Hiện đã triển khai 2 cấp: Trung ương và cấp tỉnh.	Nâng cấp, mở rộng chức năng và điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với Kiến trúc; tích hợp cả CSDL về Văn kiện Đảng trên Internet; CSDL về xin ý kiến về Văn kiện Đại hội Đảng
8.	SDV01	HTTT ngành Dân vận	Hiện đã xây dựng và thử nghiệm ở một số địa phương nhưng chưa đưa vào sử dụng.	Tiếp tục hoàn thiện để có thể đưa vào sử dụng. Tuy nhiên cũng cần xem xét điều chỉnh

				thiết kế HT cho phù hợp với kiến trúc; tích hợp cả CSDL về các dân tộc, tôn giáo, CSDL về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, CSDL về MTTQ các cấp)
9.	SKE01	HTTT ngành Kinh tế	Hiện Ban Kinh tế đã có Website và HT Email (do Cục Bưu điện TW cung cấp); chưa có HTTT chuyên ngành Kinh tế.	Xây dựng mới theo kiến trúc đã phân tích; ưu tiên triển khai các phân hệ cần thiết trước, bảo đảm tính khả thi cao.
10.	SDN01	HTTT ngành Đối ngoại	Hiện chưa có HTTT chuyên ngành Đối ngoại.	Xây dựng mới theo kiến trúc đã phân tích; ưu tiên triển khai các phân hệ cần thiết trước, bảo đảm tính khả thi cao; tích hợp cả CSDL về các đảng, phong trào CS & CN quốc tế.
11.	SKT01	HTTT ngành Kiểm tra Đảng	Hiện đã xây dựng và thử nghiệm ở một số địa phương nhưng chưa đưa vào sử dụng.	Tiếp tục hoàn thiện để có thể đưa vào sử dụng. Tuy nhiên cũng cần xem xét điều chỉnh thiết kế HT cho phù hợp với kiến trúc; tích hợp cả CSDL về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng
12.	SVP03	HTTT công tác VP (gồm cả QL lưu trữ Văn kiện Đảng; QL tài chính, tài sản Đảng)	Các PM QL tài chính, tài sản, PM QL lưu trữ Đảng dùng chung cho các CQ Đảng nhưng chưa liên thông dữ liệu. Chưa có HTTT lĩnh vực công tác Văn phòng dùng chung theo kiến trúc.	Xây dựng mới theo kiến trúc; tích hợp cả: + PM quản lý Chương trình công tác của Lãnh đạo + PM theo dõi triển khai Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Trung ương, Bộ Chính



				trị, Ban Bí thư. + PM quản lý tài chính, tài sản của Đảng
13.	SVP04	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình của các ĐP	Hiện chưa có	Xây dựng mới, với chức năng chính gồm: + Tổng hợp công tác xây dựng Đảng và hoạt động của các cấp ủy của ĐP + Tổng hợp tình hình thực hiện các NQ, KL, CT, QĐ của Trung ương, BCT, BBT của ĐP. + Tổng hợp số liệu về KT-XH của các ĐP + Tổng hợp tình hình an ninh, quốc phòng ĐP.
14.	SVP05	Xây dựng hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet hỗ trợ công tác tham mưu, thẩm định các đề án	Hiện chưa có	Xây dựng mới, với chức năng chính gồm: tự động thu thập, tổng hợp thông tin theo chủ đề, từ khóa và đưa ra thông tin, báo cáo thống kê, toàn văn tin, bài viết; cung cấp thông tin online về thông tin, vấn đề xuất hiện trên Internet
15.	SVP06	HT đào tạo trực tuyến của các CQ Đảng	Hiện chưa có	Xây dựng mới
16.	SVP07	Nền tảng tích hợp dữ liệu của các CQ Đảng	Hiện chưa có	Xây dựng mới
17.	SVP08	HT giám sát ATTT mạng	Hiện Ban Cơ yếu Chính phủ đang thực hiện giám sát	Xây dựng mới

			ATTT cho các CQ Đảng. Tuy nhiên cần có HT giám sát ATTT để chủ động bảo vệ theo nhiều lớp, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của HTTT trọng yếu của các CQ Đảng.	
18.	SVP09	PM QL điều xe ô tô	Đã có ở một số cơ quan	Hoàn thiện thành một PM dùng chung cho các CQ Đảng và các ĐP
19.	SVP10	PM QL nhà khách, nhà nghỉ	Đã có ở một số nhà khách	Hoàn thiện thành một PM dùng chung
20.	SVP11	PM QL khách ra vào cơ quan	Đã có ở một số cơ quan	Hoàn thiện thành một PM dùng chung
21.	SVP12	PM QL sao in văn kiện Đảng	Hiện chưa có	Xây dựng mới
22.	SVP13	PM QL đơn thư KNTC	Đã có nhưng đơn lẻ ở một số Ban.	Hoàn thiện thành PM dùng chung cho các CQ Đảng và các ĐP với cấu trúc dữ liệu thống nhất, có thể chia sẻ dữ liệu cho nhau
23.	STG04	PM thư viện điện tử của các CQ Đảng TW	Hiện chưa có	Xây dựng mới

Hình sau minh họa đề xuất nâng cấp, xây dựng mới các ứng dụng:

❖ Lưu ý: Những ứng dụng hiện chưa có, cần phải xây dựng mới hoặc nếu đang xây dựng thì phải nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với kiến trúc này.

Các ứng dụng của các CQ Đảng ở Trung ương	
<p><b>Các ỨD dùng chung từ TƯ đến ĐP</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cổng TTĐT của các CQ Đảng Trung ương (Trên WAN, Internet)</li> <li>▪ HTTT điều hành tác nghiệp dùng chung trong các CQ Đảng trên WAN, tích hợp cả CSDL VK Đảng, Mục lục HS lưu trữ điện tử của Đảng</li> <li>▪ HTTT ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng, tích hợp cả CSDL Đảng viên và tổ chức Đảng, CSDL về CBCC, Danh mục các CQ Đảng</li> <li>▪ HTTT ngành Tuyên giáo, tích hợp cả CSDL về Văn kiện Đảng trên Internet; CSDL về xin ý kiến về Văn kiện Đại hội Đảng</li> <li>▪ HTTT ngành Dân vận; tích hợp cả CSDL về các dân tộc, tôn giáo, CSDL về QC dân chủ ở cơ sở, CSDL về MTTQ các cấp</li> <li>▪ HTTT ngành Kiểm tra, tích hợp cả CSDL về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng</li> <li>▪ HT email công vụ trên Internet dùng chung cho các CQ Đảng</li> <li>▪ HTTT ngành Nội chính, gồm cả lĩnh vực nội chính, PCTN và cải cách tư pháp</li> <li>▪ HTTT ngành Kinh tế</li> <li>▪ HTTT ngành Đối ngoại, tích hợp cả CSDL về các tổ chức và phong trào CS, CN thế giới)</li> <li>▪ HTTT công tác VP (tích hợp cả QL tài chính, tài sản Đảng, QL CT công tác, Theo dõi triển khai NQ, CT, KL của BCH TƯ, BCT, BBT).</li> <li>▪ HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet</li> <li>▪ HTTT tổng hợp tình hình của các ĐP</li> <li>▪ HT đào tạo trực tuyến của các CQ Đảng</li> <li>▪ Nền tảng tích hợp, chia sẻ DL của các CQ Đảng</li> <li>▪ HT giám sát ATTT mạng</li> </ul>	<p><b>Các ỨD nội bộ của CQ Đảng ở TƯ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ PM QL điều xe ô tô</li> <li>▪ PM QL nhà khách, nhà nghỉ</li> <li>▪ PM QL khách ra vào cơ quan</li> <li>▪ PM QL đơn thư KNTC</li> <li>▪ PM thư viện điện tử của các CQ Đảng</li> <li>▪ PM QL sao in văn kiện Đảng</li> </ul>

Hình V-3: Đề xuất nâng cấp, xây dựng mới các ứng dụng

### 5.3. Đặc tả một số ứng dụng tương lai chính của các cơ quan đảng ở Trung ương

#### 5.3.1. Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng

##### a) Mô tả

Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực tổ chức Đảng.

##### b) Đối tượng sử dụng

- Ban Tổ chức Trung ương Đảng.
- Các cơ quan, đơn vị làm công tác tổ chức - xây dựng Đảng các cấp.

### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực Tổ chức – Xây dựng Đảng.

- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành Tổ chức – Xây dựng Đảng.

- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.

- Nhóm chức năng 4: Quản lý công tác phối hợp trong lĩnh vực Tổ chức – Xây dựng Đảng.

- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực Tổ chức – Xây dựng Đảng.

### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin

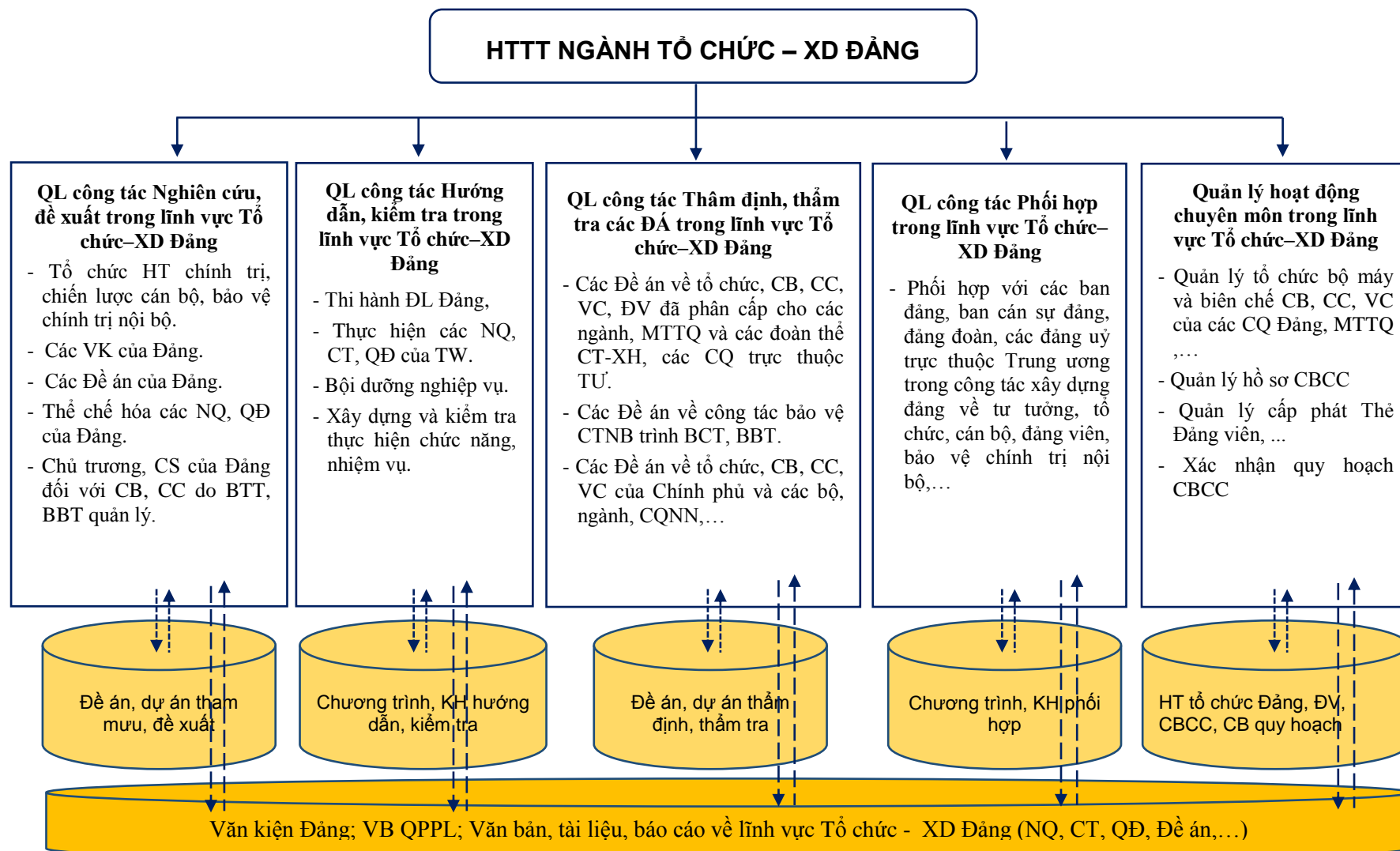
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin

### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.

- Truy cập thông qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-4: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Tổ chức – XD Đảng

### **5.3.2. Hệ thống thông tin chuyên ngành Nội chính**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin chuyên ngành Nội chính cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Ban Nội chính Trung ương.
- Các cơ quan, tổ chức có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp.

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực nội chính và phòng chống tham nhũng.
- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành nội chính và phòng chống tham nhũng.
- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.
- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực nội chính và phòng chống tham nhũng.
- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực nội chính và phòng chống tham nhũng.

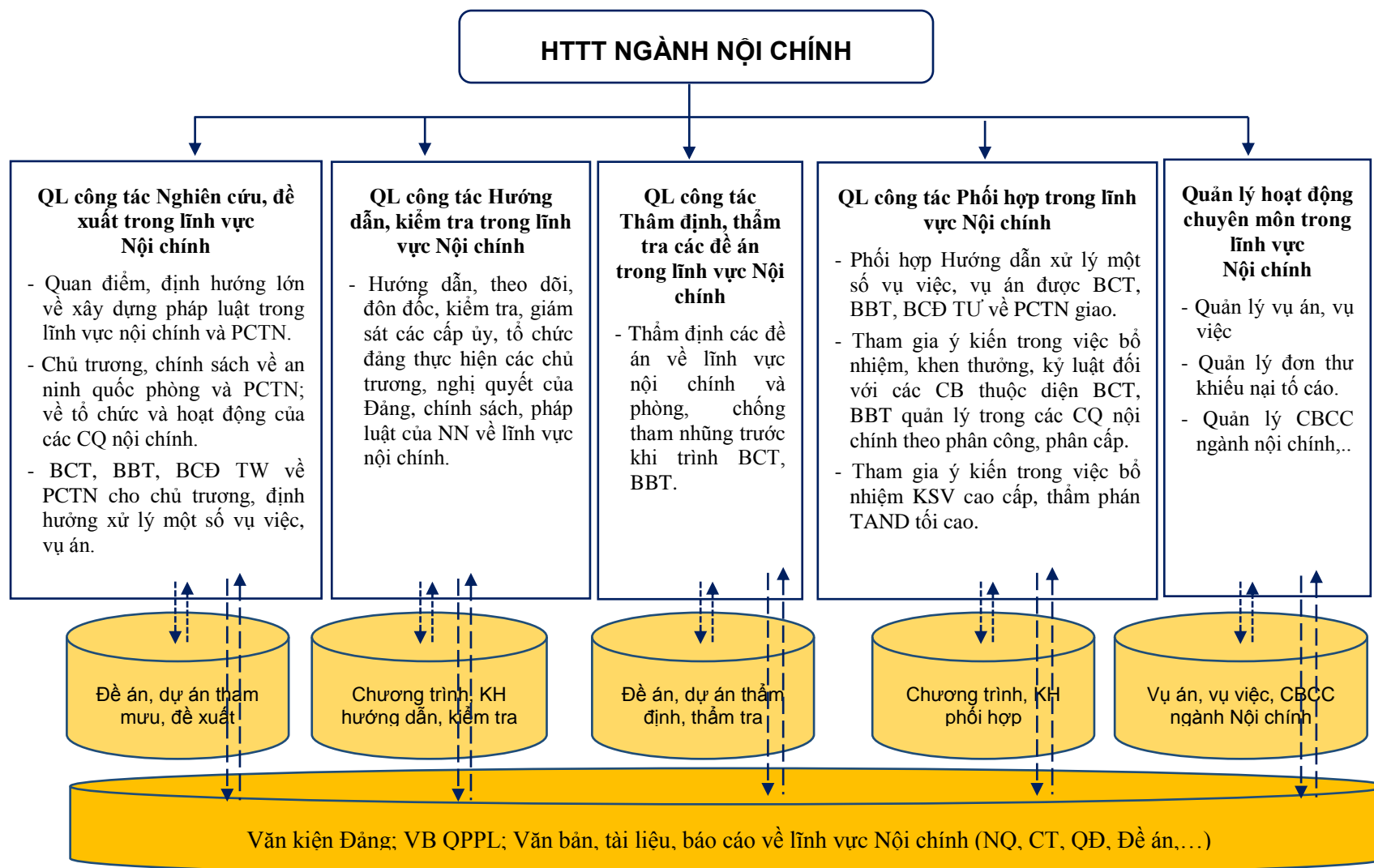
#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.
- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.
- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-5: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Nội chính



### **5.3.3. Hệ thống thông tin chuyên ngành Tuyên giáo**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin chuyên ngành Tuyên giáo cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực Tuyên giáo.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Ban Tuyên giáo Trung ương.
- Các cơ quan, đơn vị làm công tác tuyên giáo các cấp.

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực Tuyên giáo.

- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành Tuyên giáo.

- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.

- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực Tuyên giáo.

- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

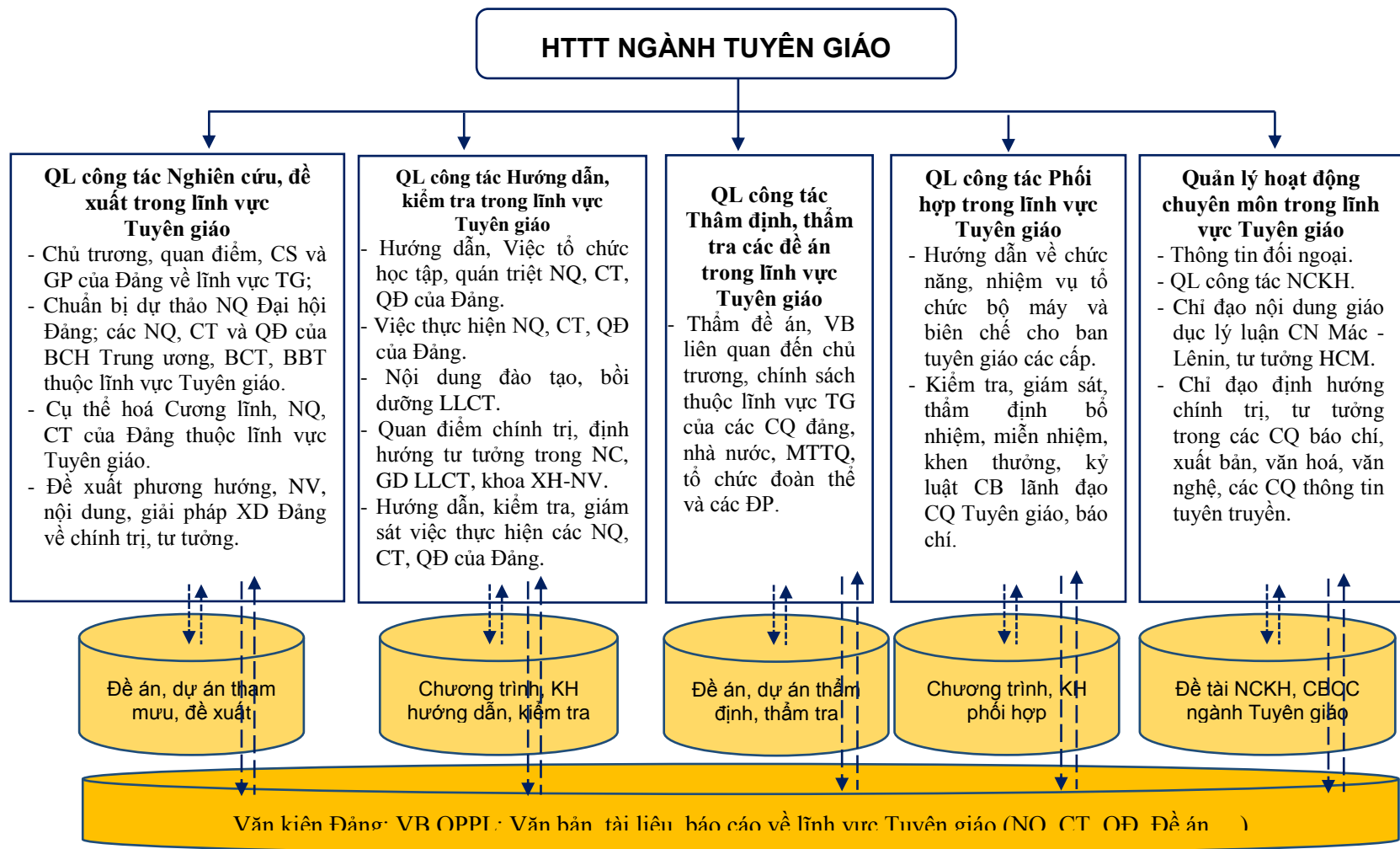
#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.

- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.

- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-6: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Tuyên giáo

### **5.3.4. Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân vận**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân vận cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực Dân vận.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Ban Dân vận Trung ương.
- Các cơ quan, đơn vị làm công tác dân vận các cấp.

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực Dân vận.

- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành Dân vận.

- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.

- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực Dân vận.

- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.

- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

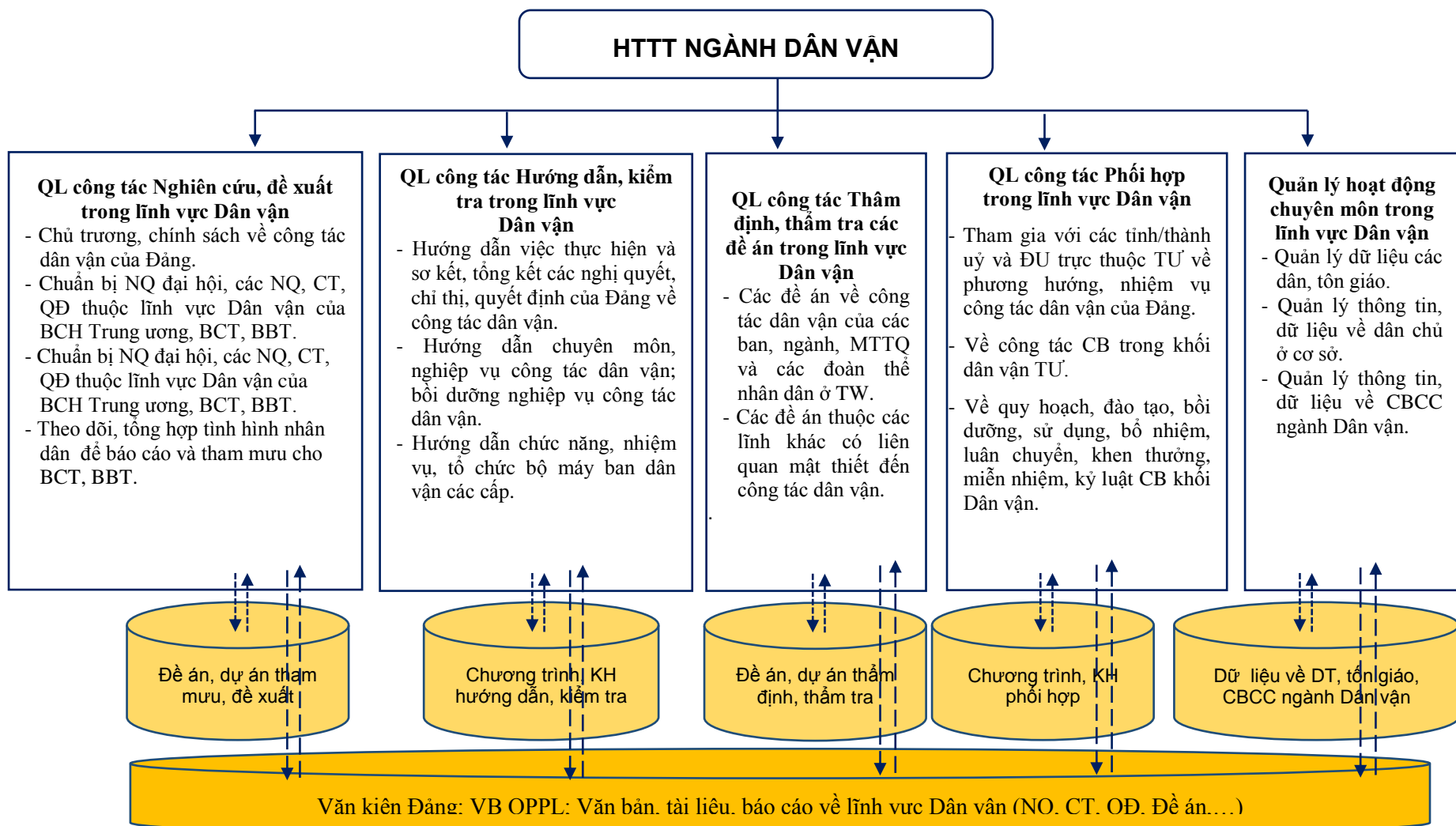
#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.

- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.

- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-7: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Dân vận

### **5.3.5. Hệ thống thông tin chuyên ngành Kinh tế**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin chuyên ngành Kinh tế cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực Kinh tế.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Ban Kinh tế Trung ương.
- Các cơ quan, đơn vị liên quan.

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực Kinh tế.
- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành Kinh tế.
- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.
- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực Kinh tế.
- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

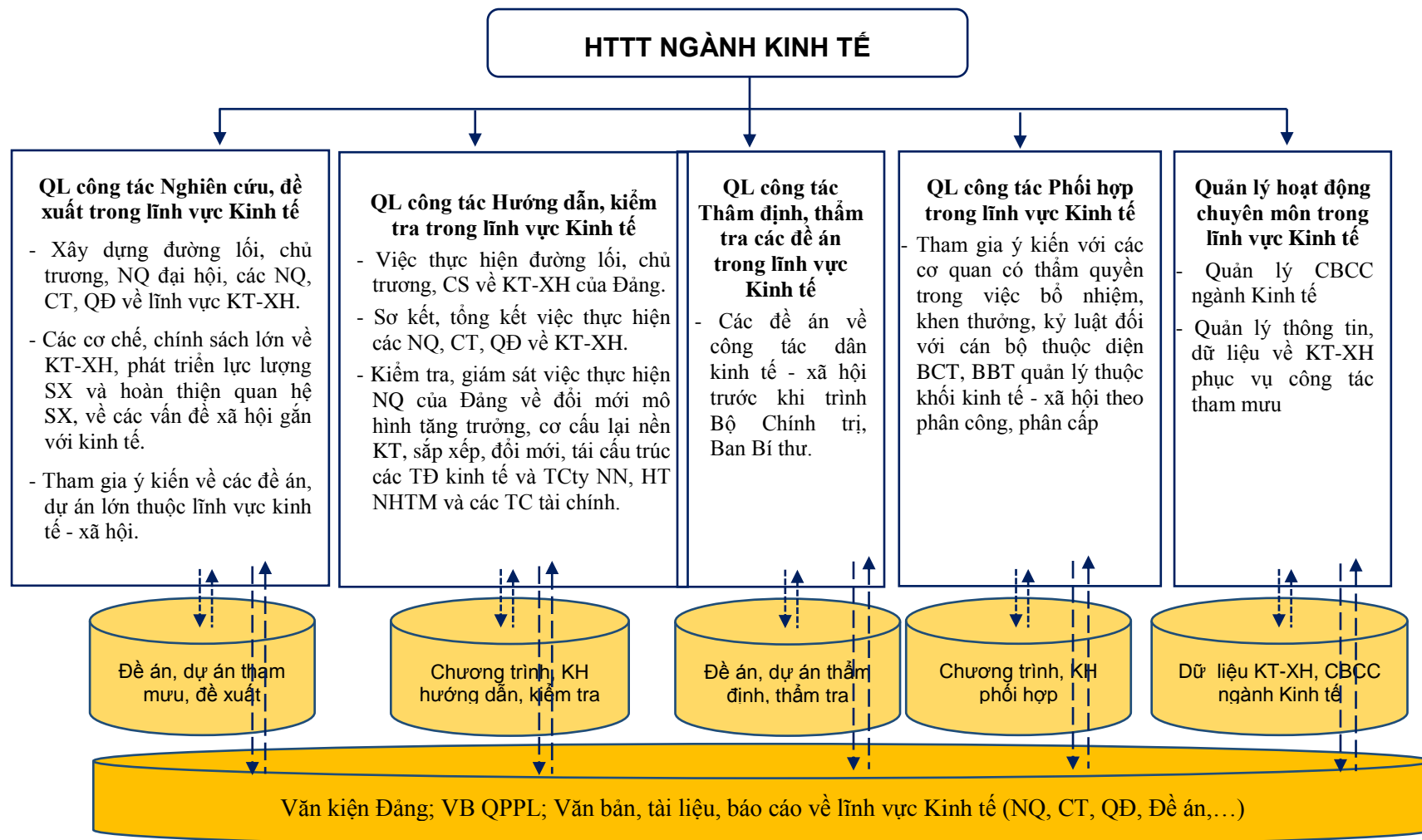
#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.
- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.
- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-8: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Kinh tế

### **5.3.6. Hệ thống thông tin chuyên ngành Đối ngoại**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin chuyên ngành Đối ngoại cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực Đối ngoại.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Ban Đối ngoại Trung ương.
- Các cơ quan, đơn vị làm công tác đối ngoại các cấp.

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực Đối ngoại.

- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành Đối ngoại.

- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.

- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực Đối ngoại.

- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

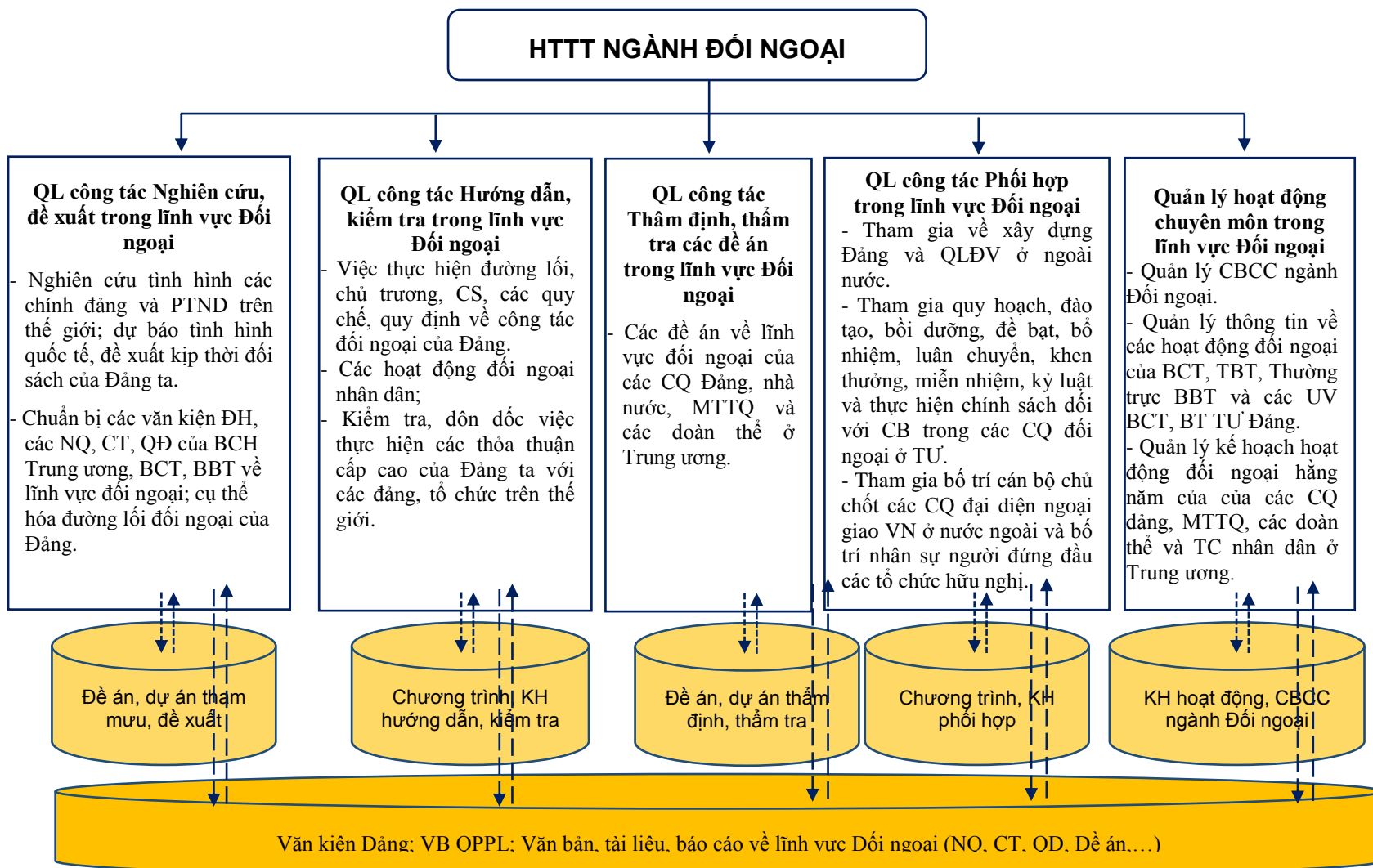
#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.

- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.

- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-9: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Đối ngoại



### **5.3.7. Hệ thống thông tin chuyên ngành Kiểm tra Đảng**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin chuyên ngành kiểm tra Đảng cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực Kiểm tra Đảng.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương
- Các cơ quan, đơn vị làm công tác kiểm tra đảng các cấp

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực Kiểm tra Đảng.

- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành Kiểm tra Đảng.

- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.

- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực Kiểm tra Đảng.

- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

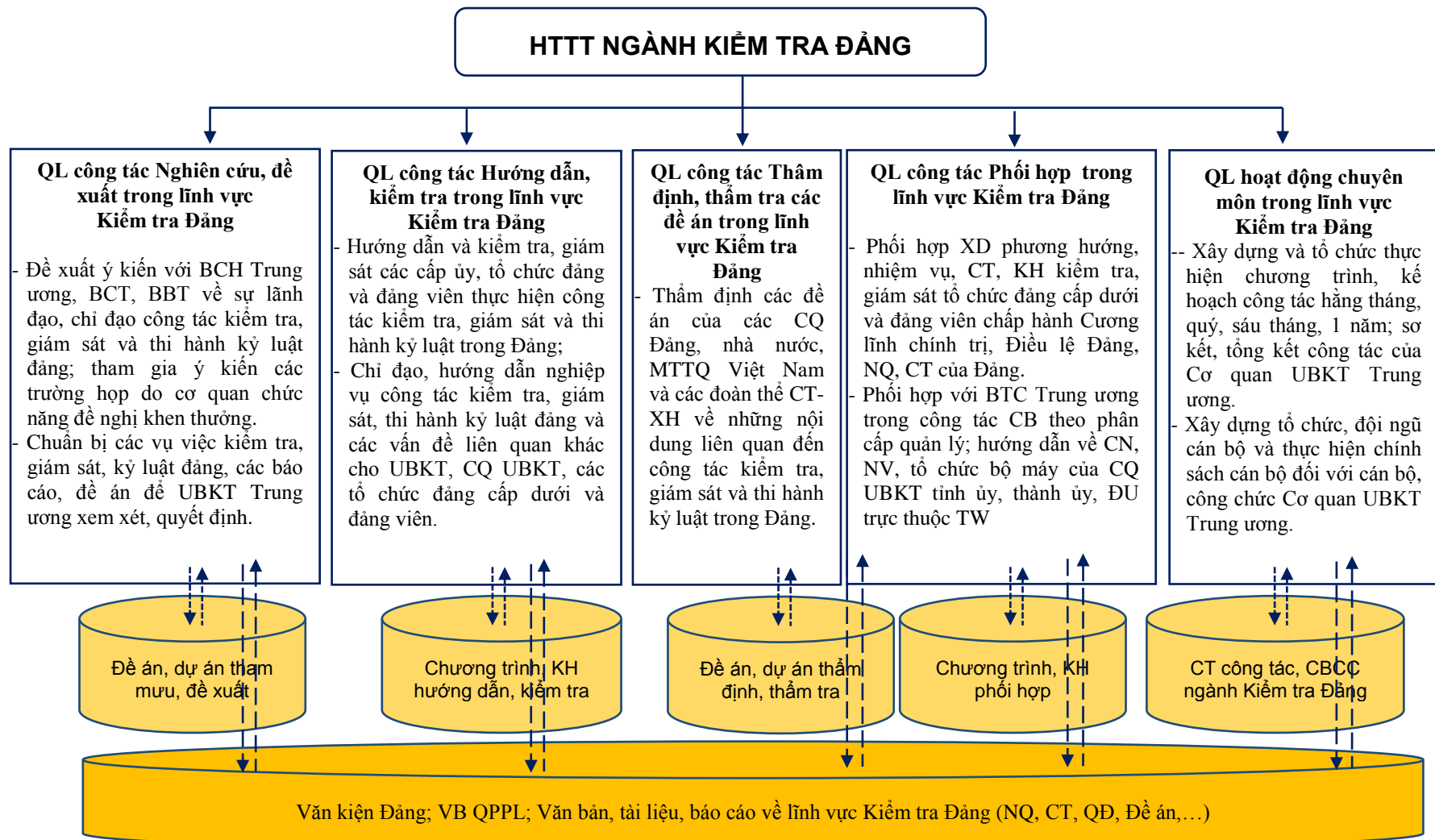
#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương.

- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.

- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:



Hình V-10: Kiến trúc HTTT tương lai ngành Kiểm tra Đảng

### **5.3.8. Hệ thống thông tin lĩnh vực công tác Văn phòng**

#### **a) Mô tả**

Hệ thống thông tin lĩnh vực công tác Văn phòng cho phép tin học hóa các quy trình nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực công tác Văn phòng.

#### **b) Đối tượng sử dụng**

- Văn phòng Trung ương Đảng.
- Các cơ quan, đơn vị làm công tác văn phòng cấp ủy các cấp.

#### **c) Các nhóm chức năng chủ yếu**

- Nhóm chức năng 1: Quản lý nghiệp vụ nghiên cứu, đề xuất trong lĩnh vực công tác Văn phòng.

- Nhóm chức năng 2: Quản lý nghiệp vụ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành công tác Văn phòng.

- Nhóm chức năng 3: Quản lý nghiệp vụ Thẩm tra, thẩm định các đề án.

- Nhóm chức năng 4: Quản lý nghiệp vụ phối hợp trong lĩnh vực công tác Văn phòng.

- Nhóm chức năng 5: Quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ

#### **d) Công nghệ**

- Áp dụng công nghệ web-based trong cập nhật, tra cứu thông tin.
- Sử dụng công nghệ Mobile-app trong tra cứu thông tin.

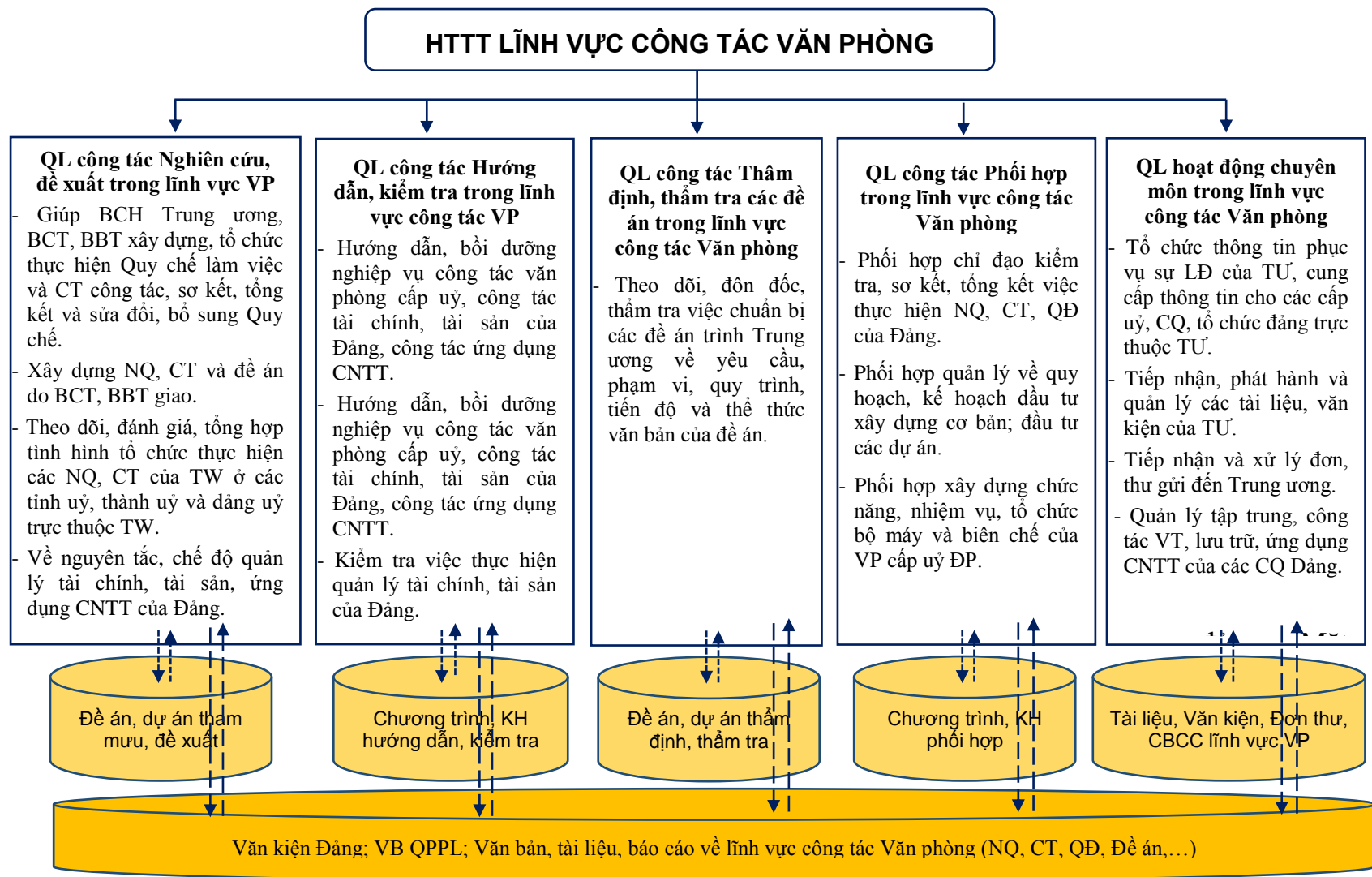
#### **e) Hình thức triển khai**

- Triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu chung của các ban Trung ương và Trung tâm tích hợp dữ liệu của các tỉnh ủy, thành ủy.

- Các đơn vị trong đảng: Truy cập thông qua mạng số liệu chuyên dùng của Đảng.

- Các đơn vị bên ngoài: truy cập thông qua mạng Internet.

Mô hình hệ thống được mô tả như sau:

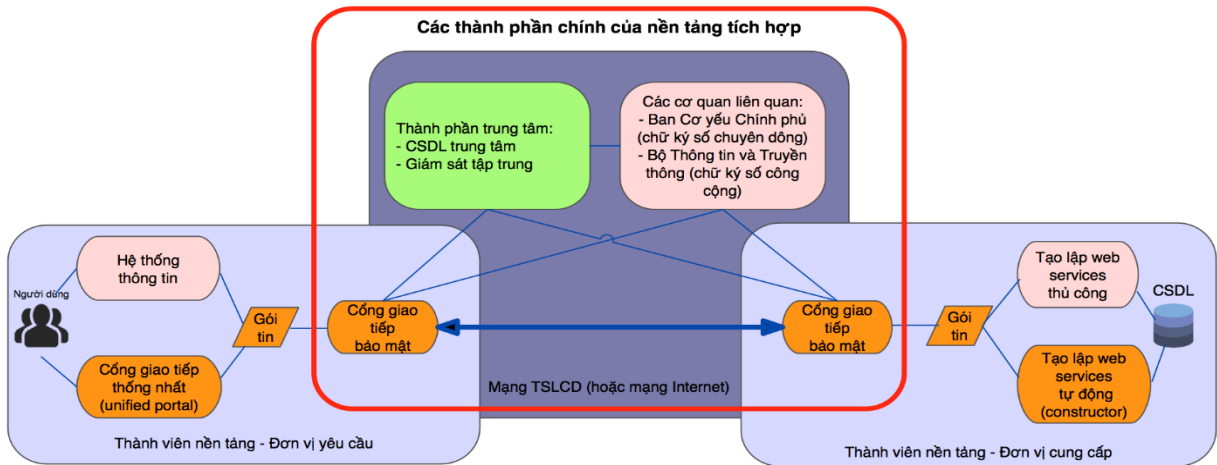


Hình V-11: Kiến trúc HTTT tương lai lĩnh vực công tác Văn phòng

## 5.4. Nền tảng tích hợp, trao đổi dữ liệu các cơ quan đảng

Đây là thành phần quan trọng trong Kiến trúc CNTT-TT, để tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các CSDL, hệ thống thông tin của các ban Đảng ở Trung ương với các CSDL, hệ thống thông tin của các cơ quan đảng ở địa phương.

### 5.4.1. Mô hình tham chiếu nền tảng tích hợp, trao đổi dữ liệu



Hình V-12: Mô hình tham chiếu nền tảng tích hợp dữ liệu

### Thành phần kiến trúc của nền tảng tích hợp dữ liệu bao gồm:

- CSDL trung tâm về chứa thông tin về các cơ quan đảng kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các hệ thống thông tin và dịch vụ.
- Hệ thống Giám sát tập trung được dùng để giám sát trạng thái của hệ thống.
- Cổng giao tiếp bảo mật (Security gateway/Server) dùng để đảm bảo trao đổi dữ liệu an toàn.
- Công cụ để tạo lập các web-service tự động (Constructor).
- Cổng giao tiếp thống nhất được dùng để gọi web-service thông qua mẫu biểu để yêu cầu dữ liệu và mô hình hóa quá trình phản hồi.

### 5.4.2. Một số dịch vụ cơ bản của Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu



Hình V-13: Một số dịch vụ cơ bản của Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu

#### a) Dịch vụ kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu

Vai trò chính của Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong kết nối các hệ thống thông tin với CSDL dùng chung gồm: Tiếp nhận và chuyển tiếp yêu cầu dữ liệu, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin với các cơ sở dữ liệu dùng chung; hỗ trợ chuyển đổi kỹ thuật để đáp ứng sự tương thích về giao thức, định dạng dữ liệu và các yếu tố kỹ thuật khác.

b) Dịch vụ quản lý thư mục, dịch vụ quản lý định danh, dịch vụ xác thực đăng nhập một lần và cấp quyền truy nhập

Các dịch vụ quản lý thư mục, quản lý định danh, xác thực đăng nhập một lần và cấp quyền truy nhập là các dịch vụ cơ bản của Nền tảng tích hợp dữ liệu.

c) Dịch vụ thư mục: Dịch vụ thư mục cung cấp cho người dùng một phương thức truy vấn đơn giản mà người dùng có thể sử dụng từ khóa như tên, mã để tìm kiếm thông tin lưu trong máy chủ thư mục. Dịch vụ thư mục có thể cung cấp một cơ chế thuận tiện hơn cho người dùng và người quản trị để quản lý tài khoản của họ.

d) Dịch vụ quản lý định danh: Dịch vụ này cung cấp một cơ chế cho phép các hệ thống thông tin nhận dạng người dùng.

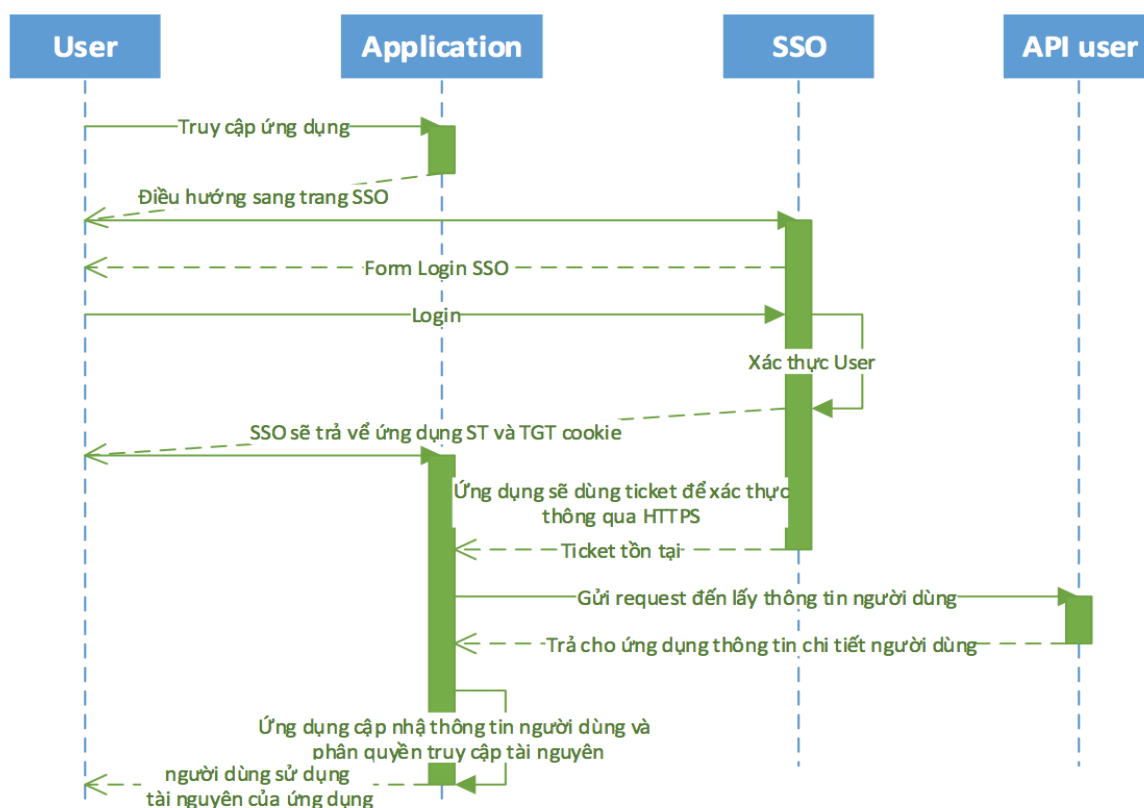
e) Dịch vụ xác thực: Xác thực là quá trình để xác nhận sự thật của các thực thể. Trong hệ thống thông tin của các cơ quan đảng, không chỉ cần xác thực người dùng mà còn cần xác thực các hệ thống.

f) Dịch vụ cấp quyền truy nhập: Khi hệ thống hoàn thành quá trình xác thực, nó sẽ căn cứ vào mức độ quyền hạn khác nhau của người sử dụng để cấp quyền cụ thể.

g) Dịch vụ Đăng nhập một lần

Đăng nhập một lần (SSO) là một cơ chế xác thực yêu cầu người dùng đăng nhập vào chỉ một lần với một tài khoản và mật khẩu để truy cập vào nhiều ứng dụng trong 1 phiên làm việc (session).

Lưu đồ thực hiện cung cấp dịch vụ SSO được mô tả như sau:



Hình V-14: Lưu đồ dịch vụ đăng nhập một lần (SSO)

### 5.5. Mối quan hệ giữa các ứng dụng của các cơ quan đảng

Mối quan hệ giữa các ứng dụng của các cơ quan đảng mô tả mối quan hệ giao tiếp, trao đổi dữ liệu dưới dạng thông điệp (message) hoặc thông tin/dữ liệu để hỗ trợ, thực hiện một nghiệp vụ/chức năng nghiệp vụ xác định:

Bảng V-6: Mối quan hệ giữa các ứng dụng chính của các cơ quan đảng

STT	Mã UD	Danh mục ứng dụng chính	Mã Ứng dụng															
			SVP01	STG01	STG012	SVP02	STC01	SNC01	STG03	SDV01	SKE01	SDN01	SKT01	SVP03	SVP04	SVP05	SVP07	SVP08
1	SVP01	Cổng TTĐT của Đảng trên WAN				x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
2	STG01	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	STG02	HT thư điện tử công vụ của Đảng trên Internet		x													x	x
4	SVP02	HTTT điều hành tác nghiệp	x				x	x	x	x	x	x	x				x	x
5	STC01	HTTT ngành Tổ chức Đảng – Xây dựng Đảng	x			x									x	x	x	x
6	SNC01	HTTT ngành Nội chính	x			x	x								x	x	x	x
7	STG03	HTTT ngành Tuyên giáo	x			x	x								x	x	x	x
8	SDV01	HTTT ngành Dân vận	x			x	x								x	x	x	x
9	SKE01	HTTT ngành Kinh tế	x			x	x								x	x	x	x
10	SDN01	HTTT ngành Đối ngoại	x			x	x								x	x	x	x
11	SKT01	HTTT ngành Kiểm tra Đảng	x			x	x								x	x	x	x
12	SVP03	HTTT công tác Văn phòng (tích hợp cả CT công tác của LĐ, theo dõi triển khai NQ, CT, QĐ của Đảng; QL tài chính, tài sản của Đảng)	x			x	x								x	x	x	x
13	SVP04	HTTT tổng hợp tình hình KTXH, ANQP, XD Đảng của các ĐP															x	x
14	SVP05	HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet															x	x
15	SVP07	Nền tảng tích hợp, chia sẻ DL của các cơ quan đảng																x
16	SVP08	HT giám sát ATTT mạng																



## 5.6. Môi quan hệ giữa các ứng dụng và dữ liệu của các cơ quan đảng

Mối quan hệ giữa các ứng dụng chính và dữ liệu của các cơ quan đảng mô tả mối quan hệ giữa ứng dụng với dữ liệu mà ứng dụng đó truy cập.

Bảng V-7: Mối quan hệ giữa các ứng dụng chính và dữ liệu của các cơ quan đảng

STT	Mã UD	Danh mục ứng dụng chính	Dữ liệu người dùng hệ thống	Dữ liệu cơ bản về CB, ĐV	Văn kiện Đảng	Văn bản QPPL	Hồ sơ công việc	Đề tài NCKH	DL tổng hợp về KTXH, ANQP, XD Đảng ở ĐP	Thông tin tổng hợp từ Internet	DL chuyên ngành Tổ chức	DL chuyên ngành Nội chính	DL chuyên ngành Tuyên giáo	DL chuyên ngành Dân vận	DL chuyên ngành Kinh tế	DL chuyên ngành Đối ngoại	DL chuyên ngành KT Đảng	DL chuyên ngành công tác VP	Các quy định chung trong CQ Đảng
1	SVP01	Cổng TTĐT của Đảng trên WAN	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	STG01	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	STG02	HT thư điện tử công vụ của Đảng	x																
4	SVP02	HTTT điều hành tác nghiệp	x																
5	STC01	HTTT ngành Tổ chức Đảng - Xây dựng Đảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x								x
6	SNC01	HTTT ngành Nội chính	x	x	x	x	x	x	x	x		x							x
7	STG03	HTTT ngành Tuyên giáo	x	x	x	x	x	x	x	x			x						x
8	SDV01	HTTT ngành Dân vận	x	x	x	x	x	x	x	x				x					x
9	SKE01	HTTT ngành Kinh tế	x	x	x	x	x	x	x	x					x				x
10	SDN01	HTTT ngành Đối ngoại	x	x	x	x	x	x	x	x						x			x
11	SKT01	HTTT ngành Kiểm tra Đảng	x	x	x	x	x	x	x	x							x		x
12	SVP03	HTTT công tác Văn phòng (tích hợp cả CT công tác của LĐ, theo dõi triển khai NQ, CT, QĐ của Đảng; QL tài chính, tài sản của Đảng)	x	x	x	x	x	x	x	x								x	x
13	SVP04	HTTT tổng hợp tình hình KTXH, ANQP, XD Đảng của các ĐP	x						x										
14	SVP05	HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet	x							x									
15	SVP06	Nền tảng tích hợp, chia sẻ DL của các cơ quan đảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
16	SVP07	HT giám sát ATTT mạng	x																

## VI. KIẾN TRÚC CÔNG NGHỆ

### 6.1. Kiến trúc tham chiếu công nghệ của các cơ quan đảng

Kiến trúc tham chiếu công nghệ của các cơ quan đảng thể hiện như sau:

Bảng VI-1: Kiến trúc tham chiếu công nghệ của các cơ quan đảng

Lĩnh vực Dịch vụ	Mô tả	Tiêu chuẩn dịch vụ
<b>Quản lý cung cấp và truy cập dịch vụ</b>	Kênh truy cập	Trình duyệt web: Google Chrome, FireFox, IE Kênh giao tiếp: Fax, thư điện tử
	Xác thực/ đăng nhập một lần	Hệ thống quản lý nhận dạng (Identify management)
	Internet / Intranet	HTTP/HTTPS
<b>Hạ tầng Công nghệ thông tin</b>	Hệ thống mạng	Mạng internet Hạ tầng truyền dẫn đa dịch vụ và ảo hóa (Core IP/MPLS) Mạng nội bộ Video Conferencing
	Máy chủ - Máy tính	Công nghệ máy chủ sử dụng công nghệ hội tụ, siêu hội tụ Hệ điều hành Linux/Windows
	Lưu trữ	Sử dụng công nghệ SAN Tiến tới triển khai TTDL dự phòng
	Máy chủ cung cấp dịch vụ	Máy chủ dịch vụ web
	Phát triển ứng dụng	Ngôn ngữ lập trình: .net, Java, HTML5, PHP, Python, JavaScript Ngôn ngữ phát triển ứng dụng di động: Full Stacks Hệ thống mô hình hóa nghiệp vụ: VISIO
	Máy tính cá nhân	Hệ điều hành: Windows
	Phần mềm Office	Word, Excel, Power Point
	Chứng thực	Chữ ký số: PKI
<b>Tích hợp dịch</b>	Chuyển đổi dữ liệu	Khuôn dạng: XML, JSON

<b>vụ</b>	Tích hợp ứng dụng	Phát hiện dịch vụ
	Lớp trung gian	Thông điệp: SOAP
	Cổng tích hợp dịch vụ	Adapter
	Nền tảng tích hợp dữ liệu	Data Integration Platform
<b>Vùng dịch vụ dữ liệu</b>	Mô tả dữ liệu	XML
	Ngữ cảnh dữ liệu	XML
	Chia sẻ dữ liệu	XML, JSO Hệ thống quản lý nội dung Công thông tin
	Mã	Mã hồ sơ, Mã Đảng viên, Mã công chức, viên chức
	Cơ sở dữ liệu	Cơ sở dữ liệu cấu trúc nguồn đóng, nguồn mở có bản quyền Cơ sở dữ liệu phi cấu trúc Dữ liệu mở
<b>Tiêu chuẩn liên thông</b>		XML, JSON ETL cho tích hợp dữ liệu cấu trúc Datahub cho dữ liệu phi cấu trúc
<b>Trung tâm dữ liệu</b>	Trung tâm tích hợp dữ liệu tập trung tại cơ quan đảng. Các Trung tâm tích hợp dữ liệu tại các tỉnh, thành phố Trung ương. Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng.	Trung tâm tích hợp dữ liệu đạt tiêu chuẩn Tier 2+ theo quy định tại Thông tư 03 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
<b>Kiến trúc phần mềm</b>		Web, Mobile, MicroService

## 6.2. Kiến trúc công nghệ cho dữ liệu và ứng dụng của các cơ quan đảng

### 6.2.1. Công nghệ cho dữ liệu và ứng dụng trong thời gian tới

#### a) Công nghệ cho dữ liệu

- Công nghệ hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ được sử dụng để quản lý các dữ liệu có cấu trúc với ưu thế chuẩn hóa về dữ liệu, truy vấn bằng lệnh SQL dễ dàng.

- Công nghệ cơ sở dữ liệu NoSQL được sử dụng để quản lý các dữ liệu phi cấu trúc với khả năng xử lý dữ liệu lớn, linh hoạt khi mở rộng năng lực của hệ thống.

- Các công nghệ về Bigdata và khai phá dữ liệu (Data mining) giúp quản lý, phân tích và khai thác dữ liệu hiệu quả, đặc biệt là các dữ liệu thu thập tự động từ các nhiều nguồn phục vụ tổng hợp thông tin ra quyết định.

- Công nghệ Blockchain cho bảo đảm an toàn thông tin.

### **b) Công nghệ cho ứng dụng**

- Sử dụng và triển khai trên nền tảng công nghệ Web 2.0 hỗ trợ đa nền tảng.

- Áp dụng công nghệ phát triển ứng dụng, dịch vụ hướng đối tượng, nên áp dụng kiến trúc vi dịch vụ (microservice architecture) để hình thành tập các vi dịch vụ, độc lập, nhưng lại dễ dàng kết nối với nhau qua giao thức REST (Representational State Transfer),...

- Ưu tiên áp dụng các công nghệ dựa trên các nền tảng mã nguồn mở để tận dụng ưu thế cho phép mở rộng và phát triển thêm khi có thay đổi về nghiệp vụ. Các phần mềm nguồn mở cũng cho phép đảm bảo an ninh thông tin hơn với lợi thế nắm được mã nguồn cũng như sự đóng góp, cập nhật liên tục của các cộng đồng mở.

- Ưu tiên áp dụng các công nghệ di động đa nền tảng để có thể triển khai được trên nhiều nền tảng di động mà không cần phải phát triển ứng dụng cho từng nền tảng di động.

- Ngôn ngữ và phương pháp phát triển ứng dụng nên được thống nhất về mặt công nghệ nhằm đảm bảo tính tối ưu cho công tác vận hành, duy trì, mở rộng hệ thống và đào tạo nguồn nhân lực.

### **6.2.2. Ma trận ánh xạ công nghệ - ứng dụng**

Dựa trên những phân tích ở trên và kiến trúc ứng dụng ở Chương 5, kiến trúc công nghệ dự kiến sẽ được sử dụng trong các ứng dụng như minh họa ở bảng sau:

Bảng VI-2: Ma trận ánh xạ công nghệ - ứng dụng

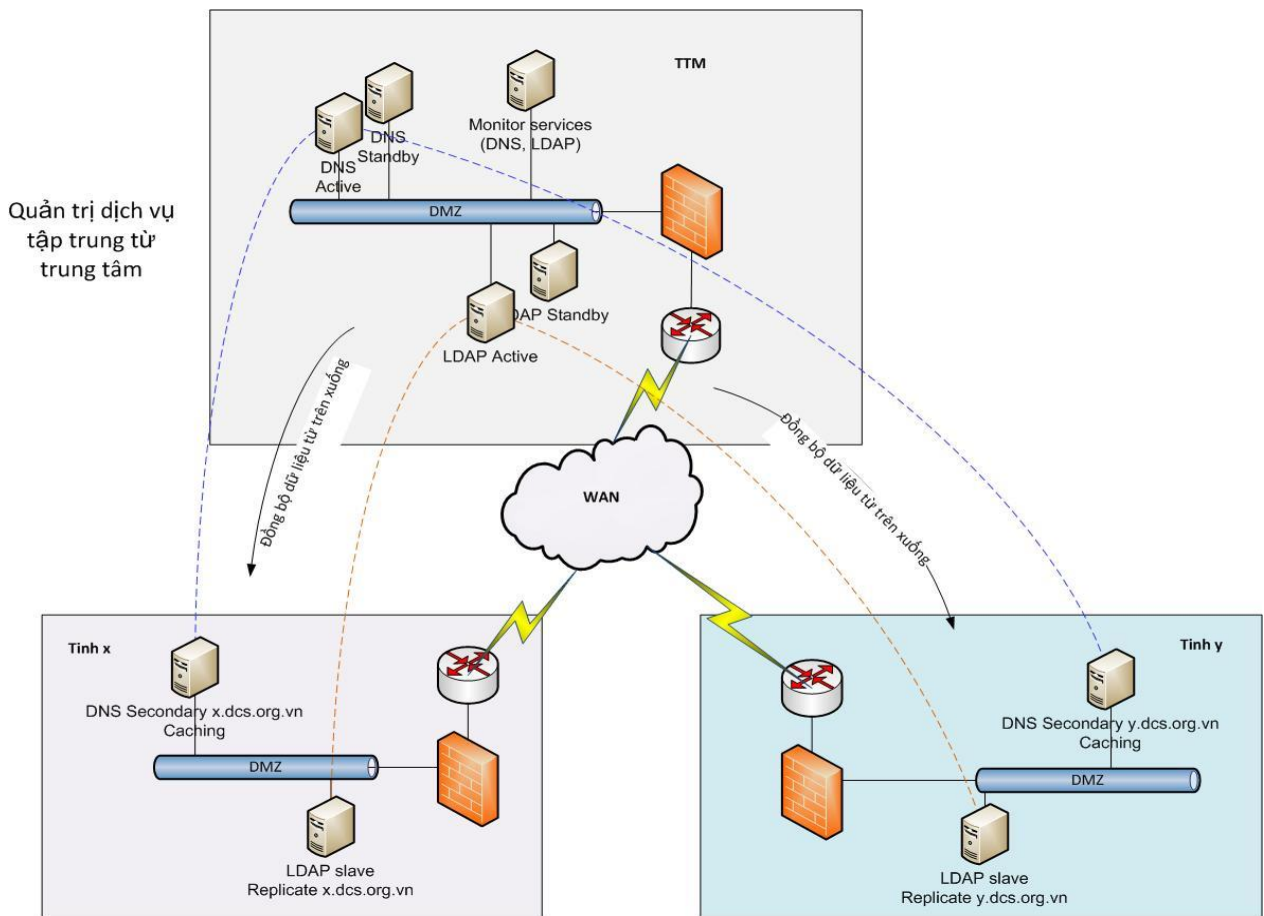
STT	Mã	Danh mục phần mềm/Các hệ thống thông tin	Công nghệ có thể sử dụng
1	SVP01	Cổng TTĐT của Đảng trên WAN	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
2	STG01	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NewSQL, Rest, Microservices,
3	STG02	HT thư điện tử công vụ của Đảng	Web 2.0, SSO
4	SVP02	HTTT điều hành tác nghiệp	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
5	STC01	HTTT ngành Tổ chức - Xây dựng Đảng	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
6	SNC01	HTTT ngành Nội chính	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
7	STG02	HTTT ngành Tuyên giáo	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
8	SDV01	HTTT ngành Dân vận	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
9	SKE01	HTTT ngành Kinh tế	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
10	SDN01	HTTT ngành Đối	Web 2.0, BigData Analytic, SSO,

		ngoại	NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
11	SKT01	HTTT ngành Kiểm tra Đảng	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
12	SVP03	HTTT công tác VP (tích hợp cả CT công tác của LĐ, theo dõi triển khai NQ,...; QL tài chính, tài sản của Đảng)	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
13	SVP04	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình của các ĐP	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
14	SVP05	HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet hỗ trợ công tác tham mưu, thẩm định các đề án	Web 2.0, BigData Analytic, SSO, NoSQL, NewSQL, Rest, Microservices,
15	SVP06	HT đào tạo trực tuyến của Đảng	Web 2.0, SSO
16	SVP07	Nền tảng tích hợp, chia sẻ DL của các cơ quan đảng	SSO, Microservices, Rest
17	SVP08	HT giám sát ATTT mạng	Threat Intelligence, Security Assessment, IDPS, UTM, Firewall, SIEM, SOC
18	SVP09	PM QL điều xe ô tô	Web 2.0, SSO, Rest, Microservices,
19	SVP10	PM QL nhà khách, nhà nghỉ	Web 2.0, SSO, Rest, Microservices,
20	SVP11	PM QL khách ra vào cơ quan	Web 2.0, SSO, Rest, Microservices,
21	SVP12	PM QL sao in văn kiện Đảng	Web 2.0, SSO, Rest, Microservices,
22	SVP13	PM QL đơn thư KNTC	Web 2.0, SSO, Rest, Microservices,
23	STG03	PM TV điện tử của	Web 2.0, SSO, Rest, Microservices,

### 6.3. Kiến trúc công nghệ cho hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan đảng

#### 6.3.1. Mô hình kiến trúc hạ tầng công nghệ của các cơ quan đảng

Kiến trúc hạ tầng CNTT-TT của các cơ quan đảng gồm 2 thành phần chính: Hạ tầng tính toán (gồm Trung tâm tích hợp dữ liệu và mạng LAN) và hạ tầng truyền thông (gồm mạng diện rộng- WAN và mạng Internet).



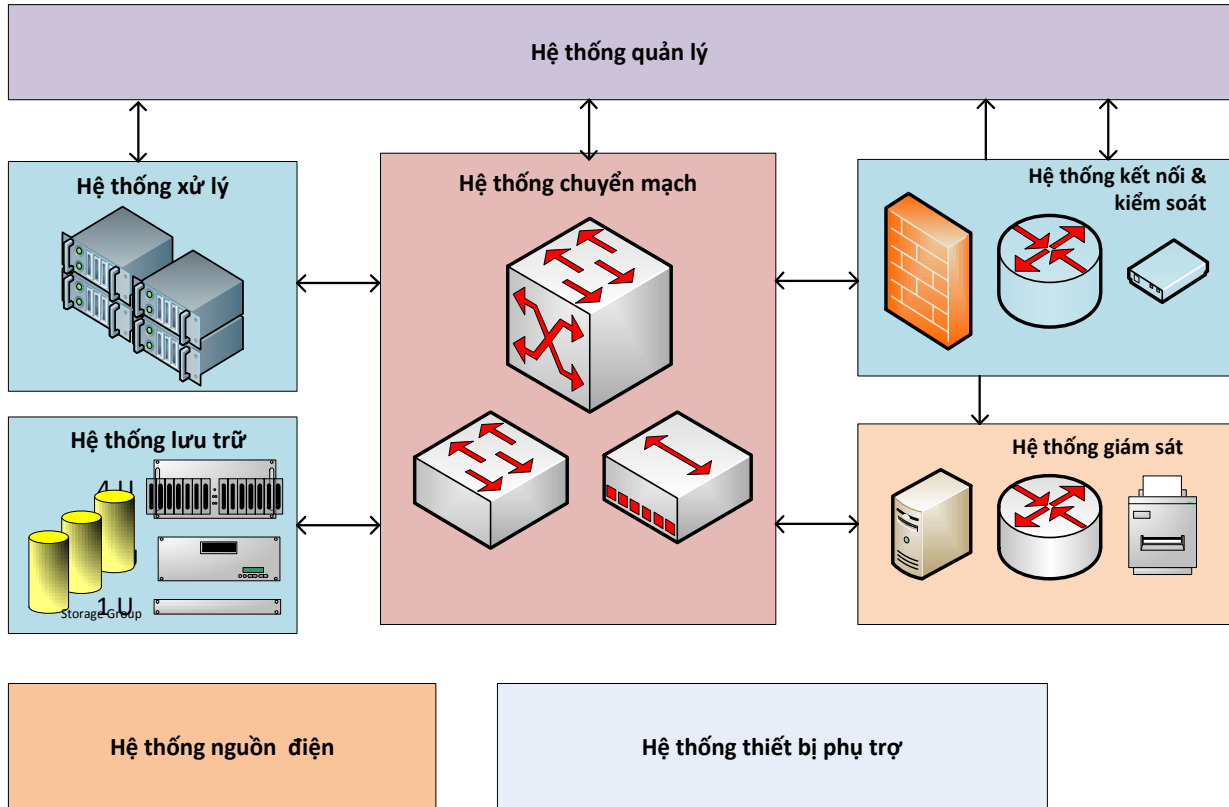
Hình VI-1: Kiến trúc hạ tầng kỹ thuật CNTT-TT của các cơ quan đảng

Do tính thống nhất của kiến trúc hạ tầng công nghệ trong hệ thống các cơ quan đảng, nên kiến trúc hạ tầng tính toán là nhất quán từ Trung ương đến địa phương, chỉ khác nhau về quy mô của hệ thống. Với hạ tầng truyền thông, do yêu cầu bảo mật thông tin, dữ liệu của các cơ quan đảng ở mức cao nên chủ yếu là sử dụng mạng diện rộng dựa trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng và chính quyền (Mạng TSLCD).

### 6.3.2. Kiến trúc hạ tầng tính toán của các cơ quan đảng

#### a) Kiến trúc Trung tâm dữ liệu

Trung tâm tích hợp dữ liệu đảm nhận chức năng là trung tâm kết nối mạng nội bộ và mạng diện rộng, xử lý, lưu trữ, sao lưu và bảo vệ dữ liệu, cùng với hệ thống mạng nội bộ.



Hình VI-2: Kiến trúc Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng

Kiến trúc Trung tâm tích hợp dữ liệu gồm các thành phần chính sau đây:

- (i) Phân hệ chuyển mạch;
- (ii) Phân hệ xử lý;
- (iii) Phân hệ lưu trữ, sao lưu, bảo vệ dữ liệu;
- (iv) Phân hệ kết nối mạng WAN, kết nối Internet;
- (v) Phân hệ kiểm soát, giám sát;
- (vi) Phân hệ cung cấp điện nguồn và các hệ thống thiết bị phụ trợ.

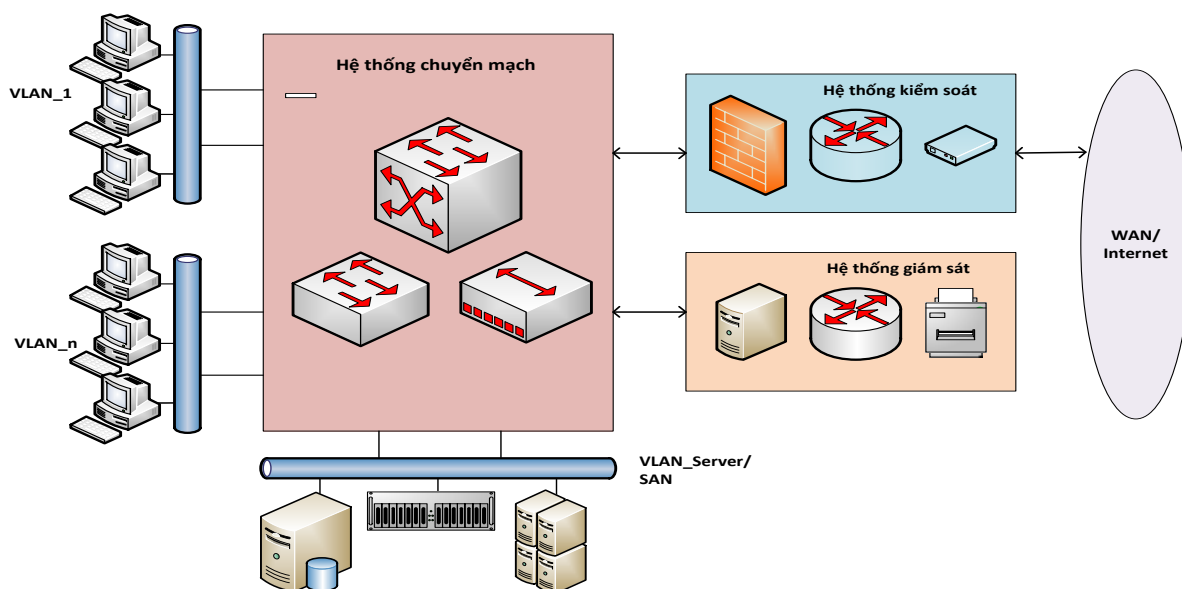


Trung tâm tích hợp dữ liệu cung cấp dịch vụ sao lưu, bảo vệ, khôi phục dữ liệu sau sự cố kỹ thuật (nếu có) đối với các hệ thống thông tin, các ứng dụng.

### b) Kiến trúc mạng nội bộ (LAN)

Mạng nội bộ (LAN), cung cấp kết nối cho người dùng và thiết bị đầu cuối. Người dùng có thể truy cập vào mạng nội bộ bằng mạng không dây hoặc mạng có dây.

Mạng nội bộ phải có khả năng kết nối đến Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng với tính sẵn sàng và bảo mật cao: Mạng nội bộ phải đảm bảo khả năng bảo mật ở nhiều lớp: bảo mật đầu cuối (giải pháp chống thất thoát, tường lửa cá nhân, tính năng phát hiện và chống xâm nhập đầu cuối, phòng chống virus v.v...), phân tách và kiểm soát giữa các lớp mạng nội bộ cũng như bên ngoài mạng (VLAN, tường lửa, proxy,...), kiểm soát và ghi nhật kí....



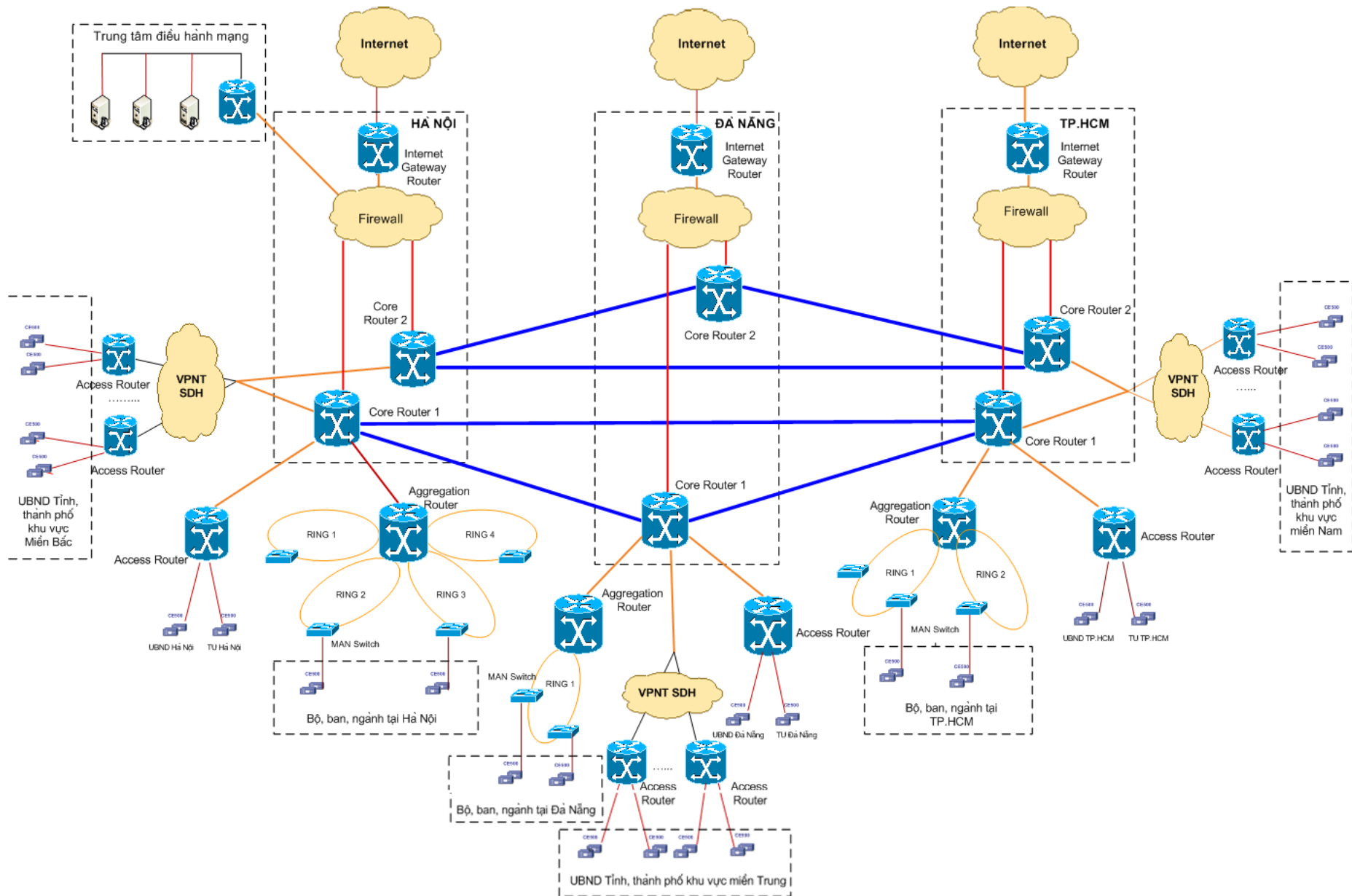
Hình VI-3: Kiến trúc mạng LAN của các cơ quan đảng

### 6.3.3. Kiến trúc hạ tầng truyền thông của các cơ quan đảng

Hạ tầng truyền thông cung cấp khả năng kết nối các thiết bị, bao gồm cả kết nối giữa hạ tầng tính toán với hạ tầng lưu trữ, hạ tầng tính toán với người dùng.

#### a) Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng, Nhà nước là hệ thống mạng truyền thông quan trọng quốc gia, kết nối các cơ quan đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã, được sử dụng riêng trong hoạt động truyền số liệu và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan đảng, Nhà nước do Cục Bưu điện Trung ương là chủ mạng, quản lý, điều hành hoạt động của mạng.



Hình VI-4: Kiến trúc mạng TSLCD của các cơ quan đảng và Nhà nước

## **b) Hạ tầng mạng Internet và mạng di động**

Hạ tầng mạng Internet và mạng di động phục vụ cho các ứng dụng kết nối mạng ra bên ngoài của các cơ quan đảng để trao đổi các loại thông tin không có độ mật (thông tin trao đổi với các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên ngoài các cơ quan đảng; thông tin về chủ trương, chính sách hoặc các thông tin phổ biến rộng rãi của Đảng cho xã hội,...).

## **c) Kiến trúc mạng an toàn của các cơ quan đảng**

Kiến trúc mạng an toàn của các cơ quan đảng nhằm:

### ***Bảo vệ vành đai, chống tấn công từ bên ngoài vào***

- Chống tấn công từ chối dịch vụ.

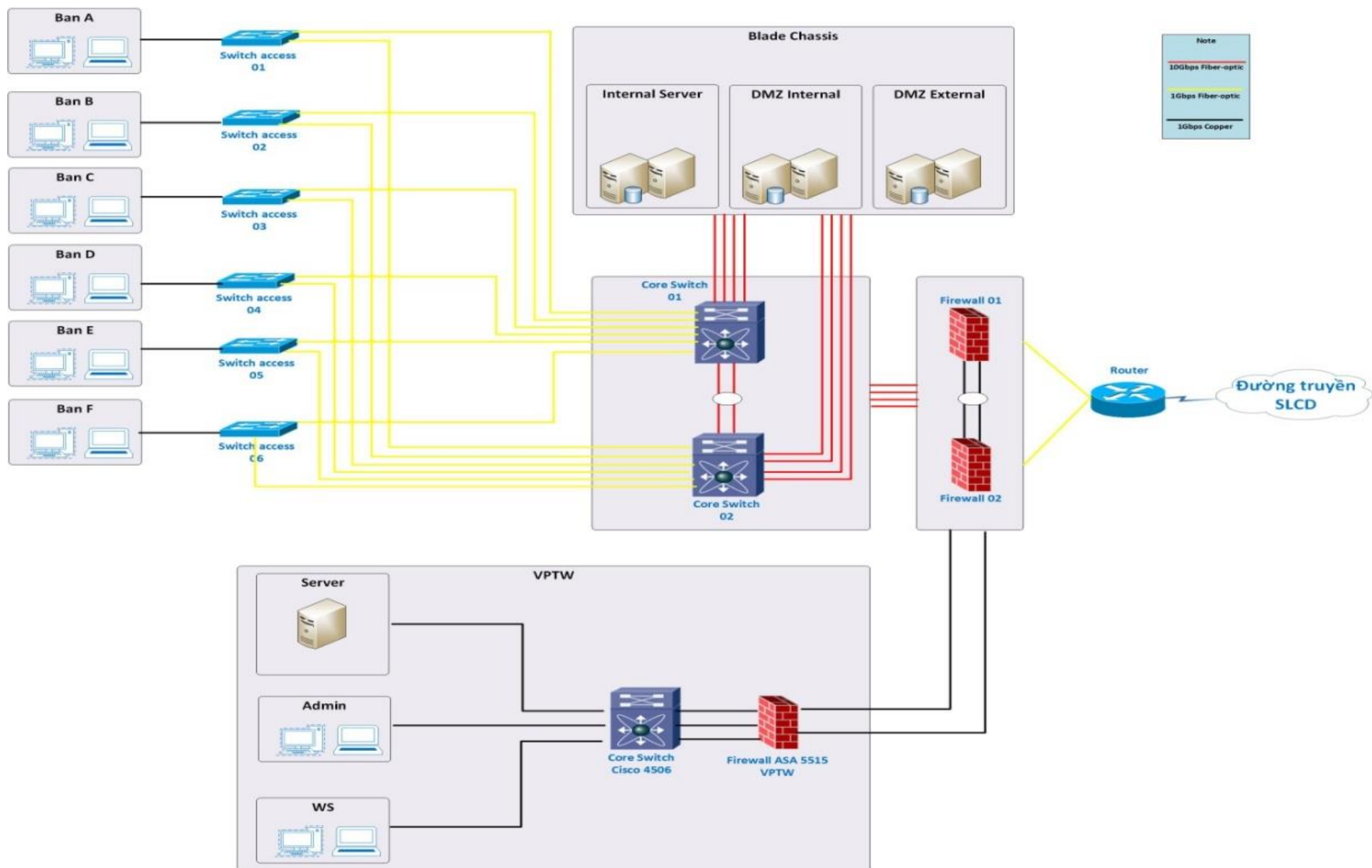
- Tường lửa, mạng riêng ảo, ngăn chặn xâm nhập, lọc nội dung, ngăn ngừa mã độc hại, kiểm soát ứng dụng, kiểm soát người dùng.

- Kiểm soát nội dung và bảo vệ người dùng Internet.

### ***Bảo vệ Trung tâm tích hợp dữ liệu và mạng nội bộ***

- Triển khai các giải pháp bảo vệ hệ thống mạng nội bộ.

Mô hình thiết kế hệ thống mạng và bảo mật của “Trung tâm tích hợp dữ liệu chung” cụ thể như sau:



Hình VI-5: Mô hình thiết kế hệ thống mạng và bảo mật của “Trung tâm tích hợp dữ liệu chung”

### **6.3.4. Công nghệ cho hạ tầng công nghệ trong thời gian tới**

Các công nghệ cho hạ tầng được dựa trên các công nghệ nền tảng thế hệ thứ 3 (Third Platform) như công nghệ điện toán đám mây, Bigdata, IoT, mạng xã hội và công nghệ di động. Các hệ thống này được kết nối với nhau thông qua các mạng truyền số liệu chuyên dùng của ngành, WAN, LAN và mạng internet công cộng.

## **6.4. Các tiêu chuẩn CNTT áp dụng cho Kiến trúc CNTT-TT**

### **6.4.1. Lớp dịch vụ Công thông tin điện tử**

Các tiêu chuẩn có thể áp dụng cho lớp dịch vụ Công thông tin điện tử được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, gồm:

Chuẩn nội dung Web (HTML v4.01); Chuẩn nội dung Web mở rộng (XHTML v1.1); Giao diện người dùng (CSS2, XSL); Văn bản ((.txt), (.rtf) v1.8, v1.9.1, (.docx), (.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7, (.doc), (.odt) v1.1); Bảng tính ((.csv), (.xlsx), (.xls), (.ods) v1.1); Trình diễn ((.htm), (.pptx), (.pdf), (.ppt), (.odp) v1.1); Ảnh đồ họa (JPEG, GIF v89a, TIFF, PNG); Ảnh gắn với tọa độ địa lý (GEO TIFF); Phim ảnh, âm thanh (MPEG-1, MPEG-2, MP3, AAC); Luồng phim ảnh, âm thanh ((.asf), (.wma), (.wmv), (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm), (.avi), (.mov), (.qt)); Hoạt họa (GIF v89a, (.swf), (.swf), (.avi), (.qt), (.mov)); Chuẩn nội dung cho thiết bị di động (WML v2.0; Bộ ký tự và mã hóa (ASCII); Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt (TCVN 6909:2001); Nén dữ liệu (Zip, .gz v4.3); Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách (ECMA 262); Chia sẻ nội dung Web (RSS v1.0, RSS v2.0, ATOM v1.0); Chuẩn kết nối ứng dụng công thông tin điện tử (JSR 168, JSR 286, WSRP v1.0, WSRP v2.0).

### **6.4.2. Lớp ứng dụng và CSDL**

Thống nhất áp dụng các hướng dẫn, quy định, quy chuẩn sau đây:

- Quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, CSDL với CSDL quốc gia.

- Hướng dẫn các điều kiện cơ bản, mô hình, cách thức, quy trình thực hiện, hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn CNTT trong việc triển khai kết nối liên

thông, trao đổi dữ liệu có cấu trúc bằng ngôn ngữ XML giữa các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước .

#### **6.4.3. Lớp dịch vụ chia sẻ và tích hợp**

Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho lớp dịch vụ chia sẻ và tích hợp gồm:

- Tiêu chuẩn tích hợp dữ liệu, gồm: Ngôn ngữ định dạng văn bản (XML v1.0 (5th Edition); XML v1.1); Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử (TCVN ISO/TS 15000:2007); Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu (XML; XML Schema v1.0); Biến đổi dữ liệu (XSL); Mô hình hóa đối tượng (UML v2.0); Mô tả tài nguyên dữ liệu (RDF); Trình diễn bộ ký tự (UTF-8); Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý (GML v3.3); Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý (WMS v1.3.0, WFS v1.1.0); Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML (XMI v 2.1).

- Tiêu chuẩn thực hiện Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng: Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 18384 về Kiến trúc hướng dịch vụ SOA, gồm:

+ ISO/IEC 18384-1:2016 - Tiêu chuẩn quốc tế, ISO/IEC 18384-1:2016; Xuất bản lần đầu 2016-06-01. Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu cho Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA). Phần 1: Thuật ngữ và khái niệm cho SOA (International Standard, ISO/IEC 18384-1; First edition 2016-06-01. Information technology - Reference Architecture for Service Oriented Architecture (SOA RA). Part 1: Terminology and concepts for SOA).

+ ISO/IEC 18384-2:2016 - Tiêu chuẩn quốc tế, ISO/IEC 18384-2; Xuất bản lần đầu 2016-07-01. Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu cho Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA). Phần 2: Kiến trúc tham chiếu cho các giải pháp SOA (International Standard, ISO/IEC 18384-2; First edition 2016-07-01. Information technology - Reference Architecture for Service Oriented Architecture (SOA RA). Part 2: Reference Architecture for SOA Solutions).

+ ISO/IEC 18384-3:2016 - Tiêu chuẩn quốc tế, ISO/IEC 18384-2; Xuất bản lần đầu 2016-07-01. Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu cho Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA). Phần 3: Bản chất của Kiến trúc Hướng dịch vụ (International Standard, ISO/IEC 18384-3; First edition 2016-07-01. Information technology - Reference Architecture for Service Oriented Architecture (SOA RA). Part 3: Service Oriented Architecture ontology).

Ngoài ra, Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đang cần hỗ trợ sử dụng công nghệ dịch vụ web (Web Service), với một số giao thức, tiêu chuẩn cơ bản: HTTP, XML, SOAP, WSDL, UDDI, WS-Security, SAML,...

#### **6.4.4. Lớp hạ tầng kỹ thuật**

Các tiêu chuẩn áp dụng cho lớp hạ tầng kỹ thuật gồm:

- Tiêu chuẩn về kết nối, gồm:

Truyền siêu văn bản (HTTP v1.1); Truyền tệp tin (FTP, HTTP v1.1, WebDAV); Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh (RTSP, RTP, RTCP); Truyền thư điện tử (SMTP/MIME); Cung cấp dịch vụ truy nhập hộp thư điện tử (POP3,IMAP 4rev1); Truy cập thư mục (LDAP v3); Dịch vụ tên miền (DNS); Giao vận mạng có kết nối (TCP); Giao vận mạng không kết nối (UDP); Liên mạng LAN/WAN (IPv4, IPv6); Mạng cục bộ không dây (IEEE 802.11g, IEEE 802.11n); Truy cập Internet với thiết bị không dây (WAP v2.0); Dịch vụ Web (SOAP v1.2, WSDL v1.1, UDDI v3).

- Tiêu chuẩn về Trung tâm dữ liệu

Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, gồm: Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông (TCVN 9250:2012); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 32:2011/BTTTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông (QCVN 9:2010/BTTTT); Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng (TCVN 3890:2009); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình (QCVN 06:2010/BXD) .

- Về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, gồm: Tiêu chuẩn bảo mật cho HSM và thẻ mật mã; Tiêu chuẩn mật mã và chữ ký số; Tiêu chuẩn thông tin, dữ liệu; Tiêu chuẩn chính sách và quy chế chứng thực chữ ký số; Tiêu chuẩn giao thức lưu trữ và truy xuất chứng thư số; Tiêu chuẩn kiểm tra trạng thái chứng thư số; Tiêu chuẩn dịch vụ cấp dấu thời gian .

- Tiêu chuẩn An toàn thông tin, gồm:

An toàn thư điện tử (S/MIME v3.2, OpenPGP); An toàn tầng giao vận (SSH v2.0, TLS v1.2); An toàn truyền tệp tin (HTTPS, FTPS); An toàn truyền thư điện tử (SMTPS); An toàn dịch vụ truy nhập hộp thư (POPS, IMAPS); An toàn dịch vụ DNS (DNSSEC); An toàn tầng mạng (IPsec - IP ESP); An toàn thông tin cho mạng không dây (WPA2); Giải thuật mã hóa (TCVN 7816:2007, 3DES, RSA); Giải thuật chữ ký số (TCVN 7635:2007); Giải thuật băm cho chữ



ký số (SHA-2); Giải thuật truyền khóa (RSA-KEM); Giải pháp xác thực người sử dụng (SAML v2.0); An toàn trao đổi bản tin XML (XML Encryption Syntax and Processing, XML Signature Syntax and Processing); Quản lý khóa công khai bản tin XML (XKMS v2.0); Giao thức an toàn thông tin cá nhân (P3P v1.0); Hạ tầng khóa công khai: Cú pháp thông điệp mật mã cho ký và mã hóa (PKCS#7 v1.5 (RFC 2315), Cú pháp thông tin thẻ mật mã (PKCS#15 v1.1), Giao diện thẻ mật mã (PKCS#11 v2.11), Giao diện nhập/xuất chứng thư (PKCS#12 v1.0), Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi (TCVN 8067:2009), Khuôn dạng chứng thư số (TCVN 8066:2009), Yêu cầu chứng thực (PKCS#10 v1.7 (RFC 2986), Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến (RFC 2560); An toàn cho dịch vụ Web (WS-Security v1.1).

- Bộ tiêu chuẩn ISO/IEC 2700x cho quản lý an toàn thông tin, quản lý rủi ro thông tin (ISO/IEC 27001, ISO/IEC 27003, ISO/IEC 27005).

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11239:2015 ISO/IEC 27035:2011, CNTT - Các kỹ thuật an toàn - Quản lý sự cố ATTT.

## **VII. KIẾN TRÚC AN TOÀN THÔNG TIN**

### **7.1. An toàn thông tin cho các thành phần kiến trúc**

An toàn thông tin bao phủ khắp các thành phần kiến trúc và trong tất cả các giai đoạn phát triển Kiến trúc CNTT-TT. Mục đích cơ bản của ATTT là bảo vệ giá trị của hệ thống và tài sản thông tin của các cơ quan đảng.

Các vấn đề cần được quan tâm đối với bảo đảm an toàn thông tin là:

- Xác thực: Việc chứng minh danh tính của một cá nhân hoặc tổ chức liên quan đến doanh nghiệp hoặc hệ thống theo một cách nào đó.

- Ủy quyền: Định nghĩa và thực thi các khả năng được phép đối với một cá nhân hoặc tổ chức có danh tính đã được thiết lập.

- Kiểm toán: Khả năng cung cấp dữ liệu chứng thực rằng các hệ thống đã được sử dụng theo các chính sách bảo mật đã nêu.

- Bảo vệ tài sản thông tin: Việc bảo vệ tài sản thông tin khỏi bị mất hoặc tiết lộ không mong muốn, và các nguồn lực từ việc sử dụng trái phép và không chủ định.

- Quản trị: Khả năng thêm và thay đổi chính sách bảo mật, thêm hoặc thay đổi cách các chính sách được triển khai trong tổ chức và thêm hoặc thay đổi người hoặc tổ chức liên quan đến hệ thống.

- Quản lý rủi ro an toàn thông tin: Thái độ của tổ chức và khả năng chấp nhận rủi ro về an toàn thông tin.

### **7.2. An toàn thông tin trong Tầm nhìn kiến trúc**

Bảo mật thông tin là các quá trình và các phương pháp được thiết kế và thực hiện để bảo vệ thông tin dạng bản in, điện tử, hoặc bất kỳ hình thức khác của thông tin bí mật, riêng tư và nhạy cảm hoặc dữ liệu từ các hoạt động truy cập trái phép, sử dụng, lạm dụng, tiết lộ, tiêu hủy, sửa đổi, hoặc gián đoạn.

An toàn thông tin liên quan đến việc bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu bất kể dưới hình thức các dữ liệu có thể thực hiện: Điện tử, bản in hoặc các hình thức khác.

Các chính sách bảo đảm ATTT, các quy định, kế hoạch dự phòng sự cố ATTT và khôi phục sự cố ATTT của các cơ quan đảng cần dựa trên yêu cầu “Gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia” đã nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế cũng như Chỉ thị 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng.

Các thành phần của chính sách bảo đảm an toàn thông tin cần được xem xét gồm:

- Tuân thủ quy định.
- Quản lý chính sách.
- Nhận thức.
- Đo lường và báo cáo.
- Thông tin và công nghệ quản lý tài sản.
- Ứng phó khẩn cấp.
- Quản lý các đe dọa.

Tiêu chuẩn áp dụng cho chính sách quản lý an toàn thông tin là ISO 27001.

### **7.3. An toàn thông tin trong Kiến trúc nghiệp vụ**

Một số yêu cầu cần xác định:

- Xác định ai là tác nhân hợp pháp sẽ tương tác với sản phẩm / dịch vụ/ quy trình nghiệp vụ. Điều này bảo đảm tính hợp pháp của các truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu; đặc biệt nhiều quyết định tiếp theo về ủy quyền sẽ dựa trên sự hiểu biết về người dùng, quản trị viên và nhà khai thác dự kiến của hệ thống, ngoài khả năng và đặc điểm dự kiến của họ.

- Đánh giá các quy trình nghiệp vụ cụ thể về ATTT hiện tại, như quy trình kiểm soát, xác thực và chấp nhận người dùng hệ thống.

- Xác định và tài liệu hóa các quy trình pháp lý bảo mật thích hợp. Để có thể thực thi các chính sách bảo mật, vi phạm an ninh cần được nắm bắt đúng cách để xác định vấn đề và chính sách hoặc hành động pháp lý có thể được thực hiện đối với pháp nhân gây ra vi phạm. Các cán bộ bảo đảm ATTT cần được huấn luyện để tuân thủ các thủ tục pháp lý và tài liệu huấn luyện liên quan đến nhu cầu thu thập chứng cứ.

#### **7.4. An toàn thông tin trong Kiến trúc dữ liệu và ứng dụng**

An toàn dữ liệu và ứng dụng là sử dụng các phần mềm, phần cứng và các phương pháp thủ tục để bảo vệ dữ liệu, ứng dụng từ các mối đe dọa bên ngoài.

Các biện pháp an ninh tích hợp vào các ứng dụng và ứng dụng cảnh báo âm thanh để hạn chế tối đa khả năng tin tặc sẽ có thể thao tác các ứng dụng và truy cập, đánh cắp, thay đổi, hoặc xóa dữ liệu nhạy cảm.

Nguyên tắc an toàn dữ liệu, ứng dụng là tập hợp các thuộc tính, ứng dụng, hành vi, thiết kế và thực thi mong muốn nhằm giảm sự có khả năng của nhận thức mối đe dọa và ảnh hưởng của mối đe dọa đó.

Nguyên tắc an toàn dữ liệu, ứng dụng là ngôn ngữ độc lập, kiến trúc nguyên bản trung lập có thể được thừa hưởng trong hầu hết các phương pháp phát triển phần mềm để thiết kế và xây dựng ứng dụng.

Đảm bảo an toàn thông tin cho lớp dữ liệu và ứng dụng bao gồm:

- Bảo vệ máy chủ hệ thống.
- Bảo vệ ứng dụng web.
- Bảo vệ máy chủ cơ sở dữ liệu.
- Bảo vệ thư điện tử.
- Phòng chống virus và mã độc.
- Bảo vệ hệ thống truyền hình trực tuyến (Video conference).
- Bảo vệ truy cập Cổng thông tin điện tử.
- Triển khai hệ thống chữ ký số xác thực người sử dụng trong các hệ thống văn bản điều hành, thư điện tử, các hệ thống ứng dụng chuyên dùng.

## **7.5. An toàn thông tin trong Kiến trúc công nghệ**

An toàn cơ sở hạ tầng bao gồm phần cứng, phần mềm, tài nguyên mạng và các dịch vụ cần thiết cho hoạt động và quản lý môi trường ứng dụng CNTT của tổ chức; nó cho phép một tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của mình một cách tin cậy.

a) Đảm bảo an toàn hạ tầng kỹ thuật:

- Bảo vệ vành đai, chống tấn công từ bên ngoài vào
- Chống tấn công từ chối dịch vụ
- Tường lửa, mạng riêng ảo, ngăn chặn xâm nhập, lọc nội dung, ngăn ngừa mã độc hại, kiểm soát ứng dụng, kiểm soát người dùng
- Kiểm soát nội dung và bảo vệ người dùng Internet.

b) Bảo vệ mạng nội bộ:

- Triển khai các giải pháp bảo vệ hệ thống mạng nội bộ.
- Mã hóa thông tin cần bảo vệ theo quy định của pháp luật.
- Giám sát các hành vi trên mạng nội bộ.

c) Chính sách đảm bảo an toàn hạ tầng kỹ thuật

- Quy định về kiểm soát truy cập vật lý: Nhằm ngăn cản những truy cập bất hợp pháp vào máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị phần cứng và giảm thiểu thiệt hại đối với các thông tin quan trọng

- Quy định về quản lý, vận hành hệ thống thông tin: Quy định này đảm bảo tránh việc rò rỉ, mất mát thông tin khi quản lý vận hành hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin và mạng máy tính.

- Quy định về quản lý tài sản phần cứng và phần mềm: Quy định việc quản lý tài sản phần cứng và phần mềm nhằm đảm bảo tránh việc rò rỉ hoặc mất mát thông tin trên các thiết bị, ứng dụng quản lý, lưu trữ thông tin.

- Quy định về quản lý thông tin: Quy định về quản lý thông tin cần được xây dựng để ngăn chặn việc rò rỉ, mất mát các thông tin bảo mật và quy định các thông tin được công bố.

- Quy định về việc quản lý bên thứ 3: Quy định về việc quản lý bên thứ ba cần được xây dựng để ngăn chặn việc rò rỉ hoặc mất mát thông tin quan trọng do bên thứ ba gây ra.

- Quy định về sự chấp hành, đào tạo và nâng cao nhận thức: Mục tiêu của quy định về sự chấp hành, đào tạo và nâng cao nhận thức nhằm nâng cao nhận thức liên quan đến an toàn, bảo mật cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị và đảm bảo tính hiệu quả trong việc triển khai nội quy an toàn, bảo mật trong đơn vị.

#### **7.6. An toàn thông tin trong Cơ hội và giải pháp triển khai kiến trúc**

An toàn thông tin phải là một trong những giải pháp quan trọng trong các giải pháp triển khai kiến trúc, trong đó có các yêu cầu sau:

- Xây dựng và thường xuyên cập nhật quy định về quản lý an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan đảng theo tiêu chuẩn của Việt Nam và quốc tế.

- Xây dựng, thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin của các cơ quan đảng.

- Bảo đảm sử dụng các phần mềm có bản quyền hợp pháp để tránh các nguy cơ mã độc xâm nhập, gây mất an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin của cơ quan Đảng.

- Giám sát chặt chẽ việc thực thi quy chế bảo mật thông tin theo quy định của Đảng và pháp luật nhà nước trong hoạt động công vụ của các cơ quan đảng.

- Thường xuyên hợp tác, trao đổi thông tin với các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin trong nước để ngăn ngừa các nguy cơ, sự cố gây mất an toàn, an ninh thông tin cho các cơ quan đảng,...

#### **7.7. An toàn thông tin trong thực hiện Kế hoạch triển khai kiến trúc**

Trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch triển khai kiến trúc, các thành phần bảo mật mới thường là một phần của cơ sở hạ tầng mà hệ thống mới được triển khai. Cơ sở hạ tầng bảo mật cần phải ở giai đoạn đầu hoặc giai đoạn đầu để hỗ trợ đúng dự án.

Trong các giai đoạn vận hành, các cơ chế được sử dụng để giám sát hiệu suất của hệ thống. Tính bảo mật và tính khả dụng của nó cũng không ngoại lệ.

Bảo mật của bất kỳ hệ thống nào không phụ thuộc vào thiết kế và thực hiện một mình, mà còn phụ thuộc vào trạng thái cài đặt và vận hành. Các điều kiện này phải được xác định và giám sát không chỉ tại triển khai mà còn trong suốt quá trình vận hành.

### **7.8. An toàn thông tin trong Quản trị triển khai kiến trúc**

Thực hiện các phương pháp và thủ tục để xem xét sự tuân thủ tuân thủ các chính sách bảo đảm ATTT của các cơ quan đảng trong quản trị triển khai kiến trúc.

Các phương pháp có thể được thực hiện là:

- Xem lại cấu hình hệ thống với tác động bảo mật có thể được sửa đổi để đảm bảo thay đổi cấu hình không ảnh hưởng đến thiết kế bảo mật.
- Kiểm tra thiết kế, triển khai và các hoạt động chống lại chính sách bảo mật.
- Thử nghiệm đối với các hệ thống để đảm bảo các hệ thống bảo mật đã được triển khai như được thiết kế.
- Chạy thử nghiệm khôi phục thảm họa.
- Thực hiện đào tạo cần thiết để đảm bảo triển khai, cấu hình và hoạt động chính xác của các hệ thống con và thành phần liên quan đến bảo mật.

### **7.9. An toàn thông tin trong Quản lý thay đổi**

Những thay đổi trong chính sách ATTT có thể được điều chỉnh bởi quy chế, quy định khi không còn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hoặc có thay đổi về tiêu chuẩn bảo mật theo yêu cầu bảo mật mới.

## VIII. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KIẾN TRÚC

### 8.1. Kế hoạch và lộ trình triển khai thực hiện kiến trúc

Lộ trình triển khai các nhiệm vụ, dự án nhằm đáp ứng các yêu cầu của các nhiệm vụ có tính chất nền tảng, cốt lõi và dùng chung cho toàn bộ hệ thống, làm cơ sở cho sự đồng bộ và phù hợp với kiến trúc; đồng thời đáp ứng yêu cầu thực hiện thành công Chương trình 260 vào năm 2020 cũng như hoàn thành triển khai thực hiện Kiến trúc CNTT-TT của các cơ quan đảng vào năm 2025.

#### 8.1.1. Các nhiệm vụ, dự án CNTT của các cơ quan đảng ở Trung ương và lộ trình triển khai

Bảng VIII-1: Các nhiệm vụ, dự án CNTT của các cơ quan đảng ở Trung ương

STT	Tên dự án	CT 260	Đề xuất mới	Thời gian hoàn thành			
				2019	2020	2022	2025
<b>I</b>	<b>Các HTTT, ứng dụng dùng chung</b>						
1.	Cổng TTĐT nội bộ của Đảng (trên WAN).	x		x			
2.	Cổng TTĐT của Đảng trên Internet.	x		x			
3.	HT email công vụ trên Internet dùng chung cho các cơ quan đảng.		x	x			
4.	Hoàn thiện HTTT điều hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan đảng trên WAN (chuyển sang giao diện Web, tích hợp chữ ký số và giải pháp bảo mật), tích hợp cả CSDL Văn kiện Đảng, Mục lục hồ sơ kho lưu trữ điện tử của Đảng, hình thành các kho dữ liệu của các cơ quan đảng.	x		x			



5.	HTTT ngành Tổ chức - Xây dựng Đảng (tích hợp cả CSDL Đảng viên và tổ chức Đảng, CSDL về CBCC, Danh mục các cơ quan đảng).	x		Bắt đầu triển khai	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ	x
6.	HTTT ngành Tuyên giáo (tích hợp cả CSDL về Văn kiện Đảng trên Internet; CSDL về xin ý kiến về Văn kiện Đại hội Đảng; CSDL về triển khai, tổng kết các NQ lớn của Đảng).	x		Tiếp tục hoàn thiện	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ.	x
7.	HTTT ngành Nội chính (bao gồm cả lĩnh vực nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp).	x		Bắt đầu triển khai	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ.	x
8.	HTTT ngành Dân vận ( tích hợp cả CSDL về các dân tộc, tôn giáo, CSDL về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, CSDL về MTTQ các cấp).	x		Tiếp tục hoàn thiện	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ.	x

9.	HTTT ngành Kiểm tra (tích hợp cả CSDL về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng).	x		Tiếp tục hoàn thiện	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ	x
10.	HTTT ngành Kinh tế	x		Bắt đầu triển khai	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ.	x
11.	HTTT ngành Đối ngoại (tích hợp cả CSDL về các đảng, phong trào CS & CN quốc tế).	x		Bắt đầu triển khai	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ.	x
12.	HTTT công tác Văn phòng, tích hợp cả: + PM quản lý tài chính, tài sản của Đảng. + PM quản lý Chương trình công tác của Lãnh đạo. PM theo dõi triển khai Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.			Bắt đầu triển khai	Sử dụng 4 chức năng cơ bản: Nghiên cứu, đề xuất; Hướng dẫn, kiểm tra; Thẩm định, thẩm tra; Phối hợp và một số thành phần của chức năng Quản lý nghiệp vụ.	x

13.	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình của các địa phương.	x				x		
14.	HT thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet.		x			x		
15.	HT đào tạo trực tuyến của các cơ quan đảng.		x				x	
16.	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đảng.		x	x				
17.	Xây dựng HT giám sát ATTT mạng của các cơ quan đảng.		x			x		
<b>II</b>	<b>Các CSDL</b>							
18.	CSDL người dùng các HTTT của Đảng (để thực hiện SSO).	x		x				
19.	Các danh mục dùng chung: Danh mục các đơn vị sử dụng các HTTT của Đảng; Danh mục các tổ chức Đảng; Danh mục các loại hồ sơ, tài liệu điện tử trong Hệ thống;... (Để xây dựng hệ thống các Mã thông tin).	x		x				
20.	Các CSDL dùng chung (VK Đảng; Mục lục HS kho lưu trữ; VB QPPL; Dữ liệu cơ bản về: Đảng viên, CBCC các cơ quan đảng; CB điện BCT, BBT quản lý; Dữ liệu cơ bản về đơn thư KNTC; Các tổ chức Đảng; HT các Danh mục (Mã); VB và HSCV của các cơ quan đảng; Đề tài NCKH của CQ Đảng; Dữ liệu về tổ chức, phòng trào CS và CN thế giới; Quy định về: quản lý CBCC, tài chính, tài sản, ứng dụng CNTT của các cơ quan đảng;...).				Bắt đầu	x		
21.	CSDL tài liệu số hóa của các cơ quan đảng.	x				x		
22.	CSDL Văn bản quy phạm pháp luật (đã hoàn thành năm 2018).	x						

<b>III</b>	<b>Các ứng dụng nội bộ</b>					
23.	PM QL và điều hành xe ô tô.	x			x	
24.	PM QL nhà khách, nhà nghỉ.	x			x	
25.	PM QL khách ra vào cơ quan.	x			x	
26.	PM QL sao in văn kiện Đảng.		x		x	
27.	PM QL quản lý tư liệu, thư viện (Thư viện điện tử).	x			x	
28.	PM quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo dùng chung.		x	x		
<b>IV</b>	<b>Trang thiết bị kỹ thuật</b>					
29.	Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị phần cứng (Máy chủ, máy tính, máy in...) cho các cơ quan đảng.	x				
30.	Nâng cấp máy chủ/thiết bị mạng của Trung tâm tích hợp dữ liệu các cơ quan đảng ở Trung ương.	x			x	
<b>V</b>	<b>Xây dựng quy định</b>					
31.	Quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng.	x			x	
32.	Ban hành Mã định danh cán bộ, công chức, viên chức; Mã định danh các cơ quan đảng; Mã định danh các loại hồ sơ, tài liệu điện tử để sử dụng cho các HTTT của cơ quan Đảng (theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh- QCVN 102:2016/BTTTT).		x	x		
33.	Quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu trong các cơ quan đảng.		x	x		
34.	Quy định về thẩm định kỹ thuật các dự án CNTT của các cơ quan đảng, bảo đảm tuân thủ Kiến trúc CNTT-TT.		x	x		

### 8.1.2. Các nhiệm vụ, dự án CNTT của các cơ quan đảng ở địa phương và lộ trình triển khai

Bảng VIII-2: Các nhiệm vụ, dự án CNTT của các cơ quan đảng ở địa phương

STT	Tên dự án	Thời gian
<b>I</b>	<b>Các HTTT, ứng dụng dùng chung</b>	
1.	Cổng TTĐT của tỉnh ủy/thành ủy (Trên WAN, Internet)	2019
2.	HT Email công vụ dùng chung cho các cơ quan đảng của địa phương	2019
3.	Hệ thống thông tin tổng hợp tình hình của địa phương.	2020
4.	Các HTTT dùng chung từ Trung ương đến địa phương do các cơ quan Trung ương xây dựng và triển khai. Các cơ quan đảng ở địa phương tham gia phối hợp và sử dụng.	2020
<b>II</b>	<b>Các CSDL</b>	
5.	CSDL người dùng các HTTT của Đảng (để thực hiện SSO).	2019
6.	CSDL tài liệu số hóa của các cơ quan đảng.	2020
7.	Các danh mục dùng chung: Danh mục các đơn vị sử dụng các HTTT của Đảng; Danh mục các tổ chức Đảng; Danh mục các loại hồ sơ, tài liệu điện tử trong Hệ thống;... (Để xây dựng hệ thống các Mã thông tin).	2019
<b>III</b>	<b>Các ứng dụng nội bộ</b>	
8.	PM quản lý Chương trình công tác của Lãnh đạo.	2019
9.	PM theo dõi kết quả thực hiện Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của BCH Tỉnh ủy, Thành ủy/Huyện ủy, Quận ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy/Huyện ủy, Quận ủy.	2019
10.	PM QL CB diện thành ủy quản lý.	2020
11.	PM QL công việc theo vị trí việc làm.	2020
12.	PM quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo.	2019
13.	PM thư viện điện tử của các cơ quan đảng.	2020
14.	PM QL và điều hành xe ô tô.	2019
15.	PM QL nhà khách, nhà nghỉ.	2019
16.	PM QL khách ra vào cơ quan.	2019
17.	PM QL sao in văn kiện Đảng.	2020
18.	Các ứng dụng nội bộ khác.	2020
<b>IV</b>	<b>Trang thiết bị kỹ thuật</b>	

19.	Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị phần cứng các cơ quan đảng (Máy chủ, máy tính, máy in...).	2019-2025
20.	Nâng cấp máy chủ/ thiết bị mạng của Trung tâm tích hợp dữ liệu các cơ quan đảng ở Trung ương.	2019-2025
<b>V</b>	<b>Xây dựng quy định</b>	
21.	Mã định danh các loại hồ sơ, tài liệu điện tử để sử dụng cho các HTTT của cơ quan Đảng (theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh- QCVN 102:2016/BTTTT).	2019
22.	Quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu trong các cơ quan đảng.	2019
23.	Quy định về thẩm định kỹ thuật các dự án CNTT của các cơ quan đảng ở địa phương, bảo đảm tuân thủ Kiến trúc CNTT-TT.	2019

## **8.2. Các giải pháp chính triển khai thực hiện kiến trúc**

### **8.2.1. Giải pháp về chỉ đạo, điều hành**

Với tầm quan trọng của triển khai Kiến trúc CNTT-TT, nhằm thống nhất trong toàn hệ thống về kiến trúc nghiệp vụ, kiến trúc dữ liệu, kiến trúc ứng dụng, kiến trúc ATTT; đặc biệt là liên thông, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền sử dụng trong toàn hệ thống, tránh độc quyền, cát cứ thông tin, dữ liệu; Ban Bí thư giao Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư chỉ đạo triển khai thực hiện Kiến trúc này.

Việc điều hành triển khai Kiến trúc cần tập trung, thống nhất trong các cơ quan đảng từ Trung ương đến địa phương, đồng thời gắn kết nhiệm vụ triển khai Kiến trúc với thực hiện cải cách hành thủ tục chính trong các cơ quan đảng để ứng dụng CNTT thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính trong Đảng, đổi mới phương thức và lề lối làm việc, tăng cường công tác cải tiến quy trình, chuẩn hóa các nghiệp vụ để ứng dụng CNTT hiệu quả hơn.

Công tác chỉ đạo điều hành có trọng tâm, trọng điểm theo đúng lộ trình Kiến trúc, bảo đảm tính khả thi cao.

### **8.2.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Ban hành các văn bản hướng dẫn việc sử dụng, khai thác, tích hợp giữa các hệ thống thông tin chuyên ngành, dùng chung của các cơ quan đảng.

- Ban hành quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu trong các cơ quan đảng.

- Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng.

- Ban hành các quy định về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong hoạt động của các cơ quan đảng.

- Ban hành quy định về tài chính cho triển khai thực hiện Kiến trúc phù hợp với đặc thù ứng dụng CNTT của các cơ quan đảng. Nghiên cứu cơ chế thuê dịch vụ CNTT phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với đặc thù về quản lý, bảo mật thông tin của các cơ quan đảng.

- Ban hành quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ đội ngũ cán bộ CNTT của các cơ quan đảng.

### **8.2.3. Giải pháp về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin**

- Xây dựng và thường xuyên cập nhật quy định về quản lý an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan đảng theo tiêu chuẩn của Việt Nam và quốc tế.

- Xây dựng, thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin của các cơ quan đảng; bảo đảm sử dụng các phần mềm có bản quyền hợp pháp để tránh các nguy cơ mã độc xâm nhập, gây mất an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin của cơ quan đảng.

- Thường xuyên hợp tác, trao đổi thông tin với các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin trong nước để ngăn ngừa các nguy cơ, sự cố gây mất an toàn, an ninh thông tin cho các cơ quan đảng.

- Giám sát chặt chẽ việc thực thi quy chế bảo mật thông tin theo quy định của Đảng và pháp luật nhà nước trong hoạt động công vụ của các cơ quan đảng,....

### **8.2.4. Giải pháp về bảo đảm tài chính**

- Lập kế hoạch và bố trí đủ kinh phí cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch triển khai thực hiện Kiến trúc.

### **8.2.5. Giải pháp về tập huấn triển khai kiến trúc đối với cán bộ quản lý, chuyên viên**

Tập huấn triển khai kiến trúc đối với cán bộ quản lý, chuyên viên là một trong những yêu cầu quan trọng, bảo đảm tất cả những người liên quan đều nắm vững được kiến thức, kỹ năng trong quá trình thực thi nhiệm vụ khi triển khai Kiến trúc. Các đối tượng cần được tập huấn bao gồm: Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý về nghiệp vụ, cán bộ quản lý về CNTT, cán bộ chuyên trách về CNTT.

### **8.2.6. Giải pháp về tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực CNTT**

- Xây dựng, củng cố hệ thống đơn vị chuyên trách về CNTT và đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT của các cơ quan đảng, làm đầu mối để triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng, hỗ trợ đổi mới việc thực hiện công việc một cách hiệu quả và sáng tạo.

- Xác lập vai trò tham mưu, chỉ đạo, quản lý về ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng của Trung tâm Công nghệ thông tin – Cơ yếu thuộc Văn phòng Trung ương Đảng.

- Tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng cán bộ để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong quản lý.

- Tăng cường tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức các cơ quan đảng. Nghiên cứu áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến để nâng cao hiệu quả của các khóa đào tạo.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành cho cán bộ chuyên trách về CNTT cho các cơ quan đảng; xem xét bố trí hợp lý cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ quan đảng, bảo đảm ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Tổ chức nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các mô hình thực tế ứng dụng CNTT hiệu quả trong nước, quốc tế.

### **8.3. Tổ chức triển khai thực hiện kiến trúc**

1. Văn phòng Trung ương Đảng chỉ đạo triển khai Kiến trúc tổng thể CNTT-TT thống nhất trong các cơ quan đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm:

- Hướng dẫn các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán triển khai Kiến trúc này.

- Thẩm tra các nhiệm vụ, dự án của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương, bảo đảm tuân thủ Kiến trúc.

- Chủ trì việc tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Kiến trúc.

- Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bố trí đủ kinh phí trong dự toán hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án triển khai thực hiện kiến trúc của các cơ quan đảng ở Trung ương.



- Đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc triển khai thực hiện kiến trúc và chỉ đạo cập nhật kiến trúc khi thấy cần thiết; xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm gửi Thường trực Ban Bí thư, đề xuất điều chỉnh các nội dung nhiệm vụ, dự án cho phù hợp với tình hình thực tiễn của các cơ quan đảng.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan đảng ở Trung ương bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật mạng và an toàn, bảo mật thông tin; hệ thống chứng thực chữ ký số trong các cơ quan đảng.

3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo bố trí đủ vốn từ ngân sách Trung ương cho các nhiệm vụ, dự án trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng CNTT của các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương theo phân kỳ của Kiến trúc này.

4. Các cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh ủy, thành ủy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Kiến trúc này, định kỳ hằng năm báo cáo Ban Bí thư (qua Văn phòng Trung ương Đảng).

## IX. QUẢN TRỊ TRIỂN KHAI VÀ DUY TRÌ KIẾN TRÚC

### 9.1. Các nội dung quản trị triển khai Kiến trúc

Các nội dung quản trị triển khai Kiến trúc CNTT-TT được mô tả trong bảng sau:

Bảng IX-1: Các nội dung quản trị triển khai Kiến trúc CNTT-TT

STT	Tên nội dung	Định nghĩa	Hoạt động
1	Theo dõi và đánh giá kết quả hoạt động CNTT	Đề quản lý kết quả hoạt động CNTT một cách hiệu quả đòi hỏi phải có một quy trình giám sát đánh giá. Quy trình này bao gồm việc xác định các chỉ số thể hiện các kết quả hoạt động, báo cáo kết quả hoạt động một cách kịp thời và có hệ thống, và xử lý kịp thời đối với các sai lệch. Việc giám sát cần đảm bảo thực hiện đúng công việc và phù hợp với định hướng và chính sách.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng phương pháp giám sát.</li><li>- Xác định và lựa chọn các mục tiêu có thể đo lường được phục vụ cho các mục tiêu nghiệp vụ.</li><li>- Xây dựng bảng điểm đánh giá.</li><li>- Đánh giá kết quả hoạt động.</li><li>- Báo cáo kết quả hoạt động.</li><li>- Xác định và theo dõi các hành động cải tiến hoạt động.</li></ul>
2	Theo dõi và đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ	Thiết lập một chương trình kiểm soát nội bộ hiệu quả đối với CNTT đòi hỏi phải có quy trình theo dõi giám sát rõ ràng. Quy trình này bao gồm việc theo dõi và báo cáo những trường hợp ngoại lệ trong quá trình kiểm soát, kết quả tự đánh giá và kết quả thẩm định của bên thứ ba. Lợi ích chủ yếu của theo dõi kiểm soát nội bộ là đảm bảo hiệu quả và hiệu suất của hoạt động, đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Theo dõi và kiểm soát các hoạt động kiểm soát nội bộ về CNTT.</li><li>- Theo dõi quy trình tự đánh giá.</li><li>- Theo dõi kết quả của các hoạt động thẩm định, kiểm toán và kiểm tra độc lập.</li><li>- Theo dõi quy trình đảm bảo chất lượng của các hoạt động kiểm soát được thực hiện bởi bên thứ ba.</li><li>- Theo dõi quy trình xác định và đánh giá những trường hợp ngoại lệ trong quá trình kiểm soát.</li><li>- Theo dõi quy trình xác định và xử lý những trường hợp ngoại lệ trong quá trình kiểm</li></ul>

STT	Tên nội dung	Định nghĩa	Hoạt động
			soát nội bộ. - Báo cáo cho các bên liên quan.
3	Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu theo kiến trúc	Để theo dõi tuân thủ hiệu quả cần hình thành một quy trình kiểm tra nhằm đảm bảo sự tuân thủ theo kiến trúc, tối ưu hóa và đánh giá khả năng đáp ứng, đảm bảo việc tuân thủ và cuối cùng, tích hợp báo cáo tuân thủ CNTT với phần còn lại của nghiệp vụ	- Xây dựng và thực thi quy trình xác định các yêu cầu tuân thủ kiến trúc. - Đánh giá sự tuân thủ của các hoạt động CNTT với kiến trúc. - Cung cấp các thông tin đầu vào phục vụ điều chỉnh các hoạt động CNTT theo kiến trúc. - Xây dựng hệ thống báo cáo việc tuân thủ theo kiến trúc.
4	Quản trị các hoạt động CNTT	Hình thành một khuôn khổ quản trị hiệu quả bao gồm cả việc xác định cơ cấu tổ chức, quy trình, lãnh đạo, vai trò và trách nhiệm nhằm đảm bảo rằng các khoản đầu tư cho CNTT của VPTW Đảng phù hợp và được thực hiện theo kiến trúc	- Tạo dựng sự quan tâm và tạo điều kiện của lãnh đạo cấp cao đối với các hoạt động CNTT. - Kiểm tra, gắn kết, và truyền thông nội bộ về hoạt động CNTT, chiến lược, nguồn lực và quản lý rủi ro CNTT phù hợp với chiến lược về nghiệp vụ. - Có đánh giá định kỳ độc lập về hoạt động và sự tuân thủ với những chính sách, kế hoạch và thủ tục. - Khắc phục sửa chữa những vấn đề được phát hiện theo các đánh giá độc lập, và đảm bảo việc các cấp lãnh đạo sẽ triển khai thực hiện những kiến nghị đã được thống nhất. - Xây dựng báo cáo quản trị CNTT

## 9.2. Trách nhiệm quản trị Kiến trúc

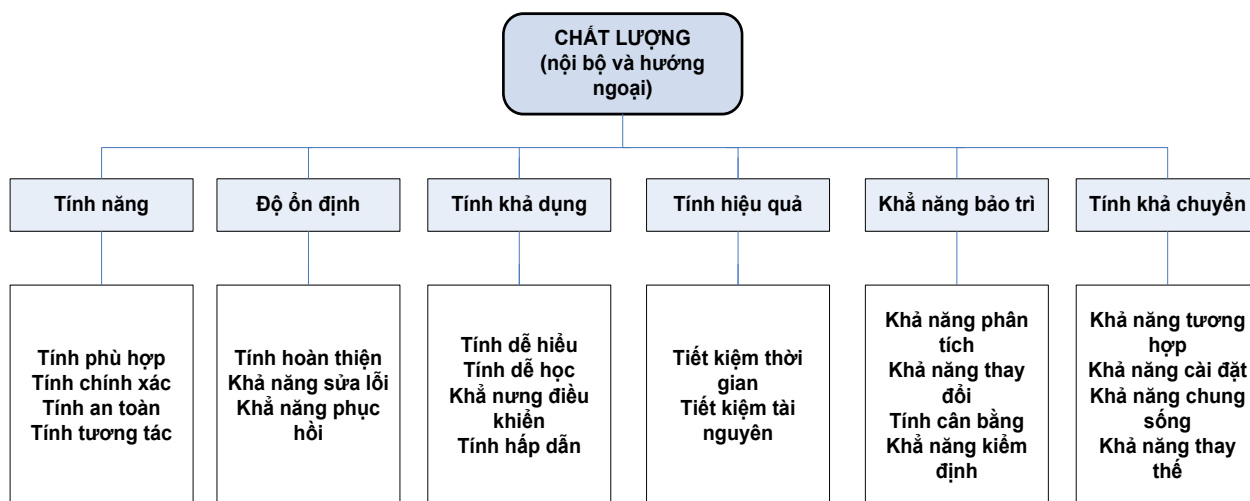
Các cơ quan quản trị Kiến trúc CNTT-TT được mô tả trong bảng sau:

Bảng IX-2: Các cơ quan quản trị Kiến trúc CNTT-TT

STT	CQ chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp	Nội dung thực hiện
1	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan đảng ở TW và ĐP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp Ban Bí thư chỉ đạo triển khai kiến trúc.</li> <li>- Quản lý dự án CNTT, Quản lý dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu.</li> <li>- Đánh giá, kiểm định chất lượng triển khai của các hoạt động CNTT</li> </ul>
3	Trung tâm Công nghệ thông tin – Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng	Các Trung tâm/phòng phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin của Văn phòng tỉnh/thành ủy và các cơ quan đảng ở Trung ương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp Lãnh đạo VPTW Đảng tổ chức triển khai kiến trúc.</li> <li>- Xây dựng, trình Lãnh đạo VPTW Đảng ban hành các quy định về kết nối, liên thông, các tiêu chuẩn dữ liệu, các hướng dẫn sử dụng dịch vụ.</li> </ul>

### 9.3. Bảo đảm chất lượng sản phẩm phần mềm khi triển khai Kiến trúc

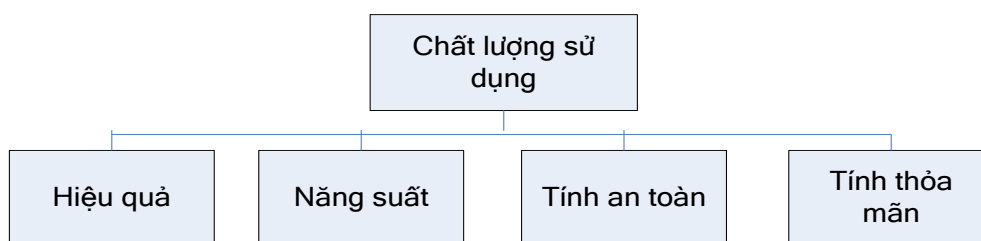
Bảo đảm chất lượng sản phẩm phần mềm khi triển khai Kiến trúc CNTT-TT tuân thủ theo ISO 9126; theo đó, mô hình bảo đảm chất lượng của sản phẩm phần mềm trong quá trình phát triển như sau:



Hình IX-1: Mô hình chất lượng của sản phẩm phần mềm

Mỗi tiêu chí chất lượng, tiêu chí chất lượng con của phần mềm đều được định nghĩa. Với mỗi tiêu chí và các tiêu chí con, khả năng của phần mềm được xác định bằng tập các thuộc tính trong có thể đo đạc được. Các tiêu chí và các tiêu chí con cũng có thể đo đạc trong phạm vi khả năng của hệ thống chứa phần mềm.

Tiêu chí đối với chất lượng sử dụng được chia thành 4 tiêu chí: tính hiệu quả, năng suất, tính an toàn và tính thoải mái.



Hình IX-2: Mô hình tiêu chí đánh giá chất lượng

Chất lượng sử dụng là đánh giá của người sử dụng về chất lượng. Chất lượng sử dụng phụ thuộc vào chất lượng ngoài, mặt khác chất lượng ngoài lại phụ thuộc vào chất lượng trong. Thường phải tiến hành đánh giá trên cả 3 yêu cầu chất lượng (yêu cầu đối với chất lượng trong, chất lượng ngoài, chất lượng sử dụng) vì việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng trong không có nghĩa sẽ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ngoài, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ngoài không có nghĩa sẽ đáp ứng tiêu chuẩn của chất lượng sử dụng.

#### **9.4. Duy trì cập nhật Kiến trúc CNTT-TT**

Trong quá trình triển khai thực hiện Kiến trúc CNTT-TT, cần thiết phải duy trì cập nhật kiến trúc song hành với quản lý thay đổi cũng như kiểm soát rủi ro nhằm duy trì và đạt được mục tiêu kiến trúc.

Nội dung cập nhật kiến trúc gồm:

- Đánh giá và cập nhật hiện trạng triển khai thực hiện Kiến trúc CNTT-TT.
- Cập nhật, mô tả các thành phần kiến trúc phù hợp với hiện trạng triển khai thực hiện Kiến trúc CNTT-TT.
- Cập nhật lộ trình/kế hoạch thực hiện/nguồn kinh phí và trách nhiệm triển khai các thành phần trong kiến trúc.

Việc cập nhật kiến trúc được thực hiện hàng năm và do Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện.

---